

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TIN HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

(Hồ sơ đề nghị Đánh giá ngoài)

Cần Thơ, tháng 08 năm 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TIN HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Hồ sơ đề nghị Đánh giá ngoài)

Cần Thơ, tháng 8 năm 2022

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH SƯ PHẠM TIN HỌC

(Kèm theo Quyết định số 3068/QĐ-ĐHCT ngày 28 tháng 7 năm 2021; của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

Danh sách Hội đồng

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Hà Thanh Toàn	GS.TS. Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Hiếu Trung	PGS.TS. Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	Huỳnh Anh Huy	TS. Trưởng Khoa Sư phạm	Phó chủ tịch	
4	Trương Minh Thái	TS. Đại diện Hội đồng trường	Thành viên	
5	Nguyễn Hữu Hòa	TS. Đại diện Hội đồng KH&ĐT	Thành viên	
6	Nguyễn Trung Kiên	PGS.TS. Trưởng Bộ môn, SP Toán, Khoa Sư phạm	Thư ký	
7	Nguyễn Minh Trí	ThS. Trưởng phòng đào tạo	Thành viên	
8	Lê Văn Nhung	TS. Phó trưởng Khoa Sư phạm	Thành viên	
9	Đào Phong Lâm	TS. Phó Giám đốc Trung tâm QLCL	Thành viên	
10	Nguyễn Văn Trí	ThS. Trưởng phòng QT-TB	Thành viên	
11	Nguyễn Thanh Tường	TS. Trưởng phòng CTSV	Thành viên	
12	Lê Phi Hùng	ĐH. Trưởng phòng TC-CB	Thành viên	
13	Lê Nguyễn Đoàn Khôi	PGS.TS. Trưởng phòng QLKH	Thành viên	
14	Bùi Lê Diễm	TS. Giảng viên Bộ môn SP Toán, Khoa Sư phạm	Thành viên	
15	Tiêu Ngọc Tươi	Sinh viên K44, đại diện Người học	Thành viên	

(Danh sách gồm có 15 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	iii
BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG	viii
DANH MỤC HÌNH	x
PHẦN I. KHÁI QUÁT	1
1.1. Đặt vấn đề	1
1.2. Tổng quan chung	4
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	15
Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	15
Tiêu chí 1.1.	15
Tiêu chí 1.2..	18
Tiêu chí 1.3.	21
Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo	25
Tiêu chí 2.1.	25
Tiêu chí 2.2.	29
Tiêu chí 2.3.	31
Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	33
Tiêu chí 3.1:	33
Tiêu chí 3.2:	36
Tiêu chí 3.3:	39
Kết luận Tiêu chuẩn 3	43
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	44
Tiêu chí 4.1.	44
Tiêu chí 4.2.	48
Tiêu chí 4.3.	52
Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học	57
Tiêu chí 5.1.	57
Tiêu chí 5.2.	60
Tiêu chí 5.3.	62
Tiêu chí 5.4.	65
Tiêu chí 5.5.	67

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	69
Tiêu chí 6.1.	69
Tiêu chí 6.2.	72
Tiêu chí 6.3.	74
Tiêu chí 6.4.	76
Tiêu chí 6.5.	78
Tiêu chí 6.6.	80
Tiêu chí 6.7.	82
Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên	84
Tiêu chí 7.1.	84
Tiêu chí 7.2.	88
Tiêu chí 7.3.	89
Tiêu chí 7.4.	91
Tiêu chí 7.5.	93
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học	95
Tiêu chí 8.1.	95
Tiêu chí 8.2. .	97
Tiêu chí 8.3..	99
Tiêu chí 8.4..	101
Tiêu chí 8.5.	104
Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị	106
Tiêu chí 9.1.	106
Tiêu chí 9.2.	110
Tiêu chí 9.3.	112
Tiêu chí 9.4.	115
Tiêu chí 9.5.	118
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng	122
Tiêu chí 10.1.	122
Tiêu chí 10.2.	124
Tiêu chí 10.3.	126
Tiêu chí 10.4.	128
Tiêu chí 10.5.	130

Tiêu chí 10.6.	132
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra	135
Tiêu chí 11.1.	135
Tiêu chí 11.2.	138
Tiêu chí 11.3.	139
Tiêu chí 11.4.	142
Tiêu chí 11.5.	145
PHẦN III. KẾT LUẬN	148
PHẦN IV. PHỤ LỤC	159
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo	159
Phụ lục 2: Quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá	182
Phụ lục 3: Kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Sư phạm Tin học	189
Phụ lục 4: Các bảng số liệu	197

BẢNG CHỮ CÁI VIẾT TẮT

Chữ cái viết tắt	Ý nghĩa
BGDĐT	Bộ Giáo dục và đào tạo
BM	Bộ môn
BLQ	Bên liên quan
CB	Cán bộ
CBVC	Cán bộ viên chức
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
CVHT	Cổ vấn học tập
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐHCT	Đại học Cần Thơ
GDDH	Giáo dục đại học
GV	Giảng viên
HP	Học phần
KQHT	Kết quả học tập
KSP	Khoa Sư phạm
KTSP	Kiến tập Sư phạm
MTĐT	Mục tiêu đào tạo
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NH	Người học
NTD	Nhà tuyển dụng
NV	Nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PPGD	Phương pháp giảng dạy

PPDH	Phương pháp dạy học
PGS	Phó giáo sư
PTH	Phòng thực hành
PTN	Phòng thí nghiệm
TH	Tin học
SP	Sư phạm
SPTH	Sư phạm Tin học
SV	Sinh viên
TC	Tín chỉ
TĐG	Tự đánh giá
THPT	Trung học phổ thông
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ
TTHL	Trung tâm Học liệu
TTQLCL	Trung tâm Quản lý chất lượng
TTSP	Thực tập Sư phạm

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nội dung của mục tiêu đào tạo ngành Sư phạm Tin học năm 2014	197
Bảng 1.2. Nội dung của mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của CTĐT năm 2019	197
Bảng 1.3. Sự phù hợp mục tiêu của CTĐT với mục tiêu của Luật GDĐH	197
Bảng 1.4. Kết quả khảo sát về MTĐT (Trung bình $\pm$ SE)	198
Bảng 1.5. So sánh CĐR năm 2014, 2015 và CĐR 2019	198
Bảng 3.1. Các HP, phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá của các HP trong CTDH đáp ứng các CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ NH của CTĐT ngành SPTH	199
Bảng 3.2. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của SV tốt nghiệp về những nội dung có liên quan đến CTDH	201
Bảng 3.3. Tỷ lệ các khối kiến thức, số TC bắt buộc và tự chọn, số giờ lý thuyết và thực hành trong CTDH ngành SPTH hiện nay	202
Bảng 6.1. Thông tin về cơ cấu độ tuổi, giới tính, trình độ của đội ngũ GV BM SPTH, từ 2015- 2020	202
Bảng 6.2. Tỷ lệ giảng viên/NH của BM SPTH từ năm 2015 - 2020	202
Bảng 6.3. Định mức giờ G của các GV Bộ môn theo chức danh, trình độ và hệ số lương được quy định trong Quyết định Ban hành chế độ quy định làm việc đối với giảng viên, giáo viên Trường Đại học Cần Thơ	203
Bảng 6.4. Kết quả quy đổi giờ G của cán bộ BM SPTH qua các năm học	203
Bảng 6.5. Kết quả đánh giá và phân loại GV Bộ môn Sư phạm Tin học	204
Bảng 6.6. Thống kê việc thực hiện kế hoạch tập huấn của GV từ 2015-2019	204
Bảng 6.7. Bảng danh hiệu khen thưởng tập thể Bộ môn Sư phạm Tin học từ năm 2015-2020	204
Bảng 6.8. So sánh số giờ G trung bình hằng năm của GV Bộ môn đối sánh với Khoa sư phạm	205
Bảng 6.9. Tổng số lượng giờ G do NCKH của GV Bộ môn từ 2015-2020	205
Bảng 6.10. Số giờ G do biên soạn sách, giáo trình, tài liệu học tập	205
Bảng 6.11. Số lượng đề tài cấp trường dành cho giảng viên	205
Bảng 6.12. Hình thức và số lượng các đề tài nghiên cứu từ 2015 - 2020	205
Bảng 6.13. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu từ 2015 – 2020	206

Bảng 7.1. Số lượng NV cấp trường tính đến 30/09/2020	206
Bảng 7.2. Bảng thống kê đội ngũ NV các đơn vị chức năng đến 30/09/2020	206
Bảng 7.3. Số lượng NV của Khoa Sư phạm tính đến 31/12/2020	207
Bảng 7.4. Tổng hợp kết quả đánh giá của NV hỗ trợ tại KSP	207
Bảng 7.5. Bảng thống kê số lượt NV hỗ trợ của KSP được học tập nâng cao trình độ	207
Bảng 7.6. Tổng hợp thành tích của NV hỗ trợ của KSP	208
Bảng 8.1. Tình hình nhập học của NH của ngành SPTH giai đoạn 2015 - 2019	208
Bảng 8.2. Số NH đang học ngành SPTH (trong 5 năm học gần nhất)	208
Bảng 9.1. Thống kê hiện trạng CSVC của Trường ĐHCT đến 30/12/2020	208
Bảng 9.2. Thống kê hiện trạng CSVC của KSP đến 30/12/2020	209
Bảng 10.1. Các bước thực hiện việc thiết kế và phát triển CTDH	210
Bảng 10.2. Một số đề tài tiêu biểu có kết quả/sản phẩm được ứng dụng vào CTĐT.	210
Bảng 11.1. Tỷ lệ NH tốt nghiệp đúng hạn và tỉ lệ thôi học trong 6 khoá đã tốt nghiệp gần nhất ^(*)	211
Bảng 11.2. Đối sánh Tỷ lệ thôi học và Tỷ lệ tốt nghiệp trung bình giữa các ngành khối tự nhiên của KSP trong 6 khoá đã tốt nghiệp gần nhất	211
Bảng 11.3 Thời gian tốt nghiệp trung bình của NH trong 6 khoá gần nhất ngành SPTH	212
Bảng 11.4. Tình hình việc làm và môi trường làm việc của SV tốt nghiệp ngành SPTH	212
Bảng 11.5. Tỷ lệ % NH chưa có việc làm của một số ngành học ở KSP trường ĐHCT	212
Bảng 11.6. Đối sánh đề tài NCKH trong SV của khối ngành tự nhiên ở KSP trong 6 năm gần nhất	213
Bảng 11.7. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của GV tham gia giảng dạy ngành SPTH	213
Bảng 11.8. Kết quả khảo sát mức độ hài lòng của NTD	213
Bảng 11.9. Mức độ hài lòng (tỉ lệ %) về CTĐT và đáp ứng kiến thức, kỹ năng của SV mới tốt nghiệp	214

DANH MỤC HÌNH

Hình 0.1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Cần Thơ	6
Hình 0.2. Sơ đồ tổ chức của Khoa Sư phạm	9
Hình 3.1. Minh họa sự đóng góp của HP nhằm đạt các CĐR của CTĐT	37
Hình 3.2. Đánh giá của cựu SV về nội dung và cấu trúc của CTDH	40
Hình 4.1. Các PPDH được GV áp dụng trong CTĐT ngành SPTH năm 2019	50

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1.1. Đặt vấn đề

a. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), đào tạo nguồn nhân lực cho cả vùng, đặc biệt là nguồn nhân lực giáo viên cho các trường phổ thông và các cơ sở quản lý giáo dục. Chính vì vậy, việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo luôn được Nhà trường quan tâm và thực hiện thường xuyên. Trường đã tiến hành tự đánh giá (TĐG) và đăng ký đánh giá ngoài nhiều chương trình đào tạo (CTĐT), trong đó có CTĐT ngành Sư phạm Tin học (SPTH). CTĐT ngành SPTH đã đăng ký đánh giá ngoài theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGDĐT) và các Công văn số 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 về hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của Giáo dục đại học (GDĐH) và hướng dẫn TĐG CTĐT, Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, BGDĐT.

Để triển khai và làm tốt công tác TĐG CTĐT ngành SPTH, Trường ĐHCT đã huy động sự tham gia của các bên liên quan (BLQ). Hội đồng TĐG CTĐT ngành SPTH được thành lập theo Quyết định số 3404-QĐ/ĐHCT ngày 19/8/2019 của Hiệu trưởng gồm các thành viên trong Ban giám hiệu, Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, quản lý các phòng, ban, trung tâm, giảng viên (GV) và sinh viên (SV) của Bộ môn (BM) SPTH. Thông tin phản hồi của các BLQ bao gồm nhà tuyển dụng (NTD), GV, SV và cựu SV cũng là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc TĐG. Ban giám hiệu chỉ đạo chung, Trung tâm Quản lý chất lượng (TTQLCL) của Trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; các tiểu ban phối hợp với các phòng, ban, trung tâm trong Trường để hoàn thiện báo cáo TĐG kèm hồ sơ minh chứng.

Cấu trúc của báo cáo TĐG CTĐT ngành SPTH bao gồm 4 phần:

- **Phần I. Khái quát:** Mô tả tóm tắt báo cáo TĐG CTĐT, cách mã hóa các minh chứng; mục đích, quy trình TĐG CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá, sự tham gia và cách thức tổ chức của các BLQ; tổng quan chung về Trường ĐHCT, Khoa Sư phạm (KSP) và BM SPTH.

- **Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí:** Nội dung gồm (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) TĐG.

- **Phần III. Kết luận:** Tóm tắt những điểm mạnh và điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo; những tồn tại và vấn đề cần cải tiến; kế hoạch cải tiến chất lượng của CTĐT và tổng hợp kết quả TĐG.

- **Phần IV. Phụ lục:** Theo Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH và Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH, phần phụ lục bao gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định và các văn bản liên quan khác, danh mục minh chứng (danh mục các thông tin, minh chứng đi kèm các tiêu chí, được ký hiệu và mã hóa theo quy định).

Nội dung chính của Báo cáo TĐG CTĐT ngành SPTH dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do BGDDT ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDDT ngày 14 tháng 03 năm 2016. Bộ tiêu chuẩn này gồm 11 tiêu chuẩn với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5 lần lượt tập trung vào mục tiêu đào tạo (MTĐT) và chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT, bản mô tả CTĐT, cấu trúc và nội dung chương trình dạy học (CTDH), phương pháp tiếp cận trong dạy và học, đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học (NH). Tiêu chuẩn 6 và 7 hướng đến việc TĐG về đội ngũ GV, nghiên cứu viên (NCV) và đội ngũ nhân viên (NV). Tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến NH và hoạt động hỗ trợ NH. Tiêu chuẩn 9 đề cập các vấn đề về cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị. Tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định về nâng cao chất lượng CTĐT. Tiêu chuẩn 11 đánh giá về kết quả đầu ra của CTĐT ngành SPTH.

Mỗi tiêu chí có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Mã thông tin và mã minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, gồm 01 chữ cái, ba dấu chấm (.) và 07 chữ số; cứ 02 chữ số có 01 dấu chấm để phân cách theo công thức: Hn.ab.cd.ef. Trong đó:

- H: là “Hộp minh chứng” (minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 01 hộp hoặc một số hộp);

- n: là số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên);

- ab: là số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10);

- cd: là số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 2 viết 02, tiêu chí 5 viết 05);

- ef: là số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 19 viết 19...).

Ví dụ: H5.05.02.03: là minh chứng thứ 03 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 5, được đặt ở hộp 5.

Đối với minh chứng có nhiều minh chứng phụ thì khi sử dụng minh chứng phụ nào thì đặt minh chứng phụ đó trong dấu ngoặc đơn “()” và đặt ngay sau mã minh chứng. Ví dụ: H3.03.02.01(2).

b. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

Mục đích tự đánh giá

Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng BGDĐT quy định ***Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học***, Trường ĐHCT đã xúc tiến thực hiện việc đánh giá chất lượng ngành SPTH. Đây là quá trình nhằm giúp cho ngành SPTH của Trường ĐHCT tự rà soát, xem xét toàn diện các mặt hoạt động để phát hiện điểm mạnh, điểm tồn tại, lập và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng; từ đó, điều chỉnh MTĐT, lựa chọn giải pháp phát triển một cách phù hợp. TĐG cũng nhằm phục vụ việc đăng ký đánh giá ngoài, được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đánh giá và chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng. TĐG thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Trường đối với hoạt động đào tạo giáo viên, phục vụ cho việc đào tạo nguồn nhân lực cho vùng ĐBSCL theo chức năng, nhiệm vụ phù hợp với tầm nhìn và sứ mệnh của KSP và của Trường ĐHCT. Ngoài ra, TĐG cũng góp phần nâng cao nhận thức của công chức - viên chức về đảm bảo chất lượng (ĐBCL), từng bước xây dựng văn hóa chất lượng của Trường ĐHCT.

Quy trình tự đánh giá

Quy trình TĐG được thực hiện gồm các bước chính như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành SPTH

Bước 2: Lập kế hoạch TĐG chất lượng CTĐT ngành SPTH

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được

Bước 5: Viết báo cáo TĐG

Phương pháp tự đánh giá

Việc đánh giá CTĐT ngành SPTH được thực hiện theo phương pháp mô tả, tổng hợp, đối sánh... Trên cơ sở thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu khảo sát các

BLQ, khảo sát bằng bảng hỏi qua Google Form, email, phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại, thu thập minh chứng, đồng thời đối chiếu với các nguồn minh chứng gợi ý và các mốc chuẩn tham chiếu trong từng tiêu chuẩn, tiêu chí theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng. Từ đó, xác định các điểm mạnh và những điểm tồn tại, đồng thời, đưa ra kế hoạch hành động cải tiến chất lượng nhằm phát huy được điểm mạnh và khắc phục được những điểm tồn tại. Cuối cùng là TĐG mức độ đáp ứng của từng tiêu chí, tiêu chuẩn.

Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG được sử dụng chủ yếu là các quy định mang tính pháp lý: Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của BGDDĐT về Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng CTĐT của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của BGDDĐT về Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH; Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH và Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về Hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH và Hướng dẫn TĐG CTĐT; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng (thay thế cho Công văn 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/04/2018) về Sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐH. Ngoài ra, còn sử dụng công cụ PDCA (Plan – Do – Check - Act) trong TĐG CTĐT nhằm đảm bảo các hoạt động TĐG được thực hiện theo đúng quy trình và đầy đủ các bước.

1.2. Tổng quan chung

a. Trường Đại học Cần Thơ

Giới thiệu chung

Trường ĐHCT được thành lập ngày 31/3/1966 với tên gọi ban đầu là Viện ĐHCT, là trường công lập đa ngành, là cơ sở đào tạo đại học và sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở ĐBSCL, là trung tâm văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng. Từ một số ít ngành đào tạo ban đầu, Trường đã không ngừng hoàn thiện và phát triển thành một trường đa ngành, đa lĩnh vực. Hoạt động duy trì và cải tiến chất lượng theo hướng tiếp cận chuẩn mực chất lượng quốc gia và quốc tế là chủ trương nhất quán của Trường. Năm 2009, Trường đã được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định kết quả và công nhận chất lượng với số phiếu tán thành đạt tỉ lệ 92,86%. Trung tâm Kiểm định

Chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đánh giá ngoài về chất lượng giáo dục của Trường ĐHCT trong giai đoạn 2012 – 2016, kết quả là Trường ĐHCT được công nhận đạt chất lượng giáo dục với số tiêu chí "đạt yêu cầu" chiếm tỉ lệ 86,89% và được cấp Chứng nhận Kiểm định chất lượng có giá trị trong giai đoạn 19/5/2018 - 19/5/2023.

Từ tháng 7 năm 2013, Trường ĐHCT trở thành thành viên cốt lõi của mạng lưới cơ sở giáo dục (CSGD) đại học Đông Nam Á (AUN¹¹). Năm 2016, QS University Rankings Asia xếp hạng Trường ĐHCT trong nhóm 251-300 trường đại học hàng đầu Châu Á. Theo xếp hạng của Webometrics công bố cho kỳ xếp hạng tháng 01 năm 2020, Trường ĐHCT được xếp hạng 3 tại Việt Nam, hạng 59 trong khu vực Đông Nam Á, hạng 679 tại Châu Á và hạng 2.275 trên Thế giới (53.14 và 53.15). Theo xếp hạng các CSGD đại học Châu Á của QS Asia công bố cho kỳ xếp hạng năm 2020, Trường ĐHCT được xếp trong nhóm hạng 401 – 450 Châu Á và hạng 5 tại Việt Nam.

Báo cáo thường niên năm 2020 của Trường ĐHCT cho thấy:

Về qui mô đào tạo, Trường ĐHCT có 109 CTĐT đại học (99 CTĐT đại trà, 02 CTĐT tiên tiến, 08 Chương trình chất lượng cao và 05 Chương trình đạt tiêu chuẩn AUN-QA²²), 48 chương trình thạc sĩ (03 chương trình đào tạo bằng tiếng Anh), 19 chương trình tiến sĩ. Tổng số SV đang theo học chương trình đại học là 44.500 người, SV sau đại học là 2.500 người.

Về đội ngũ GV và NV, tổng số viên chức, người lao động của Trường ĐHCT là 1.825 người, trong đó có 1.064 GV. Số GV có trình độ sau đại học là 100%, trong đó có 328 tiến sĩ (TS), 15 giáo sư và 143 phó giáo sư (PGS).

Tỉ lệ SV tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp rất cao, đạt tỉ lệ 96,3%. Trong số SV có, đúng ngành đào tạo là 43%, liên quan đến ngành đào tạo 30%, không liên quan đến ngành đào tạo 22% và 5% tiếp tục học.

Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và hợp tác quốc tế là thế mạnh của Trường ĐHCT. Chỉ tính riêng năm 2020, Trường đã thực hiện 414 đề tài NCKH các cấp với nguồn kinh phí tới 51,8 tỉ đồng; 1.665 bài báo khoa học được công bố, trong đó có 260 bài báo thuộc danh mục ISI. Trường cũng đã triển khai 14 dự án hợp tác quốc tế với nguồn kinh phí là 9,7 tỉ đồng.

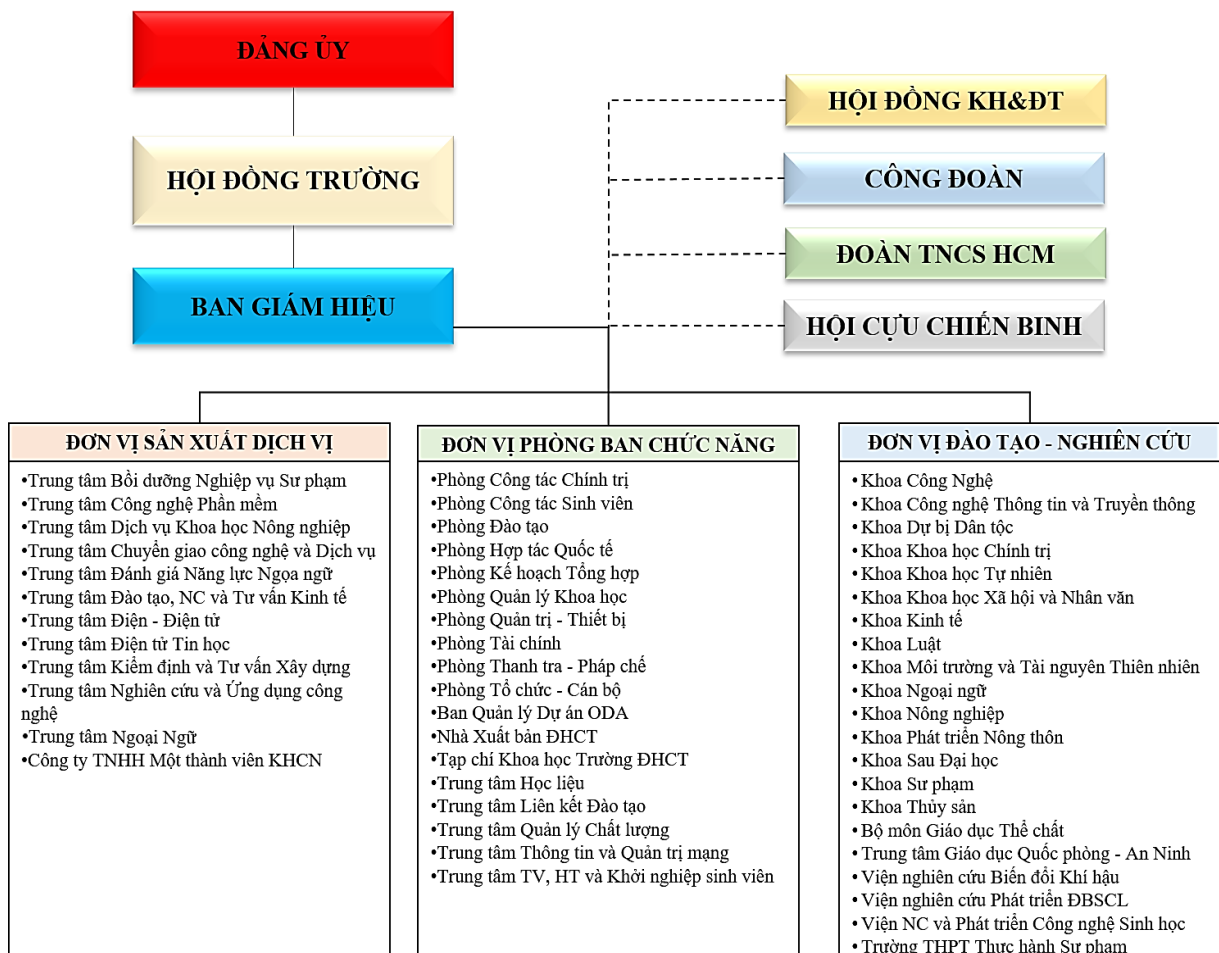
¹ AUN: ASEAN University Network

²² AUN-QA: ASEAN University Network-Quality Assurance

Cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng và điều kiện làm việc của Trường đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy, học tập, NCKH và sinh hoạt đa dạng. Tổng diện tích đất của CSGD là 2.249.773,47 m². Trong đó, tổng diện tích của giảng đường, hội trường và phòng học là 58.881 m²; thư viện và trung tâm học liệu (TTHL) là 11.795 m²; phòng thí nghiệm (PTN) và phòng thực hành (PTH) là 42.715 m²; phòng học ngoại ngữ, đa phương tiện và biên dịch là 830 m²; ký túc xá là 93.030 m²; phòng làm việc của GS, PGS và GV cơ hữu 10.945 m²; khu thể thao 60.844 m² và nhà ăn 2.320 m². Các biện pháp bảo vệ tài sản, đảm bảo an toàn, trật tự hiệu quả đã tạo môi trường phù hợp cho học tập, làm việc, sáng tạo và sinh hoạt.

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Trường được thể hiện ở Hình 0.1.



Hình 0.1. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Cần Thơ

(Báo cáo thường niên năm 2021 của Trường ĐHCT)

Chức năng

Trường ĐHCT có chức năng “đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ (ThS), TS các ngành/chuyên ngành theo nhu cầu xã hội khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, phù

hợp với định hướng phát triển của Nhà trường và các hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng khác, tổ chức NCKH, chuyển giao công nghệ” (Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ban hành kèm Quyết định số 355/QĐ- ĐHCT ngày 18/2/2019, tại điều 4).

Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi

Trường ĐHCT đã tuyên bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi tại Quyết định số 1086/QĐ-ĐHCT ngày 17/04/2014, trong đó:

Sứ mệnh của Trường ĐHCT là “*trung tâm đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia đóng góp hữu hiệu vào sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài và phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL*”.

Tầm nhìn của Trường ĐHCT là “*trở thành một trong những trường hàng đầu về chất lượng của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường mạnh về đào tạo, NCKH trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương vào năm 2022*”.

Giá trị cốt lõi của Trường ĐHCT là “*Đồng thuận - Tận tâm - Chuẩn mực - Sáng tạo*”.

Mục tiêu giáo dục

Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; NCKH và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế.

Đào tạo NH phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân.

(Quyết định số 3627/QĐ-ĐHCT ngày 27/10/2020 Về mục tiêu giáo dục của Trường ĐHCT)

Chính sách đảm bảo chất lượng

Nhận thức được tầm quan trọng của nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao và sự cạnh tranh mạnh mẽ về chất lượng đào tạo trong bối cảnh phát triển mới của quốc gia và quốc tế, Trường ĐHCT cam kết ĐBCL thông qua việc thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong NCKH và chuyển giao công nghệ; gắn

lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho NH khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi.

Trường cam kết xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả, chuyên nghiệp, trách nhiệm, sáng tạo và luôn đổi mới. Hoạt động quản lý của Trường được quy trình và tin học hóa, áp dụng các phương thức quản trị cập nhật và được giám sát, đánh giá thường xuyên (Báo cáo thường niên năm 2020 của Trường ĐHCT).

Trong 5 năm qua, Trường ĐHCT đạt các danh hiệu thi đua và các thành tích khen thưởng như sau:

- Tập thể Trường 5 lần nhận được danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và 1 lần được trao tặng Cờ thi đua của Bộ GD&ĐT.
- Hàng năm có từ 17-22 đơn vị trực thuộc Trường được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và mỗi năm có 2 đơn vị được nhận cờ thi đua của Bộ GD&ĐT.
- Thành tích cao nhất mà tập thể Trường ĐHCT nhận được là Huân chương Lao động Hạng 1 (lần 2) vào năm 2016, nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trường.
- Trong 5 năm qua, có 01 đơn vị trực thuộc Trường nhận Bằng khen của Thủ tướng và 01 tập thể khác được nhận Huân chương Lao động Hạng 3.
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT: trong 5 năm qua, có 24 lượt đơn vị được nhận bằng khen Bộ trưởng, trong đó nhiều nhất là năm 2016 có 10 tập thể thuộc Trường được tặng bằng khen Bộ trưởng.

b. Khoa Sư phạm

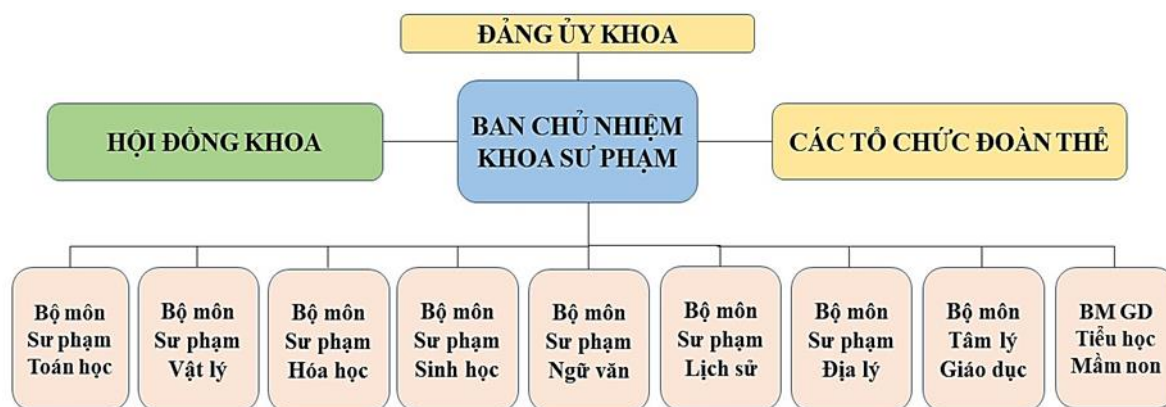
Giới thiệu chung

Khoa Sư phạm được thành lập theo Quyết định số 2960/GD&ĐT ngày 26/8/1995 của Bộ trưởng BGDĐT và Quyết định số 147/ĐHCT.TCCB.95 ngày 6/10/1995 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT. Sau nhiều lần tái cấu trúc, nguồn nhân lực của KSP đã được điều động, hỗ trợ cho các đơn vị mới thành lập như Khoa Khoa học Tự nhiên (1996), Khoa Dự bị - Dân tộc (2007), Khoa Khoa học Xã hội & Nhân Văn (2009) và Khoa Ngoại ngữ (2015). Tổng số viên chức, người lao động của KSP hiện nay là 117 người, trong đó có 102 GV. 100% GV có trình độ sau đại học, trong đó có 08 PGS, 43 TS, 51 ThS. Đội ngũ GV của KSP giàu kinh nghiệm, thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong và ngoài nước; tích cực trong công tác giảng dạy và nghiên cứu; không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy (PPGD) để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng sư phạm (SP) cho SV và GV vùng ĐBSCL. Số lượng SV và học viên cao học của KSP hiện nay là 1.449 và 202 (Báo cáo Thống kê

định kỳ quý 4 năm 2020 của Trường ĐHCT). KSP luôn chú trọng việc đổi mới PPDH theo hướng bám sát nội dung, chương trình sách giáo khoa; áp dụng các hình thức và PPDH hiện đại, phát huy tính tích cực, tự lực và sáng tạo của SV.

Cơ cấu tổ chức

Khoa Sư phạm có 09 BM và 01 tổ văn phòng. Ban chủ nhiệm KSP gồm Trưởng Khoa và 03 Phó trưởng khoa, được tư vấn chuyên môn bởi Hội đồng Khoa và sự hỗ trợ của các tổ chức đoàn thể. Ngoài ra, KSP còn có 02 đơn vị vừa có mối quan hệ trực tiếp về mặt tổ chức nhân sự vừa có mối quan hệ chặt chẽ về chuyên môn, nghiệp vụ là Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ SP và trường Trung học phổ thông (THPT) Thực hành Sư phạm.



Hình 0.2. Sơ đồ tổ chức của Khoa Sư phạm

Chức năng và nhiệm vụ

Đào tạo

Khoa Sư phạm hiện đang đào tạo 09 ngành bậc đại học, bao gồm: SP Toán học, SP Vật lý, SP Hóa học, SPTH, SP Ngữ văn, SP Lịch sử, SP Địa lý, SP Tin học và Giáo dục Tiểu học. Bậc sau đại học có 03 ngành: Lí luận và phương pháp dạy học (PPDH) BM Toán, Lí luận và PPDH BM Văn và tiếng Việt, Quản lí giáo dục.

Số lượng SV và học viên cao học của KSP hiện nay từ khóa 43 đến khóa 46 là 1616 và 171 (Báo cáo Tổng kết năm học 2019-2020 và kế hoạch công tác năm học 2020-2021, KSP, Trường ĐHCT). KSP luôn chú trọng việc đổi mới PPDH theo hướng bám sát nội dung, chương trình sách giáo khoa; áp dụng các hình thức và PPDH hiện đại, phát huy tính tích cực, tự lực và sáng tạo của SV. KSP đã căn cứ vào chuẩn giáo viên THPT để xây dựng nội dung CTĐT và các tiêu chí đầu ra. CTĐT giáo viên của KSP được cập nhật thường xuyên, đặc biệt chú trọng công tác thực hành SP, kĩ năng nghiệp vụ SP.

Bồi dưỡng

Ngoài công tác đào tạo, trong nhiều năm qua, KSP đã thực hiện tốt các nhiệm vụ bồi dưỡng giáo viên các tỉnh ĐBSCL như: thay sách cải cách giáo dục, sách phân ban, hoàn thành công tác bồi dưỡng thường xuyên chu kì I (1995 – 1997), chu kì II (1997 – 2000) và chu kì III (2003 – 2007); bồi dưỡng giáo viên THPT khu vực ĐBSCL thực hiện chương trình – sách giáo khoa mới từ năm 2006 – 2009. Ngoài ra, KSP cũng đã tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực, nghiệp vụ SP cho giáo viên THPT ở các tỉnh ĐBSCL. BGDĐT đã giao nhiệm vụ cho KSP, Trường ĐHCT thực hiện những hoạt động quan trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo như: Dự án Phát triển giáo dục THPT, Dự án Phát triển giáo viên THPT và Trung cấp chuyên nghiệp. Các dự án này đã hỗ trợ xây dựng Trường THPT Thực hành Sư phạm tại Trường ĐHCT. BGDĐT cũng đã giao nhiệm vụ cho KSP phối hợp với Trường THPT Thực hành Sư phạm thực hiện thí điểm phát triển chương trình giáo dục nhà trường phổ thông chuẩn bị cho việc đổi mới sách giáo khoa sau năm 2015. Trong giai đoạn II của Dự án Phát triển giáo dục THPT, KSP là một trong 6 đơn vị được Bộ chọn cấp kinh phí để xây dựng Trung tâm Phát triển kỹ năng nghiệp vụ sư phạm nhằm phát triển nguồn lực đội ngũ giáo viên phục vụ cho việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chỉ riêng trong năm học 2019-2020, KSP đã tổ chức rất nhiều các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các địa phương ở ĐBSCL, cụ thể như: Tổ chức Khóa bồi dưỡng giáo viên cốt cán của tỉnh Cà Mau; bồi dưỡng công tác chủ nhiệm lớp, bồi dưỡng tổ trưởng chuyên môn, dạy học trải nghiệm phát triển năng lực học sinh phổ thông cho giáo viên các tỉnh Trà Vinh, Kiên Giang; tập huấn chuyên đề “Giáo viên với công tác tư vấn học đường” theo mô hình trường học mới 2020 cho giáo viên THPT và Trung học cơ sở ở Cần Thơ; tham gia biên soạn tài liệu giáo dục địa phương cấp THPT, Trung học cơ sở và cấp Tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Cần Thơ; tổ chức 8 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ SP, 01 lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp GV hạng I, 03 lớp GV hạng II và 02 lớp GV hạng III cho GV Trường ĐHCT; 79 lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên THPT hạng II, Trung học cơ sở hạng II, Tiểu học hạng II và hạng III cho các giáo viên các Sở Giáo dục & Đào tạo Sóc Trăng, Kiên Giang, Tiền Giang, Trà Vinh, Bến Tre, Cà Mau và Cần Thơ (Trích

“Báo cáo Tổng kết năm học 2019 - 2020 và kế hoạch công tác năm học 2020-2021 của Khoa Sư phạm, Trường ĐHCT).

Tư vấn hướng nghiệp

Hàng năm, Trường ĐHCT chỉ đạo KSP phối hợp với Báo Tuổi trẻ, các Sở Giáo dục và Đào tạo và các Trường THPT ở ĐBSCL tổ chức tư vấn, tuyển sinh hướng nghiệp cho các em học sinh THPT. KSP đã tổ chức các buổi tham vấn, tọa đàm, tập huấn về tâm lý học đường, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong dạy học...

Nghiên cứu khoa học

Ngoài nhiệm vụ chính là giảng dạy và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, KSP đã chú trọng đẩy mạnh công tác NCKH nhằm nâng cao năng lực của GV. Hoạt động NCKH của KSP thông qua việc thực hiện đề tài NCKH, tham dự các hội nghị khoa học và các công trình xuất bản. Trong giai đoạn từ 2015 – 2020, KSP đã công bố 291 bài báo trên tạp chí quốc tế, 391 bài báo trong nước, 30 bài đăng trong kỷ yếu hội thảo nước ngoài, 230 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc gia. GV KSP đã chủ trì và tham gia 19 đề tài Nafosted, 13 đề tài cấp Bộ, 15 cấp Tỉnh/Thành phố, 79 đề tài cấp cơ sở, 263 báo cáo seminar, 61 đề tài cấp cơ sở do SV thực hiện. GV của KSP cũng đã biên soạn 82 giáo trình, tài liệu học tập phục vụ giảng dạy các HP do KSP phụ trách.

Định kì mỗi năm, Khoa đều tổ chức Hội nghị NCKH trẻ cho SV và học viên cao học; 02 năm một lần tổ chức Hội thảo khoa học dạng chuyên đề cấp quốc gia. Tiêu biểu là: Hội thảo khoa học quốc gia về “Cải tiến công tác đào tạo SV SP, nâng cao năng lực nghiên cứu và dạy học của giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông” (2015), Hội thảo đối thoại “An ninh nguồn nước sông Mêkông và câu chuyện ở ĐBSCL – Việt Nam” (2017), Hội thảo quốc tế về “Giáo dục đại học STEM cho phát triển Đồng bằng sông Cửu Long” (2017)... Hàng năm, SV của KSP tham gia các kì thi Olympic quốc gia về Toán học, Vật lí, Hóa học và có nhiều thành tích cao.

Hợp tác quốc tế

Khoa Sư phạm đã và đang xây dựng, phát triển các chương trình, dự án hợp tác với các trường và tổ chức quốc tế nhằm tăng cường trao đổi kiến thức trong lĩnh vực khoa học giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng GV và NCKH thông qua một số chương trình hợp tác với các đối tác quốc tế: Hogeschool van Amsterdam của

Đại học Amsterdam (Chương trình MHO4); Đại học Sydney, Đại học New South Wales (Úc); Đại học Phranakhon Rajabhat, Đại học Surathanee Rajabhat, Đại học Khonkaen (Thái Lan); Trường Đại học SP Quốc Gia Daegu (Hàn Quốc), Đại học Quốc Gia Chiao Tung (Đài Loan); Đại học Quirino State (Philippine), Ngân hàng Thế giới; tổ chức USAID, tổ chức SEA teacher, chương trình Erasmus...

Hợp tác quốc tế của KSP được thực hiện bằng các hình thức: trao đổi GV, SV; giảng dạy và hướng dẫn sau đại học; tổ chức Hội nghị, hội thảo quốc tế; hợp tác nghiên cứu, công bố quốc tế... KSP hàng năm đều tuyển chọn SV năm thứ ba, có trình độ tiếng Anh và học lực giỏi để đi học tập, giao lưu với các trường đại học trong khu vực Đông Nam Á. KSP cũng là thành viên tổ chức SEA teacher nhằm mục đích trao đổi chương trình thực tập sư phạm (TTSP) tại các nước Đông Nam Á.

Sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục

Sứ mệnh: Khoa Sư phạm là đơn vị đào tạo, bồi dưỡng giáo viên có uy tín, đạt chất lượng cao; góp phần vào sự nghiệp phát triển giáo dục, kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Tầm nhìn: Khoa Sư phạm sẽ trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng đại học và sau đại học có chất lượng cao, NCKH gắn với thực tiễn giáo dục Việt Nam và xu thế phát triển giáo dục thế giới.

Mục tiêu giáo dục:

+ Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong giảng dạy, quản lý và NCKH phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế.

+ Đào tạo đội ngũ giáo viên phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có năng lực tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ Nhân dân.

(Trích “Thông báo số 08/CV-KSP ngày 18/01/2021 V/v ban hành triết lý, sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Khoa Sư phạm”)

c. Bộ môn Sư phạm Tin học

Giới thiệu chung

Bộ môn SPTH được tách ra từ bộ môn Sư phạm Toán học trực thuộc KSP với chuyên ngành đào tạo là SPTH. Sau thời gian đào tạo 4 năm, SV tốt nghiệp đạt danh hiệu Cử nhân khoa học.

Cơ cấu tổ chức

Bộ môn SPTH có 3 nhóm chuyên môn là Phương pháp giảng dạy, Khoa học máy tính và Tin học ứng dụng. Bộ môn còn có 03 phòng máy tính và 01 phòng thực hành Phương pháp giảng dạy Tin học. Ban chủ nhiệm BM gồm Trưởng BM.

Đội ngũ viên chức của BM SPTH hiện có 7 GV và 1 chuyên viên. Tất cả GV của BM đều có trình độ sau đại học. Tính đến ngày 31/11/2022, trong số 7 GV cơ hữu của BM, có 05 TS và 02 ThS. Số GV được đào tạo TS ở nước ngoài chiếm 66,7%.

Chức năng

- Đào tạo giáo viên có trình độ đại học, giảng dạy môn Tin học (TH) tại các trường THPT.

- Tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ SP cho GV các trường đại học, cao đẳng và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên các trường phổ thông.

- Bồi dưỡng viên chức làm công tác quản lý thiết bị tại các trường phổ thông.

- Hỗ trợ Trường THPT Thực hành Sư Phạm trong việc giảng dạy chuyên môn TH.

- Thực hiện và hướng dẫn SV làm NCKH trong các lĩnh vực TH và Giáo dục học.

Mục tiêu

Đào tạo SV trở thành giáo viên có năng lực chuyên môn, năng lực nghiệp vụ SP và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành để giảng dạy môn TH trong các trường phổ thông; có khả năng làm công tác tư vấn, nghiên cứu, quản lý ở các trường học, cơ sở đào tạo, các cơ sở quản lý giáo dục; có khả năng tự học và tiếp tục học ở bậc cao hơn.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

CTĐT ngành SPTH hiện nay được xây dựng trên cơ sở việc tiếp tục điều chỉnh CTĐT trước đây áp dụng đến năm 2013, vốn đã được xây dựng và điều chỉnh trước đây theo hướng dẫn ở công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22 tháng 4 năm 2010. Trong đó, MT của CTĐT được xác định một cách rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường và cũng phù hợp với MT giáo dục đại học của Luật Giáo dục. CĐR của CTĐT ngành SPTH được xây dựng mới vào năm 2014 dựa trên cơ sở MT đào tạo của CTĐT ngành, qua đó CĐR đã được xác định rõ ràng, có nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ, trách nhiệm của NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR phản ánh khá đầy đủ yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát để điều chỉnh nếu cần thiết và công khai đến NH, các BLQ nhằm đảm bảo sự cam kết đào tạo với SV và xã hội.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở GDĐH, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

1. Mô tả

MT của CTĐT ngành SPTH hiện nay được ban hành theo Quyết định số 1063/QĐ-ĐHCT ngày 29/05/2020 trên cơ sở điều chỉnh so với MT ban hành theo các Quyết định trước đây: 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31/07/2019, 5002/QĐ-ĐHCT ngày 31/12/2015 và 2975/QĐ-ĐHCT ngày 28/8/2014 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT [H1.01.01.01(1-4)].

Một là, **MT của CTĐT SPTH được xác định rõ ràng** và mang tính đặc thù của ngành sư phạm và chuyên ngành Sư phạm Tin học, có điều chỉnh qua các phiên bản CTĐT 2015, 2019, 2020, 2022 (Bảng 1.1 Phụ lục 4) [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. MT của CTĐT SPTH được trình bày dưới hai dạng MT chung và MT cụ thể. Thứ nhất, MT chung của ngành SPTH là: “*Ngành SPTH đào tạo SV trở thành **giáo viên** có năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng khung trình độ quốc gia và chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành để **giảng dạy môn tin học** trong các trường phổ thông; có khả năng làm công tác tư vấn, **nghiên cứu**, quản lý ở các trường*

học, cơ sở đào tạo, các cơ sở quản lý giáo dục; có khả năng tự học và tham gia các CTĐT sau ĐH trong và ngoài nước”. Thứ hai, MT tổng quát này được cụ thể hóa và **xác định rõ ràng** như sau:

“a. Trang bị cho SV trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng an ninh, năng lực ngoại ngữ, CNTT cơ bản theo quy định hiện hành;

b. Hình thành và phát triển các năng lực: giao tiếp, học tập suốt đời, NCKH, tư duy phản biện, **giải quyết vấn đề**, sáng tạo, hợp tác; có sức khỏe; tác phong SP; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; khả năng thích ứng với môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa;

c. Trang bị cho SV **kiến thức chuyên môn**, năng lực nghề nghiệp và năng lực chuyên môn theo yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.” (Bảng 1.1 Phụ lục 4).

Ngoài ra, MT của CTĐT cũng được cụ thể hóa càng rõ ràng hơn bằng MT của các học phần trong từng đề cương chi tiết HP [H1.01.01.04]. MT của các HP góp phần làm đạt các MT của CTĐT, mỗi quan hệ này cũng được thể hiện qua bảng ma trận kỹ năng [H1.01.01.05(1-3)].

Kết quả khảo sát về sự “rõ ràng” của MT đào tạo ngành SPTH [H1.01.01.06] cho thấy: 84,4% nhà sử dụng lao động, 97,4 % giảng viên, 98,1 % SV và cựu SV hài lòng từ mức 4 và 5 (câu 1, Bảng 1.2 Phụ lục 4) chứng tỏ MT đào tạo ngành SPTH được các BLQ công nhận là “rõ ràng”.

Hai là, MT của CTĐT SPTH được xây dựng như trên **đã có lồng ghép** tinh thần của **Sứ mạng và Tầm nhìn** của Trường và Khoa Sư phạm [H1.01.01.07]. Trường ĐHCT đã nêu Sứ mạng của mình “là trung tâm đào tạo, NCKH chuyển giao công nghệ hàng đầu của quốc gia đóng góp hữu hiệu vào **sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao**, bồi dưỡng nhân tài và **phát triển khoa học phục vụ phát triển kinh tế-xã hội** vùng và quốc gia. Trường ĐHCT là nhân tố động lực có ảnh hưởng quyết định cho sự phát triển của vùng ĐBSCL” và Tầm nhìn cho tương lai gần là “sẽ trở thành một trong những trường **hàng đầu về chất lượng** của Việt Nam và nằm trong nhóm các trường **mạnh về đào tạo, NCKH** trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương vào năm 2022” [H1.01.01.07].

Việc ngày càng nâng cao chất lượng của ngành SPTH cũng không nằm ngoài sự phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực của Nhà trường. MT tổng quát và MT cụ thể của ngành SPTH chú trọng đến việc đào tạo nguồn nhân lực (**giáo viên**) đạt chuẩn trình độ ĐH theo khung trình độ quốc gia; có phẩm chất đạo đức, có tri thức, có

kỹ năng nghề nghiệp, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo trong bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục ở Việt Nam và xu hướng hội nhập quốc tế, đề cao năng lực tự chủ trong chuyên môn của giáo viên và Trường. Do đó MT đào tạo của ngành hoàn toàn phù hợp với Sứ mạng của Trường là góp phần vào “*sự nghiệp đào tạo nhân lực chất lượng cao*”. Bên cạnh đó, nhân lực được đào tạo từ CTĐT SPTH cũng có thể tham gia *nguyên cứu* khoa học, tức là cũng góp phần vào việc “*phát triển khoa học phục vụ kinh tế-xã hội*”. Đồng thời, MT CTĐT SPTH cũng phù hợp với Tầm nhìn của Nhà trường ở chỗ nếu CTĐT SPTH được công nhận đạt chuẩn chất lượng quốc gia sẽ góp phần để Trường được đánh giá là một trong những trường “*hàng đầu về chất lượng*” của Việt Nam.

Kết quả khảo sát về sự phù hợp của MT đào tạo ngành SPTH với tầm nhìn và sứ mệnh của Trường ĐHCT [H1.01.01.06] cho thấy: 84,4% nhà sử dụng lao động, 94,8 % giảng viên hài lòng từ mức 4 và 5 (Bảng 1.2 Phụ lục 4) chứng tỏ sự phù hợp này được các BLQ công nhận. Như vậy, MT CTĐT SPTH có thể nói là phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường.

Ba là, MT CTĐT SPTH còn phù hợp với MT chung của giáo dục đại học quy định tại các điểm a, b khoản 1, điều 5 của Luật Giáo dục đại học năm 2012 [H1.01.01.08] là: “*Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài...; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp...*” Hơn nữa, MT của CTĐT SPTH cũng phù hợp với MT cụ thể của giáo dục đại học quy định tại điểm b, khoản 2, điều 5 của Luật Giáo dục đại học năm 2012 [H1.01.01.08] là: “*Đào tạo trình độ ĐH để SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo*”. Như vậy rõ ràng là MT cụ thể của CTĐT SPTH (điểm b) cũng phù hợp với MT GDĐH được quy định trong Luật Giáo dục (Bảng 1.3 Phụ lục 4) và đã được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường ĐHCT [H1.01.01.09].

Kết quả khảo sát về sự phù hợp của MT đào tạo ngành SPTH với MT GDĐH luật định [H1.01.01.06] cho thấy: 84,4% nhà sử dụng lao động, 97,4 % giảng viên hài lòng từ mức 4 và 5 (câu 1, Bảng 1.2 Phụ lục 4) chứng tỏ MT đào tạo ngành SPTH cũng được các BLQ công nhận là phù hợp với MT GDĐH luật định.

2. Điểm mạnh

MT của CTĐT ngành SPTH được xác định rõ ràng trong bản mô tả CTĐT, phù

hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Trường và phù hợp với MT GDĐH được quy định tại luật giáo dục hiện hành và được định kỳ rà soát, điều chỉnh.

3. Điểm tồn tại

Chưa phát hiện.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Hội đồng Khoa, Ban chủ nhiệm BM vẫn tiếp tục định kỳ lấy ý kiến các BLQ, rà soát, bổ sung MT của CTĐT ngành SPTH khi cần thiết thay đổi cho phù hợp hơn với sự thay đổi yêu cầu của các BLQ (nếu có); hoàn thành trước hạn kỳ điều chỉnh CTĐT lần tới vào năm 2022.

Khắc phục tồn tại: chưa có kế hoạch do chưa phát hiện tồn tại.

5. Tự đánh giá

Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà SV cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả

CĐR cũng chính là cam kết của Trường với SV và xã hội về chất lượng của ngành đào tạo. CĐR của CTĐT ngành SPTH được mô tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, phù hợp với MT của CTĐT được trình bày trong các bản CTĐT [H1.01.01.02(1-4)].

Sự **rõ ràng của CĐR** thể hiện ở việc thiết kế rất chi tiết và công khai bằng văn bản, CĐR là thành phần không thể thiếu trong các bản mô tả CTĐT, đầy đủ nhất là bản mô tả CTĐT hiện hành [H1.01.01.03(2)]. CĐR của ngành SPTH bao hàm đầy đủ các nội dung quy định theo công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH và thông tư 07/2015/TT-BGDĐT về việc hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR của BGDĐT gồm: a). Tên ngành đào tạo, b). Trình độ đào tạo, c). Yêu cầu kiến thức (tri thức chuyên môn, năng lực nghề nghiệp...), d). Yêu cầu về kỹ năng (kỹ năng cứng và kỹ năng mềm), e). Yêu cầu về thái độ, f). Vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, g). Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; h). Các CTĐT, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Trường tham khảo.

CĐR của CTĐT còn là sự cụ thể hóa MT đào tạo, ngoài ra, sự cụ thể hóa chi tiết đến CĐR của từng học phần thể hiện qua ma trận kỹ năng [H1.01.01.05]. Đề cương của từng học phần trong CTĐT đều có MT và CĐR của học phần đó, và có ma trận thể hiện quan hệ đáp ứng giữa CĐR của HP và CĐR của CTĐT [H1.01.01.04]. Việc đạt được

tất cả CDR của HP có nghĩa là đã đạt tất cả cả CDR và MT của CTĐT. Sự rõ ràng như vậy giúp người dạy và NH xác định mục tiêu và yêu cầu cần đạt để chủ động được kế hoạch giảng dạy, học tập, ước tính thời gian hoàn thành.

Kết quả khảo sát về sự “rõ ràng” của CDR ngành SPTH [H1.01.01.06] cho thấy: 84,4% nhà sử dụng lao động, 94,8 % giảng viên hài lòng từ mức 4 và 5 (câu 2, Bảng 1.2 Phụ lục 4) chứng tỏ CDR ngành SPTH được các BLQ công nhận là “rõ ràng”.

CDR ngành SPTH bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT (**chung** đối với SV trình độ ĐH, thể hiện ở khối kiến thức giáo dục đại cương), **vừa chung vừa riêng** đối với SV các ngành SP (thể hiện ở khối kiến thức cơ sở ngành) và **năng lực chuyên biệt** đối với SV ngành SPTH (thể hiện ở khối kiến thức chuyên ngành tin học). CDR hiện nay đã trình bày **đủ 3 thành tố** cơ bản theo quy định hiện hành gồm: **kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của NH tốt nghiệp** (cũng gọi là thái độ), đồng thời cũng nêu triển vọng về vị trí việc làm trong tương lai [H1.01.01.02(3,4)]. Cụ thể như sau:

Về **kiến thức**, bao gồm 3 khối kiến thức: khối kiến thức giáo dục đại cương (*khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật; giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước...*); khối kiến thức cơ sở ngành (*khoa học giáo dục, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học SP; phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá...*) và khối kiến thức chuyên ngành (*các HP cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao của chuyên ngành tin học*).

Về **kỹ năng** gồm các nhóm kỹ năng cứng (*phát triển chuyên môn, xây dựng kế hoạch, vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học và giáo dục, kiểm tra đánh giá, tư vấn hỗ trợ học sinh...*) và kỹ năng mềm (*sử dụng tiếng Việt thành thạo và chuẩn mực trong giảng dạy, giao tiếp; đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh(Pháp); sử dụng các thiết bị công nghệ trong dạy học; kỹ năng học tập suốt đời; làm việc độc lập, sáng tạo và hợp tác; phát triển mối quan hệ nhà trường - gia đình - xã hội...*).

Về **mức độ tự chủ và trách nhiệm của NH** bao gồm ý thức kỷ luật, sống và làm việc theo pháp luật tôn trọng nội quy, quy chế làm việc, tuân thủ các quy định về đạo đức nghề giáo; lối sống lành mạnh, văn minh; có tinh thần học hỏi, tự rèn luyện phấn đấu...

Về **triển vọng vị trí việc làm sau tốt nghiệp**, bản mô tả CTĐT cũng nêu ra một số vị trí việc làm phù hợp chuyên môn được đào tạo gồm các trường THCS, THPT, các

cơ sở giáo dục khác và cơ quan quản lý giáo dục, các phòng thí nghiệm chuyên ngành tin học, các trung tâm và viện nghiên cứu...[H1.01.01.02(3,4)].

Mỗi CĐR được cụ thể hóa (mức độ 3) bằng các mô tả với động từ Bloom, và thang đánh giá năng lực từ 1 đến 5 tương ứng. Bên cạnh đó CĐR của các HP trong CTĐT cũng thể hiện vai trò đóng góp để đạt CĐR của CTĐT, thể hiện rõ ràng trong các đề cương chi tiết HP [H1.01.01.04]. Trên cơ sở đó, Tổ điều chỉnh CTĐT lập ma trận đối ứng phân nhiệm CĐR của CTĐT cho từng HP để đảm bảo tất cả CĐR được thực hiện và không có môn học “thừa, lặp” trong chương trình, đồng thời tích hợp được các kỹ năng và thái độ vào từng HP theo tiến trình phát triển liên tục của CTĐT [H1.01.01.05].

Phân tích trên cho thấy CĐR của CTĐT SPTH đã mô tả rõ ràng và bao quát các yêu cầu về năng lực chung và chuyên biệt; đảm bảo đáp ứng tốt những yêu cầu của vị trí việc làm chính yếu của SV khi tốt nghiệp, khả năng học tập nâng cao trình độ...

2. Điểm mạnh

CĐR ngành SPTH được xây dựng rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR phản ánh tốt MT của CTĐT, đảm bảo tính đo lường và đánh giá được.

3. Điểm tồn tại

Trong việc lấy ý kiến của các BLQ về CĐR, bộ câu hỏi khảo sát chưa được chú ý thiết kế đầy đủ các ý hỏi về sự đầy đủ và sự phù hợp/mức quan trọng của các thành tố trong CĐR như yêu cầu chỉ báo và mốc chuẩn tham chiếu.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Bên cạnh việc giữ nguyên các ưu điểm của CĐR hiện hành, Ban chủ nhiệm BM, Hội đồng Khoa thường xuyên lưu ý cập nhật các yêu cầu của thực tiễn và thành tựu của thế giới về đào tạo giáo viên, tham khảo CĐR cùng ngành ở các trường bạn để sẵn sàng xem xét đưa vào bổ sung, điều chỉnh CĐR cho phù hợp với sự thay đổi (nếu có) khi đến hạn kỳ mỗi 2 năm.

Khắc phục tồn tại: Tháng 12/2022, Ban chủ nhiệm BM sẽ nghiên cứu thiết kế lại các nội dung câu hỏi khảo sát ý kiến bám theo yêu cầu mốc chuẩn của tiêu chí, đảm bảo sự đầy đủ và sự phù hợp của các thành tố trong CĐR để triển khai cho đợt khảo sát ý kiến về CTĐT tiếp theo năm 2022.

5. Tự đánh giá

Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 1.3. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả

CĐR của CTĐT SPTH hiện nay được xây dựng trên cơ sở rà soát chỉnh sửa CĐR của CTĐT năm 2014 và **dựa trên sự tham gia đóng góp ý kiến của các BLQ**, đặc biệt là giáo viên phổ thông, cán bộ quản lý giáo dục, GV và cựu SV. Vì vậy, CĐR của CTĐT SPTH **phản ánh được yêu cầu của các BLQ**, nhất là đối với nhà sử dụng lao động.

Trong quá trình đào tạo, khi chưa có quy định rõ ràng cụ thể về việc lấy ý kiến các BLQ về MT, CĐR... của CTĐT, GV BM cũng thường xuyên sinh hoạt chuyên môn lồng ghép nội dung với các công việc khác trong kỳ họp BM ít nhất 1 tháng 1 lần, tham dự hội thảo trong tập thể GV tham gia đào tạo SP, thu thập thông tin phản hồi từ các kỳ tổng kết thực tập sư phạm ở trường phổ thông... Nhờ đó, CĐR của CTĐT cũng khá phù hợp và đáp ứng tốt các yêu cầu đối với giáo viên của các trường phổ thông (các CTĐT từ năm 2014 trở về trước).

Năm 2018, Khoa và BM gửi phiếu cũng như có dịp mời trực tiếp để xin ý kiến về CĐR. Các BLQ tham gia khảo sát gồm nhà sử dụng lao động (ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn ở các trường phổ thông), giảng viên đã từng học ngành SPTH trong và ngoài trường, SV cuối khóa, cựu SV **[H1.01.01.06]**. Nội dung các phiếu hỏi ý kiến nhà tuyển dụng, GV và SV về CĐR của CTĐT SPTH, về năng lực của người tốt nghiệp CTĐT SPTH đã được tuyển dụng đều đáp ứng các yêu cầu cơ bản của các BLQ như:

- CĐR được xác định rõ ràng, phản ánh được MT của CTĐT ngành SPTH, đồng thời MT của CTĐT phù hợp với MT giáo dục được luật định, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHCT.

- CĐR đã phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động, đặc biệt là kiến thức chuyên ngành và kiến thức cơ sở ngành, các kỹ năng thiết yếu để giải quyết các vấn đề trong hoạt động của trường phổ thông.

Kết quả khảo sát CĐR của CTĐT SPTH cho thấy: trên 72% nhà tuyển dụng, trên 93% GV (các câu hỏi 2-5) và trên 80% SV (các câu hỏi 1a, 1b) đánh giá tốt (mức 4 và 5); trên 68% nhà tuyển dụng đánh giá tốt về năng lực của giáo viên tốt nghiệp ngành

SPTH của Trường ĐHCT (các câu hỏi 8, 9; 12-15). Như vậy chúng tỏ rằng CDR đã phản ánh khá tốt yêu cầu của các BLQ.

Tuy nhiên, các BLQ chưa hài lòng về năng lực ngoại ngữ của SV (câu 10, 11) và các góp ý khác. Trong đó có góp ý nên đưa 2 HP Anh văn chuyên ngành tin học và Tham quan thực tế vào phần bắt buộc của CTĐT [H1.01.01.06]. Kết quả khảo sát và các ý kiến của các BLQ được xử lý và đã được sử dụng để điều chỉnh cho CTĐT ban hành năm 2019. Chẳng hạn như việc đưa lại 2 HP Anh văn chuyên ngành SPTH (SP191) và Tham quan thực tế (TN319) vào khung bắt buộc [H1.01.01.02(3,4)]; điều chỉnh cải tiến CDR của CTĐT theo hướng diễn đạt tinh gọn hơn và bổ sung một số nội dung về kiến thức và kỹ năng (Bảng 1.4 Phụ lục 4); điều chỉnh CDR của các HP một cách bài bản hơn [H1.01.01.04], xây dựng lại ma trận với các mức quan trọng tương đối phù hợp [H1.01.01.05(2,3)], các chi tiết thay đổi khác được trình bày ở tiêu chí 10.1. Như vậy chúng tỏ các BLQ luôn được tham gia ý kiến vào quá trình xây dựng CDR của ngành.

CDR của CTĐT SPTH hiện hành là kết quả của việc định kỳ rà soát trong những năm gần đây (2013-2018). Việc điều chỉnh CDR của CTĐT trên được BM và Khoa thực hiện bắt đầu từ Quyết định số 4946/QĐ-ĐHCT ngày 30/10/2013 về việc thành lập Ban chỉ đạo, Tổ thư ký và Tổ điều chỉnh CTĐT [H1.01.03.01] để cho ra CTĐT 2014 áp dụng từ khóa 40 [H1.01.01.01(1)], trong đó lần đầu tiên có xây dựng CDR theo tinh thần Thông tư 49/2012/TT-BGDĐT. Năm 2015, khi BGDĐT Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT), Trường ĐHCT đã lập kế hoạch triển khai công tác rà soát điều chỉnh MT đào tạo [H1.01.03.01]. MT và CDR của ngành đã được BM và Khoa rà soát, điều chỉnh và sau đó được Trường ban hành Quyết định số 5002/QĐ-ĐHCT [H1.01.01.01(2)] cùng với CTĐT.

CDR từ năm 2015 đã được rà soát và điều chỉnh theo hướng cụ thể hóa một số năng lực cốt lõi ngành SPTH, bao gồm: năng lực thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học tin học theo hướng phát triển năng lực SV; mô tả rõ năng lực sử dụng thí nghiệm trong dạy học tin học; năng lực ngôn ngữ tin học, một số kỹ năng chung của thời đại như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề trong giáo dục...

Năm 2017, KSP ra quyết định thành lập Tổ rà soát và điều chỉnh CTĐT [H1.01.03.02]. MT và CDR của CTĐT SPTH cũng được xem xét nhưng không có sự

thay đổi do vẫn đảm bảo rõ ràng và phù hợp theo yêu cầu về nội dung và hình thức.

Năm 2018, Trường ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT, Tổ thư ký, Tổ điều chỉnh CTĐT, Tiểu ban chuyên môn trực thuộc Hội đồng khoa học và đào tạo, Kế hoạch điều chỉnh CTĐT và các văn bản hướng dẫn cách viết MT tổng quát và MT cụ thể [H1.01.03.03]. MT và CDR đã được rà soát, bổ sung và thống nhất trong Tổ điều chỉnh CTĐT. Hội đồng Khoa đã tổ chức họp lấy ý kiến chỉnh sửa lần cuối và trình Hiệu trưởng phê duyệt CTĐT áp dụng từ khóa 45. Theo đó, CDR của CTĐT cũng được xác định rõ ràng hơn trong Bản mô tả CTĐT mới [H1.01.01.04(2)] và kéo theo việc chỉnh sửa CDR của các HP trong CTĐT để đảm bảo phù hợp hơn với CDR của CTĐT mới [H1.01.01.04].

Năm 2020, khi có quy định mới về khối lượng kiến thức giáo dục quốc phòng và an ninh, một lần nữa CTĐT SPTH được điều chỉnh và ban hành lại áp dụng từ K46 [H1.01.01.02(4)]. Đối với lần ban hành này thì nội dung CDR và đề cương chi tiết các HP không thay đổi, trừ các HP về kiến thức quốc phòng và an ninh.

Sau khi thẩm định và ra quyết định ban hành, **CDR của CTĐT**, kể cả đề cương chi tiết HP **được công bố công khai** bằng văn bản lưu trữ tại BM [H1.01.01.02(1-4)] cho tất cả cán bộ viên chức và sinh viên cần tra cứu; và thông tin rộng rãi ra bên ngoài trên website Trường, Khoa [H1.01.01.09]. Bên cạnh đó, Khoa và BM tổ chức giới thiệu trực tiếp MT và CDR của CTĐT cho SV mới nhập học vào dịp sinh hoạt đầu khóa. Ngoài ra, CDR còn được các GV thường xuyên truyền thông qua các môn học, được quán triệt bởi hệ thống CVHT và quản lý SV.

Tóm lại, trong giai đoạn 2014 đến 2019, CDR của CTĐT đã được xây dựng và có định kỳ rà soát điều chỉnh với tần suất đúng qui định (chưa quá 2 năm/1 lần), bổ sung và cập nhật dựa trên các yêu cầu của các BLQ, xu hướng của thế giới và thực tiễn dạy học, được công bố công khai và rộng rãi, thể hiện sự cam kết của Trường về chất lượng đào tạo của chương trình.

2. Điểm mạnh

CDR đáp ứng được yêu cầu của các BLQ, được định kỳ rà soát điều chỉnh không quá 2 năm 1 lần và công khai minh bạch bằng nhiều hình thức.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập thông tin phản hồi về CDR từ các BLQ chỉ mới bắt đầu có bài bản gần đây, chưa thật sự đầy đủ về số lượng và đúng tần suất tối thiểu 2 năm 1 lần. Vì vậy

có thể dẫn đến việc thu thập các góp ý chưa đầy đủ để có thể cải tiến CTĐT một cách hoàn hảo nhất trong điều kiện hiện tại.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Trường BM, Hội đồng Khoa duy trì định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần rà soát CĐR, tham khảo CĐR cùng ngành ở các trường có uy tín, cập nhật các yêu cầu của thực tiễn của các BLQ, đề xuất xem xét đưa vào thực hiện các giải pháp nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các BLQ sau mỗi đợt khảo sát.

Khắc phục tồn tại: BM SPTH định kỳ 2 năm 1 lần lấy ý kiến phản hồi của các BLQ và chú ý sự đầy đủ về thành phần, số lượng các BLQ về CTĐT nói chung, đặc biệt là CĐR, nghiên cứu rà soát phiếu khảo sát, bản tổng hợp ý kiến, đề nghị và thực hiện giải pháp cho lần điều chỉnh tiếp theo. Cụ thể:

- Thời điểm khảo sát: từ tháng 4-7 các năm tiếp theo 2021, 2023, 2025...
- Số lượng: nhóm nhà tuyển dụng ít nhất 30, nhóm giảng viên ít nhất 30, nhóm sinh viên và cựu sinh viên ít nhất 50.
- Chủ nhiệm BM phân công 2 người phụ trách cho mỗi nhóm đối tượng BLQ.

5. Tự đánh giá

Đạt mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

MT của CTĐT ngành SPTH được xây dựng phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố và tầm nhìn của Trường cũng như MT giáo dục đại học theo Luật giáo dục hiện hành, được mô tả rõ ràng và được công khai dưới một số hình thức. CĐR của CTĐT được xây dựng và mô tả rõ ràng, cụ thể, chi tiết, đầy đủ các thành tố cơ bản theo quy định, phù hợp với MT của CTĐT và đảm bảo tính đo lường và đánh giá được. CĐR phản ánh được yêu cầu và có sự tham gia đóng góp ý kiến của các BLQ trong quá trình xây dựng, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa/bổ sung và công khai. Tóm lại, tất cả các yêu cầu chỉ báo của các tiêu chí đều đạt về cơ bản, tuy nhiên, cũng cần phát huy việc thập thông tin phản hồi của các BLQ, nhằm nâng mức số lượng và chất lượng khảo sát.

○ Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT là văn bản cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết về CTĐT của cơ sở giáo dục, bao gồm: mục tiêu đào tạo và kết quả học tập dự kiến, cấu trúc khoa học, ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CDR của CTĐT và các bản mô tả học phần. Đây là văn bản chính thống giúp người học và các BLQ hiểu rõ về nội hàm của CTĐT và là nguồn tài liệu tham khảo cho hoạt động rà soát nội bộ, cũng như giám sát các hoạt động của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT ngành SPTH được BM SPTH xây dựng và KSP ban hành theo biểu mẫu thống nhất của Trường ĐHCT, tuân thủ đúng các quy định của BGDĐT. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP thể hiện đầy đủ các thông tin cần thiết, thiết kế khoa học và cấu trúc một cách logic, được Trường định kỳ bổ sung, cập nhật và công bố công khai giúp người dạy, người học và các BLQ (cấp quản lý, nhà tuyển dụng, chuyên gia thẩm định...) dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Bản mô tả CTĐT ngành SPTH được cập nhật vào tháng 5 năm 2020 [H1.01.01.03(2)] do KSP công bố căn cứ vào Quyết định số 1063/QĐ-ĐHCT ngày 29/05/2020 về việc ban hành CTĐT trình độ đại học [H1.01.01.01(4)], có đầy đủ các thông tin theo quy định, bao gồm:

Thông tin chung: gồm Tên CTĐT (tên tiếng Việt và tiếng Anh); Mã số ngành đào tạo; Trường cấp bằng; Tên gọi văn bằng; Trình độ đào tạo; Số tín chỉ yêu cầu; Hình thức đào tạo; Thời gian đào tạo; Đối tượng tuyển sinh; Thang điểm đánh giá; Điều kiện tốt nghiệp; Vị trí việc làm; Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp; Chương trình tham khảo khi xây dựng; Thời gian cập nhật bản mô tả.

MT đào tạo của CTĐT: bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, hướng đến đào tạo SV trở thành người giáo viên chuyên ngành Tin học có kiến thức chuyên môn và năng lực sư phạm tốt, đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành.

CDR của CTĐT: bao gồm CDR cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Về kiến thức, bản mô tả CTĐT thể hiện rõ CDR dành cho cả ba khối kiến thức: đại cương, cơ sở

ngành và chuyên ngành. Về kỹ năng, CĐR đảm bảo hình thành cho người học hai nhóm kỹ năng quan trọng: kỹ năng cứng và kỹ năng mềm. Về thái độ, CTĐT hướng đến hình thành ở SV ý thức sống kỷ luật và tích cực, đạo đức nghề nghiệp và tạo dựng phong cách chuẩn mực của nhà giáo, làm tấm gương tốt cho đồng nghiệp và học sinh.

Tiêu chí tuyển sinh: Căn cứ theo quy chế tuyển sinh của BGDDT và đề án tuyển sinh Hàng năm của Trường ĐHCT.

Ma trận mối quan hệ giữa MT đào tạo, CĐR và các HP trong CTĐT: Thể hiện cụ thể sự đóng góp của các HP vào việc đạt được CĐR của CTĐT, bao gồm: Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa MT đào tạo và CĐR CTĐT và ma trận mối quan hệ giữa các HP với CĐR CTĐT.

Mô tả CTDH ngành SPTH: bao gồm bản mô tả cấu trúc CTDH (khối lượng kiến thức toàn khóa, khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành); Khung CTĐT; Kế hoạch dạy học cho từng học kì (dùng cho CVHT và SV tham khảo); Bản mô tả tóm tắt các HP trong khung CTĐT. Phần phụ lục bao gồm đề cương chi tiết của các HP.

Bản mô tả CTĐT ngành SPTH được cập nhật định kỳ. Từ năm 2014 đến nay, các thành phần trong bản mô tả CTĐT được Trường ĐHCT chú ý rà soát và thường xuyên cập nhật.

Năm 2014, Trường ĐHCT ban hành CTĐT **[H1.01.01.02(1)]** dựa trên Quyết định số 4946/QĐ-ĐHCT ngày 30/10/2013 về việc thành lập Ban chỉ đạo, tổ thư ký, tổ điều chỉnh CTĐT **[H1.01.03.01(2)]**; Kế hoạch số 2097/KH-ĐHCT ngày 08/11/2013 về việc điều chỉnh CTĐT **[H1.01.03.01(3)]**; Hướng dẫn số 2098/ĐHCT **[H1.01.03.01(4)]** và 2099/ĐHCT **[H1.01.03.01(5)]** ngày 08/11/2013 về việc hướng dẫn điều chỉnh CTĐT trình độ đại học và Quyết định số 2975/QĐ-ĐHCT ngày 26/06/2014 về việc ban hành CTĐT năm 2014 **[H1.01.01.01(1)]**.

Năm 2015, dựa trên Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và Hướng dẫn số 3281/BGDĐT-GDĐH về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến thẩm định CTĐT theo quy định của Thông tư 07/2015, KSP tiến hành họp Hội đồng Khoa về cải tiến CTĐT **[H1.01.03.01(11)]**. Ngày 31/12/2015, Trường ĐHCT ban hành CTĐT trình độ đại học căn cứ vào Quyết định số 5002/QĐ-ĐHCT **[H1.01.01.01(2)]**. So với năm 2014, CTĐT năm 2015 **[H1.01.01.02(2)]** được bổ sung thêm: mục tiêu đào tạo, CĐR về kiến thức bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở

ngành và khối kiến thức chuyên ngành, về kỹ năng bao gồm kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, về thái độ bao gồm tinh thần công dân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân; bổ sung thêm HP Kỹ năng mềm (KN001) vào khối kiến thức Giáo dục đại cương.

Năm 2017, KSP ban hành Quyết định thành lập tổ rà soát, điều chỉnh CTĐT số 141/QĐ-KSP ngày 25/07/2017 **[H1.01.03.02(3)]** và tiến hành họp bàn về việc rà soát CTĐT **[H1.01.03.02(4)]**. Năm 2018, Trường ĐHCT tiếp tục ban hành Quyết định số 4225/QĐ-ĐHCT ngày 26/09/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT trình độ đại học và sau đại học **[H2.02.01.01(1)]**; Quyết định số 4235/QĐ-ĐHCT ngày 26/09/2018 về việc thành lập Tổ thư ký và các Tổ điều chỉnh CTĐT trình độ đại học **[H2.02.01.01(2)]**; Hợp Ban chỉ đạo điều chỉnh CTĐT **[H1.01.03.03(4)]** và ban hành Kế hoạch số 2222/KH-ĐHCT ngày 19/10/2018 về việc điều chỉnh CTĐT trình độ đại học áp dụng từ khóa 45 **[H2.02.01.01(3)]**; Văn bản số 2223/ĐHCT ngày 19/10/2018 về việc hướng dẫn điều chỉnh CTĐT trình độ đại học **[H2.02.01.01(4)]**; Kế hoạch số 2232/KH-ĐHCT ngày 19/10/2018 về việc tập huấn hướng dẫn điều chỉnh chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần **[H2.02.01.01(5)]**. Trên cơ sở đó, KSP đã tiến hành các cuộc họp nhằm triển khai công tác điều chỉnh CTĐT theo sự chỉ đạo của nhà trường **[H1.01.03.03(8),(9),(10)]**, đồng thời BM SPTH cũng tiến hành khảo sát ý kiến các BLQ về CTĐT của ngành học, làm cơ sở cho việc điều chỉnh tiếp theo.

Năm 2019, các thành phần trong bản mô tả CTĐT vốn đã có đầy đủ và thường xuyên được cập nhật trước đó được tập hợp lại thành bản mô tả CTĐT hoàn chỉnh **[H1.01.01.03(1)]**. Cùng với công văn số 2979/ĐHCT-QLCL ngày 18/12/2019 về việc cải tiến chất lượng CTĐT áp dụng từ khóa 45 của ngành học **[H2.02.01.02]**, bản mô tả CTĐT năm 2019 được Hội đồng khoa học thông qua **[H1.01.03.03(13)]** và được KSP công bố dựa trên Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT **[H1.01.01.01(3)]** ngày 31/7/2019. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp của các BLQ **[H1.01.01.06]**, bản mô tả CTĐT năm 2019 **[H1.01.01.03(1)]** đã có những điều chỉnh nổi bật như sau: bổ sung các HP Anh văn tăng cường (XH031, XH032, XH033) và Pháp văn tăng cường (FL007, FL008, FL009) ở khối kiến thức Giáo dục đại cương nhằm giúp SV phát triển năng lực ngoại ngữ để đáp ứng tốt yêu cầu thực tiễn; thêm HP Giáo dục hòa nhập (SG394) vào khối kiến thức Cơ sở ngành nhằm giúp sinh viên đáp ứng tính đa dạng của giáo dục; **thay đổi tên và mã số của một số HP**. Sự thay đổi tên và mã ngành của một số HP nhằm phát huy

ưu điểm của Trường ĐHCT là trường đa ngành và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ cũng như cơ sở vật chất của Trường.

Hiện nay, bản mô tả CTĐT đã được cập nhật vào tháng 8 năm 2022 [H1.01.01.03(2)] và được KSP ban hành căn cứ vào quyết định số 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24/08/2022 [H1.01.01.01(4)].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các thông tin theo quy định. Bản mô tả CTĐT được Trường rà soát, bổ sung và cập nhật. Phiên bản năm 2020 đã cập nhật so với phiên bản 2015: xây dựng được ma trận mối liên hệ giữa MT đào tạo, CDR và các HP trong CTĐT; bổ sung một số học phần mới với nội dung cập nhật vào khung CTĐT; thay đổi mã của một số HP để sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất của Trường.

3. Điểm tồn tại

Các thành phần trong bản mô tả CTĐT ngành SPTH chỉ mới được tập hợp để xây dựng thành bản mô tả CTĐT hoàn chỉnh vào năm 2020.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: BM SPTH tiếp tục rà soát, điều chỉnh và cập nhật thường xuyên bản mô tả CTĐT ít nhất 2 năm 1 lần (từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2021).

Khắc phục tồn tại: Các phiên bản tiếp theo của bản mô tả CTĐT đảm bảo đầy đủ các thành phần như phiên bản năm 2019 và liên tục cập nhật các vấn đề mới có liên quan đến bản mô tả CTĐT từ việc thu thập thông tin phản hồi từ SV, cựu SV và trường phổ thông theo định kỳ 2 năm 1 lần (từ năm 2021).

5. Tự đánh giá

Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 2.2. Đề cương các HP đầy đủ thông tin và cập nhật

1. Mô tả

Tất cả các HP trong CTĐT ngành SPTH đều có đề cương chi tiết [H2.02.02.01(3)]. Mỗi đề cương chi tiết của HP đều bao gồm đầy đủ các thông tin sau: (1) Tên HP: bao gồm tên tiếng Việt và tên tiếng Anh, cùng với một số thông tin như: mã số HP, số tín chỉ, số tiết HP (số tiết lý thuyết, số tiết thực hành, số tiết tự học...); (2) Tên đơn vị quản lý, bao gồm hai thông tin: BM và Khoa/Viện/Trung tâm/BM; (3) Điều kiện: điều kiện tiên quyết/điều kiện song hành; (4) Mục tiêu của HP, gồm: mục tiêu tổng quát về kiến thức, kỹ năng, thái độ; (5) CDR của môn học/HP, gồm: mã CDR, nội dung CDR, mục

tiêu HP và CDR CTĐT tương ứng; (6) Mô tả HP; (7) Cấu trúc nội dung HP; (8) Phương pháp dạy học: liệt kê các phương pháp sử dụng trong phân lý thuyết và phân thực hành; (9) Nhiệm vụ của sinh viên; (10) Đánh giá kết quả học tập của SV; (11) Tài liệu học tập, gồm tài liệu chính và tài liệu tham khảo; (12) Hướng dẫn SV tự học.

Đề cương chi tiết các HP trong CTĐT được rà soát, điều chỉnh và cập nhật theo kế hoạch chung của nhà trường. Cụ thể, năm 2014, Trường ĐHCT ban hành Kế hoạch số 49/KH-KSP ngày 25/02/2014 **[H2.02.02.02]** về việc điều chỉnh và biên soạn đề cương các HP trong CTĐT bậc đại học. Theo đó, đề cương các HP năm 2014 **[H2.02.02.01(1)]** được viết thống nhất theo mẫu của Trường ĐHCT, phù hợp với yêu cầu của Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT và được Hội đồng Khoa học thông qua **[H2.02.02.03(1)]**. Tuy nhiên, đề cương các HP năm 2014 chỉ trình bày MT của HP chứ chưa quy định về CDR của HP. Vì vậy, năm 2018, Trường ĐHCT tiếp tục ban hành kế hoạch số 2222/KH-ĐHCT ngày 19/10/2018 **[H2.02.01.02(3)]** về việc điều chỉnh CTĐT bậc đại học áp dụng từ khóa 45 và văn bản số 2224/ĐHCT-ĐT ngày 19/10/2018 **[H2.02.02.04]** về mẫu đề cương các HP bản tiếng Việt và tiếng Anh dành cho CTĐT trình độ đại học. Ngoài các nội dung cơ bản cần có như phiên bản 2014 thì các đề cương HP trong CTĐT năm 2019 **[H2.02.02.01(2)]** được thông qua trong cuộc họp của KSP **[H2.02.02.03(2)]** đã có quy định về CDR cụ thể của từng HP theo định hướng phát triển năng lực của người học. Các đề cương HP trong CTĐT năm 2020 được bộ môn và các GV rà soát, điều chỉnh để cập nhật theo các yêu cầu của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường: MT và cấu trúc nội dung HP trong các đề cương được cập nhật tương ứng với mỗi CDR của ngành học; nêu rõ các phương pháp dạy học được sử dụng trong HP; mục đánh giá kết quả học tập của SV chỉ rõ sự đáp ứng của mỗi hình thức đánh giá đối với các CDR tương ứng. Tài liệu tham khảo về thang năng lực nhận thức, kỹ năng, tình cảm được đưa vào để làm chuẩn căn cứ viết CDR **[H2.02.02.05]**, giúp việc đo lường mức độ đạt được các CDR của người học được dễ dàng và cụ thể.

Hiện tại, đề cương chi tiết các HP đã được cập nhật mới **[H2.02.02.01(3)]** cùng với bản mô tả CTĐT năm 2022 và được áp dụng cho khóa 48.

2. Điểm mạnh

Đề cương các HP có đầy đủ thông tin theo quy định và được viết rõ ràng. Các đề cương HP được bộ môn và các GV rà soát, bổ sung, điều chỉnh để cập nhật theo yêu cầu

của Bộ GD&ĐT. Đề cương HP trong CTĐT năm 2020 đã có sự liên kết nội dung chương, mục của HP với các CDR của ngành học.

3. Điểm tồn tại

Việc thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ để đánh giá đề cương chi tiết các HP của ngành đào tạo một cách thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: BM SPTH tiếp tục rà soát, cập nhật đề cương chi tiết các HP ít nhất 2 năm 1 lần.

Khắc phục tồn tại: BM SPTH lấy ý kiến phản hồi từ SV về đề cương của HP ít nhất 2 năm 1 lần (từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2021). BCN BM SPTH cần phân tích dữ liệu thi, kiểm tra nhằm đánh giá chính xác và cung cấp thông tin để GV điều chỉnh đề cương chi tiết của từng HP.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP được công bố công khai và các BLQ dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả

CTĐT năm 2014, năm 2015 **[H1.01.01.02(1,2)]** và bản mô tả CTĐT năm 2019, năm 2020 và bản mô tả CTĐT vừa được cập nhật vào tháng 8/2022 **[H1.01.01.03]** đều được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố online trên website của Trường và các subweb, phổ biến trực tiếp trong sinh hoạt đầu khóa mỗi năm học, thông tin trong tài liệu quảng bá về Trường và KSP... Cụ thể, SV, cựu SV và các BLQ đều có thể dễ dàng tiếp cận các bản mô tả CTĐT ngay khi truy cập vào cổng thông tin điện tử của Trường ĐHCT và các subweb của KSP và BM SPTH **[H2.02.03.01]**. Trường còn đặt đường dẫn để liên kết CTĐT các khóa đến trang đăng ký HP trực tuyến của SV nhằm giúp SV dễ dàng xem lại kế hoạch học tập toàn khóa và CTĐT của ngành trong quá trình đăng ký HP. Đầu mỗi năm học, CTĐT của ngành học cũng được đơn vị phổ biến trực tiếp đến các tân SV bằng hình thức sinh hoạt chung **[H2.02.03.02]**. Bên cạnh đó, một số thông tin quan trọng về CTĐT ngành SPTH cũng được cung cấp cho các BLQ trong các kỳ tuyển sinh qua bài giới thiệu về ngành SPTH **[H2.02.03.03]**.

Tất cả (100%) đề cương các HP năm 2014, năm 2019, năm 2020 và đề cương các HP mới được cập nhật năm 2022 **[H2.02.02.01]** trong CTĐT đều được công bố công

khai bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố online trên website của Trường, được phổ biến trực tiếp bởi GV mỗi HP, được CVHT sinh hoạt đến SV... Cụ thể, trên trang web của Trường và các subweb **[H2.02.03.01]**, SV và các BLQ dễ dàng tìm thấy đề cương chi tiết của tất cả các HP khi truy cập vào tên từng HP trong khung CTĐT **[H2.02.03.04]**. Bên cạnh đó, theo quy định của Trường ĐHCT, GV của từng HP cần giới thiệu và cung cấp đầy đủ đề cương chi tiết của HP vào buổi học đầu tiên **[H2.02.03.05]**. Việc làm này giúp SV nắm rõ thông tin của HP, biết được mục tiêu cụ thể của môn học, CDR, nội dung hoạt động dạy học, yêu cầu nhiệm vụ học tập mà SV cần đạt được để hoàn thành HP. Ngoài ra, cách thức tiếp cận đề cương chi tiết các HP trong CTĐT của ngành SPTH còn được các CVHT phổ biến công khai đến SV khi mới nhập trường trong học kỳ đầu tiên **[H2.02.03.06]**.

Việc Trường ĐHCT công bố công khai bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các HP bằng nhiều hình thức khác nhau như trên đã giúp các BLQ như cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương HP một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Nguồn giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các HP chủ yếu là cổng thông tin điện tử của Trường và các subweb của KSP và BM SPTH **[H2.02.03.01]**. Ngoài ra, các bộ phận phòng ban liên quan như Phòng Đào tạo, TTHL, TTQLCL, Trưởng KSP, Trưởng BM SPTH, trợ lý đào tạo KSP/Bộ môn đều có bản in toàn văn bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết của các HP nhằm nhất quán trong quản lý, triển khai và điều hành việc thực hiện dạy học một cách đồng bộ và thuận lợi.

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các HP được Trường và KSP công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường, của KSP và của BM SPTH. Tất cả các đề cương HP qua các lần điều chỉnh được lưu giữ trong hồ sơ đào tạo của Nhà trường, được quản lý tại PĐT của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Các BLQ chỉ mới dễ dàng tiếp cận bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các HP qua trang web của Trường ĐHCT và các subweb của KSP và BM SPTH.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: tiếp tục giới thiệu CTĐT và đề cương các HP đến từng SV ở từng học kỳ. Tiếp tục công khai CTĐT và đề cương HP đến các cựu SV, các nhà quản lý giáo dục nhằm tranh thủ sự đóng góp ý kiến của họ để tiếp tục phát triển CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2022, BM SPTH lập kế hoạch tổ chức hội thảo, tọa đàm, họp mặt để truyền thông trực tiếp bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các HP đến các đơn vị sử dụng lao động.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT thể hiện đầy đủ thông tin cần thiết về MT đào tạo, CĐR, khung CTĐT của ngành học. Đề cương các HP được thiết kế khoa học, mô tả chi tiết thông tin và nội dung cần thiết của HP. Bản mô tả CTĐT và đề cương HP là các văn bản quan trọng, được cập nhật thường xuyên, hỗ trợ người dạy và SV triển khai thực hiện CTĐT, đồng thời giúp cấp quản lý thuận lợi trong việc hỗ trợ và cải tiến chất lượng CTĐT. Tuy nhiên, việc truyền thông CTĐT đến các BLQ còn chưa đa dạng về hình thức, chủ yếu là qua trang web điện tử.

○ Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung CTDH ngành SPTH được thiết kế hợp lý dựa trên MT và CĐR của CTĐT theo hướng phát triển năng lực, đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới môn tin học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDDT ngày 26 tháng 12 năm 2018). Các HP có sự đóng góp rõ ràng cho CĐR của CTDH về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm cá nhân của sinh viên. CTDH ngành SPTH được xây dựng theo tiếp cận tích hợp kiến thức, phẩm chất và năng lực nghề nghiệp. Quy trình này được xây dựng một cách khoa học, hợp lý, logic. Nội dung CTDH ngành SPTH có tính tích hợp liên môn, liên ngành và được cập nhật thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn xã hội và sự đổi mới của đất nước. Về phương pháp tổng thể có thể áp dụng để xây dựng quy trình chuẩn cho nhiều lĩnh vực đào tạo khác nhau trong đó có đào tạo Sư phạm với những điều chỉnh, bổ sung cần thiết.

Tiêu chí 3.1. CTDH (CTDH) được thiết kế dựa trên CĐR

1. Mô tả

CTDH ngành SPTH được thiết kế dựa trên CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV. Năm 2018, để đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới theo hướng phát triển năng lực SV, phù hợp với CĐR và nhu cầu xã hội, căn cứ theo Quyết định 2975/QĐ-ĐHCT ngày 26 tháng 06 năm 2014 [H1.01.01.01(1)], Quyết định 5002/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 [H1.01.01.01(2)], văn bản số 2194/BB-ĐHCT ngày 16/10/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHCT [H3.03.01.01], Quyết định 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 07 năm 2019 [H1.01.01.01(3)], quyết định 1603/QĐ-ĐHCT ngày 29 tháng 05 năm 2020 [H1.01.01.01(4)], quyết định 3334/QĐ-ĐHCT ngày 24 tháng 08 năm 2022 [H1.01.01.01(5)]. CTDH ngành SPTH theo hệ thống tín chỉ ở KSP Trường ĐHCT đã bao quát toàn bộ nội dung chương trình phổ thông hiện hành, ngoài ra còn có nhiều khối kiến thức bổ trợ một cách đầy đủ, rõ ràng đáp ứng CĐR theo quy định của chung của Trường ĐHCT.

Bản mô tả CTDH do Khoa ban hành căn cứ trên Quyết định Ban hành CTĐT số 3019/QĐ-ĐHCT, ngày 31/7/2019, hướng dẫn điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học số 2223/ĐHCT ngày 19/10/2018, và Công văn số 2979/ĐHCT-QLCL, ngày 18/12/2019 của trường về việc cải tiến chất lượng CTĐT. CTDH được thiết kế và xây dựng qua nhiều bước cụ thể được sự đóng góp ý kiến của hội đồng khoa học BM SPTH, KSP, sự đóng góp ý kiến của nhà quản lý, nhà tuyển dụng đáp ứng MT đào tạo và CĐR. CTDH năm 2019, 2020 được thiết kế đáp ứng 23 CĐR của CTĐT ngành SPTH bao gồm 11 CĐR về kiến thức (Kiến thức đại cương – 3 CĐR, kiến thức cơ sở ngành – 3 CĐR và kiến thức chuyên ngành – 5 CĐR), 9 CĐR về kỹ năng (Kỹ năng cứng – 5 CĐR, kỹ năng mềm – 4 CĐR) và 3 CĐR về mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân. Chương trình luôn chú ý đến sự cân đối các khối kiến thức theo định hướng phát triển năng lực và kết quả học tập của SV. Để đạt được các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân, CTDH được thiết kế cải tiến từ năm 2014 đến 2022, hiện nay CTDH gồm 100 HP với tổng số 141 TC chia làm 3 khối kiến thức [H1.01.01.02]

(1) Khối kiến thức đại cương (43 tín chỉ gồm 28 TC bắt buộc và 15TC tự chọn).

Kiến thức đại cương bao gồm kiến thức về GD quốc phòng (8TC), GD thể chất (3TC), Kiến thức về GD chính trị (10TC), Ngoại ngữ (10TC); Pháp luật đại cương (2TC), Logic

học đại cương (2TC), Xã hội học đại cương (2TC), Cơ sở văn hóa Việt Nam (2TC), Tiếng Việt thực hành (2TC), Văn bản và lưu trữ học đại cương (2TC), Kỹ năng mềm (2TC), Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (2TC). Khối kiến thức này không chỉ trang bị cho SV có kiến thức nền tảng khoa học mà còn cung cấp kiến thức chính trị xã hội, pháp luật và văn hóa, giúp SV trở thành công dân toàn diện.

(2) Khối kiến thức cơ sở ngành (38 tín chỉ gồm 31 TC bắt buộc và 7 TC tự chọn) Kiến thức cơ sở ngành là khối kiến thức Tin học nền tảng bắt buộc. SV được đào tạo kiến thức cơ sở ngành trước khi SV bước vào khối kiến thức chuyên môn sâu của ngành SPTH. Khối kiến thức cơ sở nhằm cung cấp cho sinh viên các nền tảng kiến thức về tâm lý học và giáo dục học, kiến thức về nghề nghiệp liên quan đến PPDH, phương pháp kiểm tra – đánh giá, thiết kế chương trình, nguyên lý và kỹ thuật dạy học, phương pháp NCKH, ứng dụng CNTT trong dạy học; tích hợp liên môn Toán, Lý, Hóa.

(3) Khối kiến thức chuyên ngành (60 tín chỉ gồm 25 TC bắt buộc và 35 TC tự chọn): Kiến thức chuyên ngành là những kiến thức trọng tâm bắt buộc của ngành SPTH. Khối kiến thức chuyên ngành giúp sinh viên tích lũy kiến thức chuyên ngành về các lĩnh vực tin học và những kiến thức về việc sử dụng, vận hành an toàn các trang thiết bị có trong các PTN tin học. Trong khối kiến thức chuyên ngành các môn tự chọn mà SV học (10TC) bao gồm các HP: Luận văn tốt nghiệp (10TC), hoặc Tiểu luận tốt nghiệp (4TC), Nhập môn Trí tuệ nhân tạo (2TC), Nhập môn Công nghệ phần mềm (2TC), Quản lý dự án phần mềm (3TC), Thiết kế và cài đặt mạng (3TC), Bên cạnh các HP lý thuyết, SV còn được tham gia các NCKH của chính mình hay tham gia vào các đề tài nghiên cứu của GV, qua đó sẽ hình thành ý tưởng nghiên cứu và vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn. Kết quả BM SPTH đã có nhiều SV nhận giải thưởng NCKH cấp trường [H3.03.01.02(1)], [H3.03.01.02(2)], cấp Bộ Giáo dục Đào tạo [H3.03.01.02(3)], và xuất bản một số bài báo khoa học, từ đó khuyến khích và nuôi dưỡng niềm đam mê NCKH của SV.

CTDH ngành SPTH đã có những điều chỉnh CDR theo hướng tăng cường các môn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm cũng như các môn tự chọn đáp ứng CDR đã công bố. CTDH thiết kế theo hệ thống tín chỉ có nhiều ưu điểm so với đào tạo theo niên chế, đó là tính linh hoạt, mềm dẻo, thuận lợi cho SV, Để đáp ứng xu thế phát triển giáo dục, hiện đại hóa CTDH sư phạm Hóa đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục phổ thông, Trường ĐHCT đã triển khai thực hiện đánh giá và điều chỉnh

CTDH nhằm xây dựng CĐR và CTĐT tiếp cận năng lực và đưa vào áp dụng đào tạo tất cả các khối ngành trong đó có SPTH từ khóa 45 năm 2019 [**H1.01.01.01**], [**H1.01.01.03**]. Trước đây, các thành phần mô tả CTDH đều có đầy đủ và cập nhật thường xuyên nhưng chưa được tập hợp thành bộ hoàn chỉnh, sau khi Trường đã ban hành công văn số 2979/ĐHCT-QLCL 18/12/2019, bản mô tả CTDH đã được tập hợp vào một tài liệu thống nhất.

Để giúp sinh viên đạt được CĐR của CTĐT sau khi tốt nghiệp, trong các đề cương chi tiết HP, PPGD được thể hiện ở mục 8, đánh giá KQHT được thể hiện ở mục số 10. **Kết quả thống kê từ 100 HP** trong CTDH ngành SPTH cho thấy, GV đã áp dụng nhiều tổ hợp phương pháp dạy học, bao gồm: (1) Diễn giảng kết hợp với liên hệ thực tế; (2) Đàm thoại/vấn đáp kết hợp thảo luận và báo cáo nhóm/phân tích, đánh giá; (3) Thuyết trình; (4) Dạy học nêu vấn đề/tình huống/hợp tác/khám phá; (5) Trực quan; (6) Thực hành/Thực hành thí nghiệm; (7) Trải nghiệm/tham quan và báo cáo thực tế. Trong đó, mỗi HP có thể áp dụng nhiều PPDH khác nhau, phù hợp với nhiều loại hình học tập, tri thức khác nhau nhằm đạt được các CĐR của CTĐT, chi tiết về PPGD của các HP đáp ứng các CĐR tương ứng được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của các học phần. Hai hình thức đánh giá được giảng viên sử dụng phổ biến là đánh giá theo quá trình và đánh giá cuối kỳ.

- Đánh giá theo quá trình: giữa kỳ (trắc nghiệm hoặc tự luận), bài tập cá nhân, làm việc nhóm (thuyết trình, bài tập nhóm, ...), bài tường trình thí nghiệm.
- Đánh giá cuối kỳ: vấn đáp (tập giảng, ngoại ngữ, phương pháp giảng dạy), viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), hoặc kiểm tra thực hành thí nghiệm, hoặc bài báo cáo tham quan thực tế. Ngoài ra, đánh giá bài viết báo cáo khoa học đối với hai học phần tiểu luận và luận văn tốt nghiệp. Đơn vị trường phổ thông sẽ đánh giá tinh thần, thái độ, tác phong, hiểu biết trường lớp, công tác chuyên môn và chủ nhiệm đối với hai học phần kiến tập và thực tập sư phạm.

Mỗi HP có thể áp dụng các phương pháp đánh giá khác nhau, chi tiết về phương pháp đánh giá KQHT của sinh viên của các HP được thể hiện trong đề cương chi tiết học phần.

Phương pháp đánh giá được lựa chọn phù hợp với nội dung của học phần và phương pháp dạy học, đồng thời đảm bảo đo lường được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn.

Để có cơ sở thực tiễn xây dựng CTDH, trường đã xây dựng phiếu điều tra, khảo sát ý kiến và phản hồi của các BLQ, bao gồm: Quyết định ban hành quy định công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV về cán bộ, viên chức và các hoạt động Trường ĐHCT [H1.01.01.06(1-3)]; Thông tin việc lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV trường ĐHCT để không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của SV tốt nghiệp năm 2018 - 2019 về CTĐT, trong đó có những nội dung liên quan đến CTDH đã được thu thập, thống kê. **Kết quả cho thấy, các nội dung lấy ý kiến phản hồi có liên quan tới CTDH đều được SV tốt nghiệp đánh giá cao, đạt mức trung bình > 3 (hài lòng trở lên), chi tiết được thể hiện trong Bảng 3.1 – Phụ lục 4.**

CTĐT ngành SPTH được thiết kế dựa trên MT đào tạo ngành học, khung năng lực, CĐR và ma trận [H1.01.01.05(1,2)]. Ngoài ra khi thiết kế CTDH, KSP cũng đã tiến hành tham khảo với CTDH ngành SPTH của các trường ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Tp HCM, ĐHSP Huế [H3.03.01.03], Tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của SV đối với tất cả các môn học/HP trong CTDH phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt CĐR.

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT ngành SPTH, có sự thống nhất, đồng bộ giữa CTDH với CĐR và MTĐT. Các hoạt động dạy và học, PPGD, hoạt động kiểm tra, đánh giá KQHT của SV đều được thể hiện rõ ràng trong đề cương chi tiết các HP, giúp sinh viên có thể đạt được các CĐR của CTĐT.

3. Điểm tồn tại

Việc triển khai lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động giảng dạy của GV về CTDH của ngành đào tạo dù đã thực hiện thường xuyên theo từng năm học. Tuy nhiên, số liệu thống kê chưa đầy đủ. (nhiều sinh viên không tham gia hoạt động đánh giá học phần sau khi hoàn thành học phần)

4. Kế hoạch hành động

Khắc phục tồn tại: Từ 2021 TT.QLCL, BM SPTH sẽ chủ động đưa ra chế tài đối với sinh viên sau khi hoàn thành học phần để có số liệu đầy đủ hơn. (SV không tham gia đánh giá học phần sẽ không xem được kết quả thi)

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi HP trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

1. Mô tả

Nội dung các môn học trong CTDH đều hướng tới những đóng góp trong việc đạt được CĐR. Với khối lượng 141 tín chỉ các HP được phân phối theo MT và CĐR: Kiến thức kỹ năng, thái độ, ...); và nhất là quan tâm đến vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Sự đóng góp của mỗi HP trong việc giúp SV đạt được CĐR của CTĐT được thể hiện rõ ràng trong MT, khung năng lực, mô tả MT của các HP **[H1.01.01.03(1,2)]**. CTĐT được thiết kế dựa trên CĐR với 3 khối kiến thức: Khối kiến thức đại cương; Khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành. Khối kiến thức chuyên ngành có các HP về Lý luận và PPDH Tin học và các HP thuộc nghiệp vụ sư phạm. Các môn học thuộc khối kiến thức đại cương; Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lenin; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Giáo dục học; Tâm lý học, ... đáp ứng các CĐR về yêu cầu SV hiểu biết ngành sư phạm nói chung và SPTH nói riêng, quan điểm của Đảng về phát triển giáo dục Việt Nam, vận dụng những tư tưởng của Hồ Chí Minh và những nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin để hiểu triết lý giáo dục, đặc thù ngành nghề sư phạm và quản lý hành chính trong lĩnh vực giáo dục. **Các môn học thuộc kiến thức cơ sở ngành trang bị cho SV kiến thức nền tảng, làm cơ sở cho SV hiểu, vận dụng được kiến thức cơ bản đó để học các môn chuyên ngành tin học. Khối kiến thức chung và cơ sở ngành chiếm 53,39%, làm tiền đề cho khối kiến thức chuyên ngành SPTH chiếm 46,61% (Đánh giá kết quả học tập khoa học tự nhiên và phương pháp NCKH trong dạy học tin học; PPDH tin học).** Các môn chuyên ngành NVSP, giúp SV những kiến thức cơ bản về nghiên cứu KHGD ngành Tin học, vận dụng lý thuyết và thực hành các PPDH Tin học theo tiếp cận năng lực. Một số môn học có những seminar giúp SV thực hiện các MT cụ thể về nghề dạy học trong CĐR. CTĐT tiếp cận năng lực đã được thiết kế tích hợp nhằm tinh gọn số đầu môn học và tạo điều kiện phát triển năng lực SV. Các môn chuyên ngành đã chú trọng đến đáp ứng CĐR về đo lường đánh giá trong dạy học tin học cũng như phát triển chương trình môn tin học ở THPT theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Vì vậy, CTDH ngành SPTH đã đáp ứng được nhu cầu xã hội. Các môn học trong CTDH ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho SV ngành SPTH khi ra trường được thể hiện thông qua MT, khung năng lực và CĐR của CTĐT.

Để đánh giá SV đạt được CĐR của mỗi HP, bên cạnh điểm thi kết thúc HP, kết quả học tập chú trọng đến đánh giá quá trình (bao gồm điểm chuyên cần, thảo luận đóng góp trong học tập, thí nghiệm, thực hành, báo cáo seminar, ...) đáp ứng CĐR môn học. Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng HP được tuân thủ theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá SV **[H2.02.03.05(1-4)]**

Trường ĐHCT đã xây dựng và công bố CĐR cho ngành SPTH, CĐR này được xây dựng dựa trên chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên, trên cơ sở khảo sát các BLQ và các CTĐT được thông báo trên các tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, tuyển sinh đầy đủ. Đề cương chi tiết các HP đều dựa trên ma trận môn học - CĐR và phân bố trong bảng ma trận trong CTDH ngành SPTH. Định kỳ căn cứ trên sự phản hồi của SV, các BLQ, Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa đánh giá và điều chỉnh thông qua các cuộc họp về rà soát đề cương môn học do các BM đề xuất **[H2.02.01.02]**. Nội dung các HP trong CTDH ngành SPTH đều đạt yêu cầu của CĐR và được lấy ý kiến góp ý, phản hồi từ các BLQ. Cụ thể: **Qua khảo sát nhà tuyển dụng, giảng viên trong và ngoài trường, SV ngành SPTH mức độ hài lòng hơn 80%. [H1.01.01.06(1-3)]**. Tuy nhiên, một vài góp ý cho rằng cần tăng số tiết cho các HP chuyên ngành (giảm tải lý thuyết, tăng thực hành), giảm số tiết cho các HP thuộc khối kiến thức chung, tâm lý, giáo dục... Bổ sung thêm học phần trải nghiệm thực tế, tiếng Anh chuyên ngành nên bắt buộc. Tăng cường rèn luyện thiết kế giáo án mới theo hướng phát triển năng lực cho học sinh. Hiện tại, HP Anh văn chuyên ngành (SP191) đã được đưa vào CTDH, nhưng thực tế cần phải có học phần PPGD Tin học bằng tiếng Anh để giúp cho SV có cơ hội tham gia giảng dạy ở một số trường quốc tế trong nước. Việc lấy ý kiến các BLQ chưa được thực hiện thường xuyên hàng năm. Điều này sẽ được cải tiến trong thời gian tới.

2. Điểm mạnh

Các HP trong CTDH ngành SPTH có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi HP nhằm đạt được CĐR. Nội dung các HP trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của BLQ.

Đề cương chi tiết của các HP được thiết kế rõ ràng từ mục tiêu, CĐR HP đều hướng tới đạt được CĐR của CTĐT. Nội dung HP và đánh giá KQHT của SV đều hướng tới mục tiêu là đạt được CĐR của HP.

3. Điểm tồn tại

Chưa xây dựng được HP PPGD Tin học bằng tiếng Anh ở các trường PTTH giúp

cho SV có cơ hội tham gia giảng dạy ở một số trường quốc tế trong nước.

4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục tiếp thu các ý kiến phản hồi của BLQ, đồng thời kiểm tra đánh giá, rà soát lại sự tương thích giữa các HP và CDR để có thể điều chỉnh, cập nhật kịp thời.

Khắc phục tồn tại: Năm 07/2021, BM SPTH sẽ cập nhật CTDH và đề cương HP. Bổ sung thêm HP PPGD Tin học bằng tiếng Anh ở các trường PTTH vào học phần tự chọn.

5. Tự đánh giá

Đạt mức 5/7.

Tiêu chí 3.3. CTDH có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành SPTH được thiết kế gồm ba khối kiến thức có cấu trúc và tỉ lệ phân bổ hợp lý, cân đối giữa lý thuyết và thực hành, có tính tích hợp liên môn. Trong mỗi khối kiến thức đều có các HP bắt buộc để SV tích lũy những kiến thức cốt lõi của ngành học ở từng khối kiến thức và các HP tự chọn khá phong phú nhằm đáp ứng nhu cầu chọn lựa của SV theo định hướng phát triển năng lực cá nhân. Chi tiết về tỉ lệ các khối kiến thức, số TC bắt buộc và tự chọn, số giờ lý thuyết và thực hành trong CTDH ngành SPTH được thể hiện trong khung chương trình và được thống kê trong bảng 3.2 ở phụ lục 4 và sơ đồ hình 3.1 phần phụ lục 4.

Việc thiết kế ba khối kiến thức giáo dục đại cương – cơ sở ngành – chuyên ngành theo trình tự tiếp thu kiến thức, kỹ năng từ đơn giản đến phức tạp, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các HP và sự thống nhất của cả CTĐT, điều này được thể hiện chi tiết trong CTDH ngành SPTH. Để có được thông tin phản hồi liên quan đến sự hài lòng, Trường ĐHCT hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến SV vừa tốt nghiệp thông qua hệ thống lấy ý kiến trực tuyến của Trường, kết quả khảo sát phần lớn đều cho kết quả hài lòng về CTĐT, các hoạt động tổ chức giảng dạy của GV, dịch vụ hỗ trợ Trường để Trường có những điều chỉnh hợp lý. Mặt khác, BM SPTH thu thập thông qua các phiếu khảo sát vào tháng 9/2018 [H1.01.01.06 (1-3)].

Trước khi xây dựng được CDR và CTDH, BM SPTH đã tổ chức khảo sát ý kiến các BLQ (SV năm cuối, giáo viên dạy tin học ở các trường THPT, lãnh đạo phòng ban các Sở Giáo dục và Đào tạo) làm cơ sở thực tiễn. KSP cũng đã tổ chức nhiều phiên họp,

thảo luận và lấy ý kiến góp ý từ hội đồng khoa học và đào tạo của KSP **[H3.03.03.01]** và cuối cùng là góp ý của HĐKH đào tạo Trường để nhóm biên soạn chỉnh sửa và trình duyệt. Trong quá trình xây dựng CĐR, KSP đã tổ chức nhiều đợt tập huấn với sự hỗ trợ của các chuyên gia trong nước và ngoài nước, qua đó đã giúp cho nhóm biên soạn có thêm kỹ năng viết CĐR và thiết kế CTDH **[H3.03.03.02]**. Khi xây dựng chương trình KSP đã có sự phân tích đối sánh với CTĐT ngành SPTH của các trường đại học trong nước như Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Huế **[H3.03.01.03(1-3)]**.

Chương trình dạy học và đề cương chi tiết HP thường xuyên được rà soát, cập nhật, bổ sung 1 - 2 năm/lần. Riêng CTDH được điều chỉnh theo định kỳ 5 năm/lần. Cụ thể: năm 2015, dựa trên Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 **[H3.03.03.03]** Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của GDĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, ThS, TS; căn cứ vào Hướng dẫn 3281/BGDĐT-GDĐH về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến thẩm định CTĐT theo quy định của Thông tư 07/2015/ TT-BGDĐT và Biên bản cuộc họp Hội đồng khoa học và đào tạo trường mở rộng năm 2015 trong đó có đề cập đến vấn đề nhiều SV tốt nghiệp còn yếu về kỹ năng mềm nên cần tăng cường công tác đào tạo kỹ năng mềm cho SV. Trên cơ sở đó, Trường ĐHCT đã tiến hành rà soát lại CTĐT và ra Quyết định 5002/QĐ-ĐHCT về việc ban hành CTĐT vào ngày 31/12/2015 **[H1.01.01.01(2)]**, trong đó đã bổ sung HP kỹ năng mềm (KN001) vào CTDH **[H3.03.03.04]**. Đến năm 2017, Trường ĐHCT đã ra Công văn số 1657/ĐHCT về việc kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết HP thuộc CTĐT trình độ đại học hệ chính quy . KSP cũng đã ra Quyết định số 141/QĐ-KSP về việc Thành lập tổ rà soát, điều chỉnh CTĐT . Đến năm 2018, Trường ĐHCT lại tổ chức rà soát và điều chỉnh toàn bộ các CTĐT trình độ đại học. KSP và BM SPTH cũng đã tổ chức các cuộc họp để điều chỉnh CTĐT. Sau đó, ban hành CTĐT bao gồm cả CTDH vào ngày 30/07/2019 để áp dụng cho khóa 45 **[H1.01.01.01(3)]**, sau đó là quyết định 29/05/2020 cho khóa 46 **[H1.01.01.01(5)]**.

CTDH ngành SPTH khóa 46 được thiết kế theo định hướng tiếp cận năng lực SV có 100 HP gồm 141 tín chỉ, trung bình 17,5 tín chỉ/1 học kỳ (nếu tính trên 8 học kỳ). Mỗi học kỳ SV có thể đăng ký học từ 14 đến 20 tín chỉ tùy vào năng lực và thời gian

của mình. Trường ĐHCT có thêm học kỳ hè. Học kỳ này kéo dài 7 tuần, tạo điều kiện cho SV có thể học thêm một số tín chỉ để hoàn thành chương trình sớm hoặc đúng tiến độ. **Tỉ lệ các khối kiến thức trong CTDH được phân phối hợp lý (Hình 3.2 – Phụ lục 4)**

Trình tự các môn học được sắp xếp logic, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của SV từ năm thứ nhất đến năm thứ tư: đi từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu, chuyên ngành, từ lý thuyết đến thực hành. SV có thời gian hợp lý trong việc học tập trên giảng đường và thực hiện các hoạt động thực hành trong các phòng thí nghiệm, kiến tập và thực tập tại các trường THPT. Chương trình còn cung cấp cho SV kinh nghiệm chuyên môn và kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, tư duy, và khả năng làm việc nhóm), trách nhiệm đạo đức trách nhiệm nghề nghiệp, và cam kết học tập suốt đời để đạt được thành công trong bất kỳ môi trường làm việc nào. Nhìn chung, CTDH ngành SPTH, Trường ĐHCT được xây dựng theo hướng phân bổ hợp lý tỷ lệ thời lượng giữa lý thuyết và thực hành, trải nghiệm. Tích hợp nhiều nội dung kiến thức và kỹ năng học tập và phát triển năng lực SV

2. Điểm mạnh

Các HP trong CTDH ngành SPTH được cấu trúc đảm bảo logic giữa các HP đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành; đảm bảo tính tích hợp giữa mạch nội dung kiến thức với phát triển năng lực SV. Các HP trong CTDH được bố trí hợp lý, được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật.

3. Điểm tồn tại

CTDH ngành SPTH có so sánh đối chiếu với các CTDH của các trường ĐH trong nước nhưng vẫn chưa có sự so sánh với CTDH đại học ngành SPTH của các trường trong khu vực và quốc tế do việc tiếp cận chương trình còn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch hành động

Bộ môn SPTH sẽ chủ động liên hệ với các đối tác của Khoa tại các trường đại học ở các nước trong khu vực để tham khảo về việc xây dựng CTDH. Qua đó, có thể tiếp cận, cập nhật CTDH của các trường này để làm cơ sở, đối sánh khi điều chỉnh CTDH ngành SPTH.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

Chương trình dạy học ngành SPTH được thiết kế dựa trên CDR nên đáp ứng được KQHT mong đợi của CTĐT ngành SPTH, trong đó, mỗi HP đều đóng góp rõ ràng về những kết quả mong đợi đạt được trong CDR. Đề cương chi tiết của các HP trong CTDH được thiết kế rõ ràng từ mục tiêu, CDR HP đều hướng tới đạt được CDR của CTĐT. CTDH và đề cương chi tiết HP thường xuyên được rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung theo định kỳ cho phù hợp với nhu cầu, thực tiễn của xã hội và phù hợp với chuyên môn HH. Việc lấy ý kiến các BLQ về CTDH chưa được thực hiện thường xuyên hàng năm. Chưa tham khảo và đối sánh với CTDH đại học ngành SPTH của các trường quốc tế. Do đó, để khắc phục những tồn tại này, bắt đầu từ năm 2021, BM SPTH và KSP sẽ triển khai thực hiện các công việc sau: Chủ động phối hợp với các Khoa có giảng dạy các HP trong CTDH ngành SPTH để triển khai việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung CDR của các HP cho tương thích với CDR của CTĐT ngành SPTH; Tổ chức lấy ý kiến góp ý, phản hồi của các BLQ hai năm một lần để làm cơ sở cho việc điều chỉnh CTDH, đề cương chi tiết HP phù hợp với nhu cầu thực tiễn xã hội.

○ **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.**

Mở đầu

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục của nước nhà, đặc biệt là đổi mới giáo dục phổ thông, để góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng về đổi mới GD&ĐT, các hoạt động liên quan đến việc dạy và học trong CTĐT ngành SPTH được thiết kế dựa trên nguyên lý giáo dục của Quốc gia “học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn”, NH là trung tâm của quá trình dạy học nhằm đạt được mục tiêu giáo dục của Trường và mục tiêu giáo dục của Khoa. CDR của CTĐT ngành SPTH bao gồm các mặt kiến thức, kỹ năng và thái độ/ mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân. Song song cùng CTĐT của ngành là bộ ĐCCT HP đã thể hiện các PPDH rất phong phú, đa dạng, theo hướng đổi mới PPDH của nước nhà, nhằm thực hiện tốt các CDR và thông qua đó, NH được rèn luyện khả năng tự học, để học suốt đời.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến đến các bên có liên quan

1. Mô tả

Mục tiêu giáo dục của Trường được tuyên bố rõ ràng, chính thức trong các đề án phát triển Trường vào các năm 2007, 2014 và 2019: Đề án qui hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2020 (ban hành kèm theo Quyết định số 6004/QĐ-BGDĐT, ngày 21/9/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT); Đề án điều chỉnh, bổ sung qui hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2022; và đề án

điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2022, tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.01(1-3)].

Năm 2007, mục tiêu xây dựng, phát triển Trường ĐHCT được tuyên bố là: *“Trường Đại học Cần Thơ cần được tiếp tục xây dựng, phát triển thành một trung tâm Đào tạo - Nghiên cứu và Chuyển giao khoa học công nghệ (KHCN) mạnh của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), phấn đấu để năng lực, trình độ đào tạo và nghiên cứu - chuyển giao KHCN đạt trình độ chung của các trường đại học trong khu vực và thế giới đối với một số ngành mũi nhọn vào năm 2020. Thông qua hoạt động của mình, nhà trường phải góp phần ngày càng hữu hiệu vào sự nghiệp phát triển KHCN, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, nâng cao dân trí, phát triển văn hoá xã hội của Vùng, phải trở thành nhân tố động lực có ảnh hưởng mang tính quyết định đối với toàn bộ sự phát triển vùng ĐBSCL với các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế xã hội chủ yếu đã xác định cho giai đoạn tới năm 2010 và thời kỳ tới năm 2020.*

Đến năm 2015 trở về sau, Trường ĐHCT sẽ trở thành một trong những trường có chất lượng đào tạo ngang với các trường tiên tiến khu vực Đông Nam Á và là một trung tâm đào tạo mạnh cho các nước trong lưu vực sông MeKong”.

Trong các đề án phát triển Trường **năm 2014 và 2019** nói trên, mục tiêu của Trường về cơ bản không thay đổi, chỉ điều chỉnh mốc thời gian cho phù hợp với tình hình thực tế. **Tháng 10 năm 2020, mục tiêu giáo dục của Trường được điều chỉnh** theo quyết định số 3627/QĐ-ĐHCT, ngày 27/10/2020 của Hiệu trưởng [H4.04.01.01(4)]: *“Đào tạo nhân lực trình độ cao, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế.*

Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ Nhân dân.”. Mục tiêu giáo dục này được công bố rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của Trường để phổ biến tới các bên liên quan [H4.04.01.01(5)].

Để thực hiện được mục tiêu giáo dục của mình, nguyên lý **“học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn”** được Trường dùng làm kim chỉ nam cho các hoạt động đào tạo; điều này được thể hiện trong **Chính sách ĐBCL** của Trường trong Báo cáo thường niên năm 2016-2020 [H4.04.01.02(1-5)]: *“...Trường ĐHCT cam kết ĐBCL thông qua thường xuyên đổi mới và hội nhập trong đào tạo; sáng tạo và năng động trong nghiên cứu và CGCN; gắn lý thuyết với thực hành để trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cho NH khi ra trường đạt hiệu quả cao trong công việc, có năng lực lãnh đạo và thích ứng với thay đổi”* và chính sách này được công bố công khai trên cổng

thông tin điện tử của Trường (<https://sj.ctu.edu.vn/ql/docgia/baocaothuongnien-2019.html>).

Tháng 12/2017, dựa trên mục tiêu giáo dục của Trường, **mục tiêu của KSP được tuyên bố** trong Đề án phát triển KSP Trường ĐHCT thành trung tâm đào tạo sư phạm, bồi dưỡng giáo viên và nghiên cứu khoa học giáo dục tại Đồng bằng sông Cửu Long [H4.04.01.03(1)].

“Mục tiêu chung

- *Phát triển KSP trở thành Viện Sư phạm nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống đối với công tác đào tạo giáo viên; nâng cao vị thế, vai trò, chức năng để sánh vai với các cơ sở đào tạo giáo viên trong cả nước;*
- *Xây dựng Viện Sư phạm của Trường Đại học Cần Thơ trở thành trung tâm đào tạo sư phạm, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục chất lượng cao tại Đồng bằng sông Cửu Long”.*

Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo sinh viên trở thành những giáo viên, những nhà giáo dục có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có năng lực giảng dạy và học tập suốt đời, có nhân cách và phẩm chất tốt. Đào tạo sinh viên sư phạm có có năng lực tự học để có thể thích ứng với mọi sự chuyển đổi về nội dung, chương trình sách giáo khoa mới; có năng lực cập nhật, tiếp nhận và vận dụng phương pháp dạy học hiện đại vào trường phổ thông; có năng lực hướng dẫn học sinh nghiên cứu hoặc tổ chức những hoạt động trải nghiệm sáng tạo; có năng lực ngoại ngữ để có thể dạy học ở các trường phổ thông quốc tế ở Việt Nam; có năng lực chuyển đổi nghề nghiệp.”

Mục tiêu giáo dục của KSP đã được điều chỉnh trong biên bản họp Hội đồng Khoa vào ngày 24 tháng 11 năm 2020, do Chủ tịch hội đồng KSP ký: *“Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong giảng dạy, quản lý và nghiên cứu khoa học phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế. Đào tạo đội ngũ giáo viên phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, khả năng tự học, sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ Nhân dân”* [H4.04.01.03(2, 3)].

Mục tiêu giáo dục của Khoa được chi tiết hóa trong mục tiêu giáo dục của ngành. Mục tiêu giáo dục của ngành thể hiện trong bản mô tả CTĐT là *“Ngành SPTH đào tạo SV trở thành giáo viên có năng lực chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng khung trình độ quốc gia và chuẩn nghề nghiệp giáo viên hiện hành để giảng dạy môn Tin học ở các trường phổ thông; có khả năng làm công tác tư vấn, nghiên cứu, quản lý ở các trường học, cơ sở đào tạo, các cơ sở quản lý giáo dục; có khả năng tự học và tham gia các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.”* được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường [H4.04.01.04(2-4)], các tờ

roi phục vụ công tác tuyển sinh hướng nghiệp **và các bản in** được quản lý tại Phòng Đào tạo, Khoa và BM.

Hàng năm, BM SPTH tổ chức buổi đón tân SV, theo đó SV được giới thiệu về mục tiêu giáo dục của Trường, nguyên lý giáo dục của Quốc gia và mục tiêu đào tạo của ngành SPTH **[H2.02.03.02(1-5)]**.

2. Điểm mạnh

Trường đã tuyên bố chính thức về mục tiêu giáo dục của Trường. GV hiểu rõ mục tiêu giáo dục của Trường và thực hiện trong việc thiết kế ĐCCT HP và trong QTDH.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn có SV chưa thực sự hiểu rõ mục tiêu giáo dục của Trường thông qua đề cương chi tiết của các HP.

4. Kế hoạch hành động

GV tiếp tục thể hiện tốt mục tiêu giáo dục của Trường trong việc phát triển đề cương chi tiết của các HP.và trong quá trình dạy học. Từ năm 2021, Trường tăng cường các hình thức phổ biến mục tiêu giáo dục để tất cả SV hiểu rõ và thực hiện (sổ tay SV, sinh hoạt CVHT, câu lạc bộ, tổ chức Đoàn Thanh niên...).

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

1. Mô tả

Khi phát triển CTĐT, Trường ĐHCT đã ban hành những quy định về CTĐT và những CĐR tương ứng. Trong mỗi ĐCCT HP, mục tiêu của HP được xác định và đối chiếu với CĐR của CTĐT; CĐR HP được xác định, đối chiếu với mục tiêu HP và CĐR của CTĐT; nội dung HP được xác định và đối chiếu với CĐR HP; từ đó, **các PPGD, nhiệm vụ của SV, việc hướng dẫn SV tự học và TLHT được xác định phù hợp, cùng nhau thực hiện CĐR HP, góp phần thực hiện CĐR của CTĐT [H1.01.01.02(3,4)]**.

Các CTDH được BM SPTH thiết kế tương thích và đạt được các CĐR, Theo đó, để thực hiện việc giảng dạy 1 HP bất kỳ của CTĐT, GV phải sử dụng phối hợp nhiều PPGD khác nhau nhằm phát huy mặt mạnh cũng như khắc phục mặt hạn chế của từng PPGD và KTDH. Các PPGD được thiết kế trong ĐCCT HP K40-44 CTĐT ngành SPTH được tổng hợp bằng **[H4.04.02.01]**. Các PPDH như (1) Diễn giảng kết hợp với liên hệ thực tế; (2) Đàm thoại/vấn đáp kết hợp thảo luận và báo cáo nhóm/phân tích, đánh giá; (3) Thuyết trình; (4) Dạy học nêu vấn đề/tình huống/hợp tác/khám phá; 5 Trực quan; (6) Thực hành/Thực hành thí nghiệm; (7) Trải nghiệm/tham quan và báo cáo thực tế; (8)

Dự án; (9) Đóng vai (SP009)... tùy vào đặc điểm của từng lớp HP, trình độ và số lượng SV trong lớp nhằm giúp SV chủ động tiếp thu lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT ngành SPTH **[H4.04.01.04(2,3)]**. Một số học phần thực hành, tập giảng... được tổ chức giảng dạy trực tiếp trên phòng thí nghiệm, phòng tập giảng của BM để tăng cường kỹ năng thực hành của SV, từ đó hình thành các kỹ năng, kỹ xảo mà SV sẽ phải thực hiện trong hoạt động nghề nghiệp sau này **[H4.04.02.02(1,2)]**.

HP luận văn tốt nghiệp nhằm giúp SV tiếp cận với việc giải quyết trọn vẹn một vấn đề NCKH **[H4.04.02.02(3)]**. Trong CTĐT mỗi SV vào năm cuối trong thời gian học của mình phải thực hiện 01 luận văn tốt nghiệp hoặc tiểu luận tốt nghiệp, cá nhân mỗi SV sẽ phải thực hiện độc lập đề tài mình đã chọn. Sau đó SV làm đề tài sẽ đến gặp GV được phân công hướng dẫn để trao đổi thảo luận chi tiết đề tài của mình để có thể hoàn thành luận văn tốt nghiệp, SV phải chủ động tìm và đọc tài liệu, tự học thêm phương pháp phân tích, thống kê số liệu, viết và trình bày kết quả nghiên cứu. Các hoạt động này đều giúp SV có được các kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề. Ngoài tiểu luận tốt nghiệp, SV tự chọn học ba môn, mỗi môn hai tín chỉ (tương đương 6 tín chỉ) thay thế luận văn, để hoàn thành số tín chỉ bắt buộc trước khi tốt nghiệp, được qui định trong chương trình đào tạo. HP KTSP và HP TTSP là một HP bắt buộc của CTĐT, SV sẽ có 04 tuần KTSP không tập trung và 8 tuần TTSP tập trung tại trường PTTH để dự giờ, học hỏi kinh nghiệm, tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp về công tác GVCN và công tác giảng dạy chuyên môn **[H4.04.02.02(4,5)]**.

Bên cạnh vai trò chủ đạo của GV trong việc thực hiện các PPGD và KTDH nói, vai trò chủ động, tích cực và tự lực của SV trong QTDH được qui định rõ trong ĐCCT HP **[H2.02.02.01(2,3)]**. SV **được hướng dẫn để chuẩn bị cho giờ học** của HP theo từng tuần học, biết được nhiệm vụ cụ thể của mình phải chuẩn bị những gì trước giờ lên lớp (ôn kiến thức cũ có liên quan, tìm thông tin, đọc tài liệu, trả lời câu hỏi lý thuyết, lấy ví dụ, liên hệ thực tiễn, chuẩn bị bài báo cáo...) và các tài liệu cần sử dụng. Trong buổi học đầu tiên của mỗi lớp HP, SV được GV giải thích rõ ràng và đầy đủ về mục tiêu HP, nội dung HP, PPGD và học tập HP, và cách thức ĐG HP. Do đó, SV được tạo điều kiện để chủ động chuẩn bị bài cho giờ học, là cơ sở cho việc chủ động tiếp thu kiến thức và học tập có hiệu quả.

Bên cạnh đó, để giúp tân SV tìm hiểu và nhanh chóng thích nghi với các hoạt động học tập trong CTĐT, hàng năm, trong các buổi đón tân SV cấp khoa và cấp BM, Khoa có tổ chức báo cáo về PP học theo học chế TC, BM có phân chia sẻ kinh nghiệm học tập của SV theo học chế TC **[H2.02.03.02(1-5)]**.

Để đánh giá mức độ hài lòng của GV, SV với các hoạt động dạy và học cũng như PP dạy và học được sử dụng trong CTĐT, vào cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức **lấy ý**

kiến trúc tuyến của NH về việc giảng dạy các HP [H4.04.02.03]. Kết quả của việc khảo sát này được chuyển đến các GV giảng dạy HP (để biết và cải tiến nếu cần) và trưởng các BM quản lý HP (để điều hành) [H4.04.02.03(1-3)]. Kết quả khảo sát cho thấy [H4.04.02.03(6)]:

- Việc “**GV giải thích rõ ràng và đầy đủ về mục tiêu, nội dung, PPGD và học tập và cách thức ĐG HP**” được SV ĐG từ mức hài lòng trở lên đối với hầu hết các lớp HP của CTĐT (trên 95% tổng số lớp HP);

- **Các PPGD mà GV sử dụng cũng được SV ĐG từ mức hài lòng trở lên** đối với hầu hết các lớp HP của CTĐT (trên 95% tổng số lớp HP).

Kết quả đó chứng tỏ rằng các GV đã tích cực hướng dẫn NH và sử dụng các PPGD hiệu quả để NH chủ động học tập nhằm đạt được CĐR. Tuy nhiên vẫn còn một số ít SV (dưới 5% tổng số lớp HP) chưa hài lòng với các PPGD của GV.

Năm 2019, Trường có **lấy ý kiến phản hồi của các NTD**, đối với nội dung “SVTN ngành SPTH đáp ứng nhu cầu tuyển dụng về kiến thức chuyên môn và kiến thức NVSP”, kết quả là: điểm trung bình của các NTD dành cho nội dung này ở mức hài lòng [H4.04.02.04]. Như vậy, có thể nói các hoạt động dạy và học đã được thiết kế phù hợp để NH đạt được CĐR về kiến thức, trong đó phải kể đến vai trò của GV.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học được GV, SV sử dụng đa dạng, linh hoạt, CTĐT có nhiều HP thực tập, thực hành, GV và SV có tham gia các hoạt động NCKH.

Các hoạt động dạy - học thường được GV thiết kế, điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng HP nhằm đạt CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

3. Điểm tồn tại

Chưa thường xuyên tổ chức hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học theo hướng phát triển năng lực SV cho khối ngành SP.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: tiếp tục cập nhật điều chỉnh các hoạt động dạy và học kết hợp với hoạt động thực tế để thu hút sự yêu thích học tập của SV

Khắc phục tồn tại: Từ 07/2021, 2 năm 1 lần, KSP, BM SPTH tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, trao đổi với SV về đổi mới các PPDH theo hướng phát triển năng lực, kết hợp tổ chức lấy ý kiến với các BLQ để giới thiệu về MT, CTĐT và xin ý kiến góp ý điều chỉnh MT, chương trình, CĐR cho sát với yêu cầu thực tiễn.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV

1. Mô tả

Nhằm tăng cường việc học tập suốt đời và kỹ năng nghề nghiệp cho SV, việc thiết kế CTĐT có chú trọng các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng của SV, cụ thể là 100% đề cương chi tiết các HP mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp học phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm và nâng cao khả năng học tập suốt đời cũng như 100% đề cương chi tiết các HP qui định SV phải có 2 giờ tự học tương ứng với 1 giờ lên lớp và mô tả hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV **[H4.04.02.01]**.

Trong các HP, nhiệm vụ của SV là thảo luận, báo cáo, thuyết trình, thực hành..., các hình thức và nội dung ĐG tương ứng với nhiệm vụ như điểm thảo luận, báo cáo, thuyết trình, thực hành... cùng với các nhiệm vụ cụ thể trong phần “Hướng dẫn SV tự học” được mô tả trong các ĐCCT HP nói trên thể hiện việc rèn luyện các kỹ năng cứng liên quan đến nghề DH (xây dựng và thực hiện kế hoạch DH...) và những kỹ năng mềm (hợp tác, tự học, học suốt đời...). Ví dụ, trong HP Tập giảng Tin học **[H4.04.02.02(1)]**, khi SV được yêu cầu chuẩn bị về một nội dung chuyên môn, sau đó đóng vai trò là giáo viên lên trình bày, sau đó điều khiển lớp cho ý kiến và trao đổi về phần trình bày; GV hướng dẫn và điều chỉnh cách trao đổi nếu cần (về nội dung, cách dùng từ trong giao tiếp, cách tìm ra điểm tương đồng, thái độ, cử chỉ...) thì SV được rèn luyện đồng thời cả kỹ năng chuyên môn (về nội dung) và cả kỹ năng mềm (hợp tác, giao tiếp).

Trong **tất cả các ĐCCT HP của CTĐT [H2.02.02.01(2,3)]**, mục “**Hướng dẫn SV tự học**” cùng với các thông tin về TLHT (tên tài liệu, địa chỉ tìm kiếm) là cơ sở để SV tìm và sử dụng tài liệu cho việc chuẩn bị bài, **tự học, tự nghiên cứu** trong từng tuần học của HP. Trong các ĐCCT HP đó, nội dung mục “Nhiệm vụ của SV” giống nhau ở chỗ SV phải chủ động thực hiện giờ tự học; nhưng các nhiệm vụ tự học thì mang nét đặc thù của từng HP, rất phong phú và đa dạng, liên quan đến việc học trong giờ chính khóa như: chuẩn bị, thuyết trình và nộp các bài thuyết trình; chuẩn bị và nộp các bài tập tự học được giao (cá nhân, nhóm); soạn và nộp giáo án, chuẩn bị phương tiện, tập giảng theo nhóm trước giờ học chính khóa, thực hành giảng trong giờ chính khóa; sưu tầm thông tin, viết về một chủ đề, báo cáo một vấn đề có liên quan đến HP... Việc gắn kết các nhiệm vụ tự học vào việc học trong giờ chính khóa như trên, tạo ra động lực để SV tự học (chuẩn bị bài để nộp, để trình bày, để trao đổi, để được góp ý, để được ghi nhận thành tích trong ĐG thường xuyên...), và là biện pháp để GV quản lý việc tự học của SV (nhìn vào sản phẩm của việc tự học là bài nộp, phần trình bày, phần trao đổi ý kiến... của SV trong giờ chính khóa liên quan đến nhiệm vụ tự học, GV biết được SV có thực

sự tự học theo nhiệm vụ đã được giao hay không, kết quả ra sao, qua đó GV có thể có những nhắc nhở và điều chỉnh nếu cần). Khi thực hiện những nhiệm vụ tự học đó, SV phải tự tìm, đọc, nghiên cứu tài liệu từ những nguồn khác nhau (giáo trình, bài giảng, sách tham khảo, SGK, thông tin từ internet, thông tin về chương trình giáo dục phổ thông và việc DH hiện tại ở trường phổ thông...), trao đổi với bạn bè, hỏi và xin tư vấn từ những người khác về những nội dung có liên quan, xử lý thông tin, tổng hợp thông tin, thực hành, rút kinh nghiệm, hoàn thành sản phẩm, báo cáo, rút kinh nghiệm sau báo cáo và hoàn thành sản phẩm ở mức độ cao hơn (ví dụ, nộp giáo án lần 2 sau khi đã chỉnh sửa; hoặc nộp báo cáo chuyên đề lần 2 sau khi được chỉnh sửa)... Như vậy, **thông qua các hoạt động tự học** được yêu cầu trong các HP của CTĐT, **SV được rèn luyện nhiều kỹ năng** (tìm kiếm và xử lý thông tin, hợp tác...), **qua đó hình thành và phát triển năng lực tự học, làm cơ sở cho việc học tập suốt đời.**

GV thực hiện các PPGD phù hợp như đã công bố trong ĐCCT HP hoặc bổ sung thêm xu hướng DH mới (lớp học trực tuyến, hoạt động trải nghiệm, thực hành...) **để tổ chức, hướng dẫn SV thực hiện các hoạt động học một cách chủ động, qua đó NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.** Điều này được thể hiện thông qua việc GV và SV tham gia vào các lớp học trực tuyến trong hệ thống học tập trực tuyến của Trường [H4.04.03.01(1,2)]; các sản phẩm mà SV đã tạo ra trong các lớp HP như bài thuyết trình, giáo án, video hướng dẫn thực hiện bài thí nghiệm, luận văn, tiểu luận, bài báo khoa học; các kết quả KTSP, TTSP ở trường phổ thông ... và các đề tài NCKH mà GV đã thực hiện [H4.04.03.01(3-6)]. Do đó, **nguồn tài liệu** phục vụ cho hoạt động dạy và học không chỉ là những tài liệu đã được liệt kê trong các ĐCCT HP mà còn có thêm những thứ khác như những thứ mà SV đã tạo ra (LV, bài báo khoa học...).

Tất cả các **nguồn tài liệu trên đáp ứng được nhu cầu học tập của SV** và đã được SV xác nhận thông qua các đợt khảo sát ý kiến trực tuyến của Trường vào mỗi học kỳ đối với NH (*Đối với câu hỏi khảo sát mức độ hài lòng của NH “Nguồn tài liệu mà GV cung cấp giúp làm rõ nội dung HP và đáp ứng được nhu cầu học tập của anh/chị”, số lớp HP được SV ĐG từ mức hài lòng trở lên chiếm trên 90%; số lớp HP còn lại được ĐG ở mức gần như hài lòng*) [H4.04.02.03(1-4)].

Việc GV hướng dẫn và KT giờ tự học của SV trong từng lớp HP được phản hồi từ SV, vào cuối mỗi học kỳ, thông qua hệ thống lấy ý kiến trực tuyến của NH về việc giảng dạy các HP, và được SV ĐG ở mức độ hài lòng trở lên đối với hầu hết các lớp HP (trên 90% SV ĐG từ mức hài lòng trở lên) [H4.04.03.02(5)].

Kết quả KTSP, TTSP hàng năm của SV (được ĐG bởi các trường THPT) phản ánh một cách khách quan rằng **SV đi KTSP, TTSP đáp ứng được yêu cầu của công việc đúng với chuyên ngành đào tạo**, đó là quan sát, học hỏi kinh nghiệm, tham gia

giảng dạy và chủ nhiệm lớp (Tỉ lệ SV ngành SPTH có kết quả KTSP, TTSP đạt từ loại B⁺ trở lên trên tổng số SV của ngành đi TTSP, trong các năm 2016-2020, đều đạt trên 90%) **[H4.04.03.03(1-4)]**. Kết quả này cho thấy quá trình dạy và học để thực hiện CTĐT đã giúp SV tích lũy được những kỹ năng cơ bản và nâng cao khả năng tự học để hoàn thành tốt đợt KTSP, TTSP.

Hàng năm, đối với SV đã hoàn thành CTĐT, ở thời điểm đăng ký xét TN, Trường lấy ý kiến về mức độ hài lòng của họ đối với CTĐT. Kết quả thu được, đối với nội dung “PPGD của các GV giúp bạn phát triển các kỹ năng học và kỹ năng mềm”, là điểm trung bình cho các năm 2016-2020 về mức độ hài lòng đều trên 3 **[H4.04.03.04(1,2)]** (giữa mức hài lòng và rất hài lòng :mức hài lòng là 3, mức rất hài lòng là 4). Kết quả này cho thấy **SV hài lòng về PPGD của GV đối với việc phát triển kỹ năng mềm**, tuy nhiên mức độ rất hài lòng chưa cao lắm.

Phần lớn các HP trong khối kiến thức chuyên ngành là nền tảng, cơ sở để SV có thể tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn là các HP như hóa cơ sở hóa phân tích, hóa vô cơ, hóa hữu cơ, hóa lý. Khối kiến thức cơ sở ngành này giúp SV tốt nghiệp có thể tìm được việc và phát triển nghề nghiệp của mình ở một ngành khác thuộc khối ngành tự nhiên như làm việc ở các cửa hàng hóa chất, làm việc ở các trung tâm phân tích mẫu, ... Có trên 80% tổng số SV trở lên đã đi làm hoặc có đi làm thêm trong năm học cuối trả lời rằng **kiến thức và kỹ năng họ đã học có đáp ứng được nhu cầu công việc [H4.04.03.04(3)]** đúng chuyên ngành đào tạo, bên cạnh đó những kỹ năng mềm và khả năng tự học cũng đã giúp SV thích ứng với nhu cầu của việc làm dù không đúng với chuyên ngành đào tạo. Vẫn còn không ít SV trả lời rằng kiến thức và kỹ năng đã học không đáp ứng được nhu cầu công việc, đây là điều không mong đợi, nhưng họ vẫn có việc làm; có thể, họ làm những việc không đúng với chuyên ngành đào tạo, họ vẫn làm được, như vậy cũng có thể nói rằng những kỹ năng mềm và những kiến thức cơ bản mà họ đã học trong CTĐT đã giúp họ tự bồi dưỡng, tự bổ túc những kiến thức và kỹ năng cho việc làm của họ.

Năm 2019, Trường có lấy ý kiến **phản hồi của các NTD**, đối với nội dung “SVTN ngành SPTH có đáp ứng nhu cầu tuyển dụng về các kỹ năng (kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm)”, kết quả là: điểm trung bình của các NTD dành cho nội dung này nằm giữa mức bình thường và mức hài lòng, nghiêng về mức hài lòng (Mức bình thường: 3; mức hài lòng: 4; điểm trung bình: 3,86) **[H4.04.02.04]**. Kết quả này chưa được như mong đợi, nhưng cũng chấp nhận được, bởi lẽ SV sau khi TN, nếu được đi dạy cũng còn phải trải qua thời gian tập sự giảng dạy theo quy định.

Một trong những điều kiện quan trọng để SV ngành SPTH có thể tốt nghiệp ra trường, là phải có trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh hoặc tiếng Pháp) đạt được tương đương

trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu) thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT ngành SPTH K.45 [H4.04.01.04(3)].

Trường ĐHCT có quỹ học bổng khuyến khích SV tham gia các chương trình trao đổi SV với các trường quốc tế. KSP và BM SPTH cũng không ngừng đẩy mạnh công tác trao đổi SV với các trường ĐH tại Nhật và tại Thái lan [H4.04.03.05] nhằm tạo nguồn động lực thúc đẩy SV không ngừng nỗ lực học tập, tạo sự đa dạng trong môi trường học tập và tạo cơ hội cho SV có thể được tiếp tục học tập ở các bậc học cao hơn tại các trường đại học ở nước ngoài để tìm kiếm cơ hội tốt cho bản thân trong tương lai.

2. Điểm mạnh

Các hoạt động dạy và học hiện đại đã thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng năng thiết yếu về chuyên môn và các kỹ năng mềm như giao tiếp, hợp tác, tư duy, sáng tạo và kỹ năng tự học, tự nghiên cứu giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV.

3. Điểm tồn tại

Một số SV chỉ chú trọng đến việc học kiến thức, xem nhẹ việc rèn luyện các kỹ năng trong quá trình học tập, đặc biệt là các kỹ năng mềm.

Mức độ hài lòng của SV đối với PPGD của GV trong việc phát triển kỹ năng mềm cho SV chưa cao lắm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: GV tiếp tục hướng dẫn NH thực hiện các nhiệm vụ tự học theo ĐCCT HP và gắn kết các nhiệm vụ tự học vào việc học trong giờ chính khóa. GV tiếp tục sử dụng linh hoạt các hoạt động dạy và học, khuyến khích SV làm NCKH dưới nhiều hình thức (đăng ký đề tài NCKH cấp trường theo nhóm SV, làm LVTN trước khi ra trường ...), tạo động lực cho SV hình thành, phát triển kỹ năng nghề nghiệp cũng như nền tảng vững chắc để nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV.

Khắc phục tồn tại: Cuối mỗi năm học BM SPTH tổ chức buổi hội thảo, tọa đàm trao đổi với SV về kỹ năng giúp SV tự tin hơn, phát huy những điểm mạnh của bản thân và rèn luyện thêm kỹ năng mềm cho SV.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Với MT giáo dục rõ ràng, KSP và BM SPTH đã thường xuyên tiếp thu ý kiến đóng góp, phản hồi từ các BLQ để phát huy các PPDH phù hợp; tổ chức các hoạt động gắn NCKH, hoạt động gắn kết với CTĐT nhằm rèn luyện các kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tư duy và sự tự tin của SV. Bên cạnh đó, BM SPTH cần tạo các môi trường giúp SV có thể đi tìm hiểu các trường THPT ngay từ năm thứ nhất, có cái nhìn thực tế về

nghề dạy học; tổ chức những hội nghị, hội thảo về cải tiến CTĐT cho SV và cách dạy học cho GV theo tiếp cận CDIO.

○ **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên**

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của SV đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình đào tạo. Do đó, việc đánh giá kết quả học tập SV ngành SPTH được Trường và Khoa chú trọng bắt đầu từ khâu tuyển sinh đầu vào cho đến khi tốt nghiệp. Việc đánh giá được thiết kế một cách có hệ thống trong quá trình đào tạo, phù hợp với CDR của CTĐT. Trường có các quy định rõ ràng về đánh giá kết quả của SV và được thông báo công khai trước mỗi khoa học và trước khi học mỗi HP. Trong quá trình đánh giá sử dụng các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến SV nhằm giúp SV có cơ hội cải thiện kết quả và giải quyết kịp thời các vấn đề khiếu nại về kết quả học tập của SV. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của ngành SPTH – Trường ĐHCT nhận được sự phản hồi tốt của các BLQ (GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng,...).

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR

1. Mô tả

Việc đánh giá kết quả học tập của người học ngành SPTH được thiết kế rõ ràng và phù hợp với mức độ đạt được CDR. Cụ thể Trường đã công bố bản mô tả CTĐT của ngành SPTH trong đó mô tả chi tiết CDR của SV sau khi tốt nghiệp và danh sách tất cả các HP của ngành **[H1.01.01.03]**. Đồng thời, Trường cũng đã công bố các đề cương chi tiết của các HP bao gồm các thông tin về MT của HP, cấu trúc HP cũng như quy định về cách đánh giá HP của GV giảng dạy HP **[H2.02.02.01]**. Để đảm bảo phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT,

Việc đánh giá người học của ngành SPTH được thực hiện xuyên suốt và có hệ thống trong suốt quá trình đào tạo dựa trên mức độ đạt được CDR của mỗi HP, được thực hiện cả hai loại hình là đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, bao gồm: điểm chuyên cần, điểm bài tập, điểm báo cáo seminar, điểm thi giữa HP và điểm thi kết thúc HP nhằm đánh giá mức độ đạt được CDR một cách toàn diện nhất. Điều này thể hiện cụ thể qua đề cương chi tiết các HP **[H2.02.02.01]**. Thi kết thúc HP là bắt buộc và điểm phải có trọng số không dưới 50% **[H5.05.01.01]**.

Đối với CĐR là ngoại ngữ, ngay từ khi SV nhập học ở học kỳ đầu tiên, Trường cũng đã tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh của SV để SV có được KH học tập tiếng Anh phù hợp **[H5.05.01.02]**. Việc đánh giá quá trình học tập liên tục và bằng nhiều hình thức giúp việc đánh giá SV được toàn diện hơn, cả về kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV, kích thích SV không ngừng phấn đấu để đạt kết quả tốt hơn trong học tập. Các phương pháp đánh giá đa dạng bao gồm thi viết tự luận/trắc nghiệm; báo cáo nhóm; thực hiện bài phức trình, thi thực tập (với các HP thực tập). Đối với các hình thức đánh giá là báo cáo nhóm và thi thực tập GV có phiếu chấm điểm với các tiêu chí chấm điểm cụ thể. **[H5.05.01.03], [H5.05.01.04]**.

Mỗi HP đều có CĐR về mặt thái độ được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết HP [H2.02.02.01]. Trong quá trình dạy học GV đánh giá tiêu chí này bằng cách quan sát thái độ học tập và mức độ chuyên cần của SV (điểm danh SV từng buổi học). Theo Quy định công tác học vụ dành cho SV chính quy. SV phải tham dự tối thiểu 80% số tiết đối với HP lý thuyết. Nếu SV vắng mặt nhiều hơn thời gian quy định sẽ bị cấm thi. **[H5.05.01.01]**. Tuy nhiên, hiện chưa có HP nào có bảng tiêu chí đánh giá chi tiết dành cho phần đánh giá kết quả học tập về mặt thái độ của SV nên kết quả đánh giá HP của SV chưa phản ánh được hết mức độ đạt được CĐR của SV về mặt thái độ.

Các công tác tổ chức thi học kỳ, đánh giá kết quả học tập của SV được quy định cụ thể trong Quy định Công tác học vụ **[H5.05.01.01]**. Trong thời gian tổ chức thi học kỳ, KSP đều tổ chức các đoàn kiểm tra công tác coi thi, đảm bảo kỳ thi diễn ra đúng theo Quy định công tác học vụ đã được Trường ban hành. Hoạt động của các tổ giám sát thi học kỳ ở Khoa được lưu lại bằng văn bản và kèm theo báo cáo tổng kết sau khi kết thúc đợt giám sát **[H5.05.01.05], [H5.05.01.06], [H5.05.01.07]**.

SV ngành SP có hai HP đặc thù là KTSP và TTSP, được thực hiện vào HK 5 và HK 8 của quá trình đào tạo. Đây là hai HP trang bị cho SV những kiến thức và kinh nghiệm giảng dạy ở môi trường thực tế. Hoạt động KTSP và TTSP được KSP lên kế hoạch cụ thể và phổ biến với SV trước khi SV xuống trường phổ thông **[H5.05.01.08], [H5.05.01.09]**. Việc đánh giá quá trình KTSP và TTSP của mỗi SV do giáo viên tại trường SV thực tập thực hiện **[H5.05.01.010]**. SV được đánh giá chủ yếu về hai mặt: giảng dạy và công tác chủ nhiệm. Sau khi kết thúc mỗi đợt KTSP/TTSP, KSP đều có Báo cáo tổng kết về tình hình thực tập/kiến tập của SV, đúc kết lại những thuận lợi, khó khăn và đề ra các giải pháp khắc phục các hạn chế để các lần KTSP/TTSP sắp tới ngày

càng tốt hơn, đáp ứng được nhu cầu thực tế của các trường PT **[H5.05.01.11]**, **[H5.05.01.12]**.

Vào HK 2 của năm học thứ 4, SV SP phải thực hiện luận văn tốt nghiệp 10 tín chỉ hoặc hoặc học một số HP để đạt được khối kiến thức tương đương **[H1.01.01.03]**. SV làm luận văn phải bảo vệ kết quả nghiên cứu trước một hội đồng đánh giá luận văn. Việc bảo vệ sẽ được công khai trước hội đồng nhằm đánh giá tổng thể những kỹ năng và kiến thức CĐR của CTĐT đã quy định **[H1.01.01.03]**, **[H5.05.01.13]**. Nếu SV làm tiểu luận thay thế luận văn tốt nghiệp thì cũng phải nộp kết quả nghiên cứu cho hội đồng chấm tiểu luận.

Điểm trung bình các HP dùng để xếp loại học tập của SV **[H5.05.01.01]**. Ngoài ra, mỗi SV sẽ được xét điểm rèn luyện cuối mỗi học kỳ để đánh giá vào quá trình phấn đấu, học tập và tham gia các phong trào của lớp, Khoa, Trường và cộng đồng. Kết quả HT và rèn luyện được dùng để xếp loại, khen thưởng SV vào cuối mỗi HK và khi tốt nghiệp. **[H5.05.01.01]**, **[H5.05.01.14]**.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT đã ban hành các quy định, quy trình rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của SV đồng thời BM SPTH cũng đã xây dựng đầy đủ đề cương chi tiết các HP trong đó nêu rõ MT/CĐR của HP và các hình thức đánh giá kết quả học tập phù hợp với mục tiêu/ CĐR của HP đó.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá CĐR về mặt thái độ chưa được định lượng hóa.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: GV tiếp tục thường xuyên rà soát về nội dung, hình thức đánh giá kết quả học tập để đảm phương pháp ĐG kết quả học tập luôn phù hợp với CĐR của CTĐT.

Khắc phục tồn tại: Vào 08/2022, KSP và BM SPTH cần đưa ra tiêu chí đánh giá cụ thể CĐR về thái độ.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá KẾT QUẢ HỌC TẬP của SV (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới SV

1. Mô tả

Nhằm ĐBCL đào tạo, Trường ĐHCT đã ban hành những quy định cụ thể về vấn đề đánh giá KẾT QUẢ HỌC TẬP và **công bố công khai** tới SV với nhiều hình thức khác nhau.

Theo quy định trong Quy chế công tác học vụ dành cho SV ĐH hệ chính quy do Trường ban hành [H5.05.01.01], việc đánh giá KẾT QUẢ HỌC TẬP dựa trên điểm số của các HP. Hình thức đánh giá HP, trọng số các điểm thành phần do GV đề xuất, trưởng BM, trưởng khoa quản lý HP duyệt và công bố trong đề cương chi tiết HP [H2.02.02.01]. Cả Quy chế công tác học vụ dành cho SV ĐH hệ chính quy và Đề cương chi tiết các HP đều được đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường để SV dễ dàng tiếp cận [H2.02.03.05], [H5.05.02.01]. Trường ĐHCT cũng ban hành các quy định về công tác tổ chức đánh giá và quản lý KẾT QUẢ HỌC TẬP, cụ thể là về công tác tổ chức thi, chấm thi, quản lý bài thi, hồ sơ và kết quả thi. Các quy định này được phổ biến đến SV qua Quy chế công tác học vụ dành cho SV [H5.05.01.01]. Vào buổi học đầu tiên, GV phụ trách HP phổ biến cho SV về phương pháp đánh giá kết quả học tập và thang điểm của HP. Ngoài ra, CVHT cũng phổ biến những thông tin chung về đánh giá kết quả học tập theo Quy định Công tác học vụ dành cho SV trình độ đại học hệ chính quy qua các buổi họp với SV được tổ chức vào mỗi HK trong suốt quá trình học [H2.02.03.06].

Đối với HP đặc thù của ngành SP như KTSP và TTSP thì KSP có phát hành Tài liệu hướng dẫn TTSP và KTSP trong đó nêu rõ những yêu cầu SV phải đạt được đối với hai học phần này [H5.05.02.02]. Tài liệu hướng dẫn TTSP và KTSP cũng như các biểu mẫu liên quan được công khai trên website KSP [H5.05.02.03], [H5.05.02.04].

KẾT QUẢ HỌC TẬP của SV không chỉ được đánh giá dựa trên điểm cuối kỳ của các học phần mà còn dựa trên điểm rèn luyện của SV trong suốt thời gian SV học tại trường. Điểm rèn luyện cũng được đánh giá theo từng học kỳ. Trường đã ban hành Quy chế đánh giá KQRL dành cho SV [H5.05.01.14] và Sổ tay SV [H5.05.02.05] trong đó nêu rõ các tiêu chí đánh giá điểm rèn luyện của SV. Sổ tay SV được công bố trên website của Phòng Công Tác SV [H5.05.02.06].

2. Điểm mạnh

Trường, BM đã ban hành đầy đủ các quy định về vấn đề đánh giá KẾT QUẢ HỌC TẬP của SV các. Các quy định này đều được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường đồng thời GV cũng thông báo đến SV những quy định này.

3. Điểm tồn tại

Một số GV đánh giá KẾT QUẢ HỌC TẬP không bám sát hình thức đánh giá đã công bố trong đề cương chi tiết HP.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Thường xuyên rà soát về nội dung, hình thức đánh giá để đảm bảo cập nhật, phù hợp với CĐR của CTĐT.

Khắc phục tồn tại: GV phụ trách HP cần thường xuyên cập nhật hoặc đưa nhiều hình thức đánh giá KẾT QUẢ HỌC TẬP vào đề cương chi tiết HP và cập nhật kịp thời trên trang web của Trường ĐHCT.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả

Hàng năm, Trường ĐHCT đều ban hành Quy định công tác học vụ dành cho SV trong đó có quy định chi tiết về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của SV, thang điểm đánh giá kết quả học tập từng HP cũng như các hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đa dạng: tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy, vấn đáp, viết tiểu luận, làm thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng HP nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng **[H5.05.01.01]**.

Việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện thông qua đánh giá kết quả các HP. Mỗi HP có MT riêng về kiến thức, kỹ năng và thái độ nên phương thức đánh giá của các HP khác nhau cũng sẽ khác nhau nhằm phù hợp với mức độ đạt được CĐR. Mối liên hệ giữa các HP và CĐR của ngành được thể hiện rõ qua bản mô tả CTĐT **[H1.01.01.03]**. Phương thức đánh giá HP được mô tả chi tiết trong đề cương chi tiết các HP **[H2.02.02.01]**. Bên cạnh đó, để hỗ trợ GV thực hiện tốt các công tác đánh giá kết quả học tập của SV, Trường đã ban hành quyển Sổ tay GV trong đó hướng dẫn chi tiết về phương pháp đánh giá kết quả học tập **[H5.05.03.01]**.

Sự đa dạng trong việc sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của SV được thể hiện trong Bảng 5.1 **[H5.05.03.02]**.

HP Tin học căn bản là HP lý thuyết nên điểm thành phần được chia thành 2 phần: điểm giữa kỳ 30%, điểm cuối kỳ 70% như đối với đa số các HP lý thuyết khác và phù hợp với quy định trong Quy định công tác học vụ. Về hình thức đánh giá HP, do đặc thù của ngành SPTH là SV sau khi ra trường sẽ đi dạy, SV cần được rèn luyện kỹ năng lập luận có logic, nói/viết đều phải rõ ràng, mạch lạc nên tất cả các HP lý thuyết trong CTĐT của ngành đều được thiết kế hình thức thi kết thúc HP là thi viết (tự luận). Đối với HP TT Hóa Đại Cương là HP về thực hành nên trong thang điểm của HP gồm điểm thực hành (được GV chấm trong các buổi thực tập) và điểm thi kết thúc HP. Về hình thức thi cuối kỳ với các HP thực tập nói chung, BM SPTH không quy định phải thi tự luận mà có thể chọn hình thức thi trắc nghiệm hoặc thi thực hành. **[H5.05.03.03]**.

Ngoài ra, đối với HP Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tin học (SG175), CDR của HP là SV có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm tin học ứng dụng trong dạy học và các thiết bị phần cứng liên quan nên phương pháp kiểm tra đánh giá đối với HP này là SV thi thực hành trên máy tính/ thiết kế các bài giảng dựa trên những kiến thức đã được học. Ngoài các bài đánh giá năng lực cá nhân còn có bài báo cáo nhóm, từ đó từ đó giúp phát triển kỹ năng mềm của SV **[H5.05.03.04]**.

Điểm HP của SV được GV công bố công khai cho SV thông qua trang thông tin điện tử của BM đồng thời GV sắp xếp lịch hẹn với SV để giải quyết các khiếu nại về điểm số. Nếu vấn đề SV khiếu nại không giải quyết trực tiếp được với GV phụ trách HP, GV sẽ ghi nhận khiếu nại đó vào Sổ tay theo dõi phản hồi kết quả học tập của SV, sau đó GV sẽ trao đổi với các GV cùng chuyên ngành ở BM để đưa ra hướng giải quyết khiếu nại **[H5.05.03.05]**. Sau khi giải quyết hết các khiếu nại về điểm của SV, GV nhập điểm lên hệ thống quản lý của Trường đồng thời nộp bảng điểm có chữ ký của SV để Khoa lưu trữ **[H5.05.03.06]**. Bài thi cuối kỳ của SV được Khoa lưu trữ lại để phục vụ cho công tác QLCL **[H5.05.03.07]**.

Vào cuối mỗi học kỳ Trường đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi trực tuyến của SV về hoạt động giảng dạy của GV **[H5.05.03.08]**. Các thông tin thu thập được là một kênh thông tin phản hồi cần thiết giúp GV điều chỉnh lại PPGD phù hợp hơn, sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng hơn, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Tuy nhiên tỉ lệ SV tham gia khảo sát thấp nên kết quả khảo sát thu được

không mang tính đại diện cho đa số SV đang theo học ngành SPTH **[H5.05.03.09]**.

Bên cạnh hoạt động lấy ý kiến phản hồi trực tuyến của SV vào cuối mỗi học kỳ, KSP và BM SPTH cũng tiến hành lấy ý kiến phản hồi của các BLQ vào mỗi năm (gồm SV SPTH, GV và nhà tuyển dụng) về phương pháp ĐG kết quả học tập của GV ở BM SPTH. **Kết quả khảo sát các BLQ năm 2018 cho thấy 69,8% SV được khảo sát (Bảng 5.2) và 86,9% GV Trường ĐHCT được khảo sát cho rằng việc ĐG kết quả học tập của GV ở BM SPTH là đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng (đạt hài lòng ở mức 4 và mức 5) [H1.01.01.06(1,2)].**

Về việc tổ chức thi kết thúc HP, đối với các HP chung của nhiều chuyên ngành sẽ được Khoa quản lý HP sắp xếp. Đối với các HP riêng lẻ, GV giảng dạy HP tự sắp xếp để tổ chức thi và chịu trách nhiệm hoàn toàn công tác ĐG. Nhằm đảm bảo độ giá trị và sự công bằng trong hoạt động ĐG KẾT QUẢ HỌC TẬP của các HP riêng lẻ, từ học kỳ 1 năm học 2019-2020, BM yêu cầu GV kiểm tra sự phù hợp của đề thi, đáp án, thang điểm với CDR HP và đề cương đã công bố thông qua việc lập biên bản rà soát đề thi, đáp án, thang điểm và gửi về cho Trưởng BM xét duyệt **[H5.05.03.10], [H5.05.03.11]**.

2. Điểm mạnh

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của ngành SPTH sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá dựa trên CDR và các tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, đối với các HP riêng lẻ, GV giảng dạy HP tự đảm nhận và chịu trách nhiệm hoàn toàn công tác ĐG nên việc đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy của công tác ĐG ở các HP này ít nhiều còn mang tính chủ quan.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục thực hiện quy trình đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực, đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết quả học tập và sử dụng phù hợp với đối tượng, tiến tới chuyên nghiệp hóa hoạt động kiểm tra, đánh giá trong đào tạo.

Khắc phục tồn tại: BM SPTH thường xuyên rà soát công tác đánh giá bằng cách chấm kiểm tra nhằm tăng cường độ tin cậy, độ giá trị, công bằng, khách quan trong việc đánh giá.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để SV cải thiện việc học tập

1. Mô tả

Các quy trình đánh giá kết quả học tập được quy định chặt chẽ nhằm đảm bảo các quy trình được thực hiện theo đúng kế hoạch, để kết quả đánh giá được thông báo kịp thời đến SV đảm bảo SV có điều kiện cải thiện kết quả học tập. GV phải trả bài kiểm tra và bài thi trước lớp; nhập điểm HP vào hệ thống quản lý trực tuyến theo quy định của Trường **[H5.05.01.01]**.

Trường có Hệ thống quản lý, đảm bảo quản lý kết quả học tập của SV chặt chẽ, chính xác, độ tin cậy cao, hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của SV dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi **[H5.05.04.01]**. Bảng điểm của từng HP của SV được Trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở Khoa, lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Trường. kết quả học tập được thông báo kịp thời đến SV qua tài khoản của SV trên trang web của Trường.

Trường có quy định về việc thông báo, cảnh báo học vụ đối với các SV theo từng học kỳ, nhằm thông báo cho SV có kết quả học tập kém biết và có phương án học tập thích hợp nhằm hoàn thành CTĐT trong thời gian cho phép, đồng thời Trường cũng có quy định tạo điều kiện cho SV có thể học lại và học cải thiện điểm để cho SV đạt kết quả học tập tốt nhất **[H3.03.02.01]**.

Để nắm tình hình học tập của SV và hỗ trợ SV trong quá trình học tập Khoa đã phân công cán bộ phụ trách các lớp chuyên ngành (CVHT) **[H5.05.04.02]**. CVHT có trách nhiệm ghi nhận thông tin và hỗ trợ SV giải quyết các vấn đề khó khăn trong học tập, trong đó bao gồm các vấn đề về việc phản hồi kết quả đánh giá học tập của SV.

Trường có các quy định hướng dẫn về việc đề nghị xem xét lại điểm thi từ phía SV và quy định trách nhiệm và thời gian phản hồi, Khoa là đơn vị chuyên trách giải quyết các vấn đề liên quan đến quy trình đánh giá. Các vấn đề liên quan đến ý kiến của SV về điểm thi đã được giải quyết kịp thời và thông tin tới SV theo đúng quy trình và thời gian quy định **[H5.05.01.01]**.

Vào cuối mỗi HK, Trường đều thực hiện lấy ý kiến sinh viên học lớp lý thuyết đối với hoạt động giảng dạy của GV. Tuy nhiên do số lượng SV thực hiện cho ý kiến quá ít nên thông tin thu được không đáng kể. Để cải thiện số lượng SV cho ý kiến phản hồi từ SV, bắt đầu từ HK 1 năm học 2020-2021 Trường đã đưa ra thông báo bắt buộc SV phải

thực hiện việc cho ý kiến. Kết quả lấy ý kiến SV của 14 lớp lý thuyết ở HK 1 năm học 2020-2021 cho thấy trên 90% SV được khảo sát hài lòng và rất hài lòng khi được GV thông tin phản hồi và giải thích rõ ràng nội dung và kết quả đánh giá (bài kiểm tra, thi giữa/cuối kỳ) [H5.05.03.09(5)].

KSP và BM SPTH cũng tiến hành khảo sát lấy ý kiến của SV về việc phản hồi kết quả đánh giá của người học [H1.01.01.06(1)]. Kết quả khảo sát năm 2018 được trình bày trong Bảng 5.4 cho thấy 75,5% SV khảo sát hài lòng (ở mức 4 và 5) rằng kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

2. Điểm mạnh

Kết quả học tập của SV được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác thông qua hệ thống phần mềm quản lý chuyên dụng và được sự hỗ trợ tích cực, kịp thời của các bộ phận chức năng và cán bộ, GV. 100% SV được thông báo kết quả học tập kịp thời.

3. Điểm tồn tại

Hiện CVTH chưa có kênh thông tin phản hồi từ GV giảng dạy các HP của lớp cổ vấn về hoạt động học tập của SV, CVHT chỉ biết được điểm số khi SV đã hoàn thành HP nên gặp khó khăn trong vấn đề hỗ trợ SV kịp thời trong học tập.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục thực hiện việc quản lý, lưu trữ, phản hồi kết quả thông qua hệ thống quản lý chuyên dụng của Trường. Tăng cường chức năng của các bộ phận hỗ trợ nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV trong việc cải thiện kết quả học tập để hoàn thành CTĐT một cách tốt nhất.

Khắc phục tồn tại: Từ 9/2021, Trường nên xây dựng hệ thống lấy ý kiến phản hồi của các GV giảng dạy các HP trong từng học kỳ, từ đó giúp CVHT nắm thông tin và có thể tư vấn kịp thời cho NH cải thiện việc học tập.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 5.5. SV tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. Mô tả

Điểm HP được tính từ các điểm thành phần, tối thiểu gồm 2 phần: điểm kiểm tra giữa kỳ và điểm thi kết thúc HP. Điểm kiểm tra giữa kỳ được GV công bố và giải quyết khiếu nại trực tiếp trên lớp trước khi kết thúc HP. Điểm thi cuối kỳ và điểm tổng kết của

HP được GV công bố đến SV trên hệ thống thông tin điện tử của Trường. Nếu SV có khiếu nại về điểm số có thể liên hệ trực tiếp GV giảng dạy HP được xem lại bài thi và đáp án, thang điểm. Thời hạn khiếu nại và chỉnh sửa điểm HP được GV phụ trách HP thông báo với SV theo quy định của Trường **[H5.05.01.01]**.

Để tạo điều kiện cho SV tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập, Trường đã có những quy định cụ thể về quy trình kiểm tra, điều chỉnh kết quả học tập của SV **[H5.05.05.01(1)]**. Những thông tin này được GV giảng dạy phổ biến trước lớp hoặc SV có thể tự tìm hiểu trên trang thông tin điện tử của Trường **[H5.05.05.02]**. Khi có nhu cầu khiếu nại về điểm học phần SV có thể tự tải đơn xin phúc khảo trên trang web của Trường **[H5.05.05.01(2)]**.

Việc khiếu nại về kết quả học tập của SV SPTH sẽ được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng, tuy nhiên trong 5 năm gần đây BM SPTH chưa ghi nhận bất kỳ khiếu nại nào của SV **[H5.05.03.04]**.

2. Điểm mạnh

Trường đã ban hành những quy định cụ thể về vấn đề khiếu nại kết quả học tập của SV, thông báo công khai đến SV giúp SV dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

Trường và Khoa có các bộ phận chuyên trách để hỗ trợ SV trong quá trình giải quyết khiếu nại một cách nhanh chóng và thuận lợi.

3. Điểm tồn tại

Chưa nhận thấy điểm tồn tại.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục thực hiện tốt các quy trình liên quan đến việc quản lý điểm và giải quyết các kết quả khiếu nại của SV.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Việc đánh giá kết quả học tập của SV bám sát các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Trường đã ban hành các quy trình hướng dẫn việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mức độ đạt được CDR. Phương pháp và qui trình kiểm tra, đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, MT từng HP; đánh giá được mức độ tích lũy của SV về kiến thức chuyên môn, kỹ năng

thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; không ngừng đổi mới qui trình, phương pháp kiểm tra đánh giá. Các kết quả đánh giá học tập được công bố công khai và kịp thời cho SV. kết quả học tập của SV được quản lý, lưu trữ và thông báo kịp thời, chính xác và an toàn. Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ để hỗ trợ SV trong suốt quá trình học tập tại Trường. Trường đã ban hành những quy định cụ thể về giải quyết khiếu nại kết quả học tập của SV, giúp SV dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại.

○ **Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

Mở đầu

Đội ngũ GV của BM SPTH - KSP - Trường ĐHCT được quy hoạch, tuyển dụng nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. GV của BM có trình độ chuyên môn cao, đã và đang tích cực tham gia vào các loại hình NCKH khác nhau. Bên cạnh đó, tỉ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV luôn được đo lường, giám sát làm căn cứ cho việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định dựa trên quy chế được ban hành. Ngoài ra năng lực của đội ngũ GV được xác định và ĐG. Hàng năm, BM đã luôn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng cũng như thế mạnh, năng lực chuyên môn đặc thù của từng GV. Trường đã xây dựng và triển khai hệ thống quản trị theo kết quả công việc của GV và đã tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ. Những thành tích, đóng góp của đội ngũ GV về các loại hình và số lượng NCKH của GV được xác lập, giám sát và đối sánh hàng năm để cải tiến chất lượng.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường ĐHCT đã xây dựng Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm giai đoạn 2015-2020, trong đó có quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Trường trong giai đoạn này [H4.04.01.05(1,2)]. Để thực hiện đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT, Nhà trường đã có văn bản hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch

phát triển đơn vị **[H6.06.01.01]**. Trên cơ sở chiến lược của Trường và KSP, BM SPTH đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV ngành Tin học. Việc quy hoạch đội ngũ GV luôn được BM chú trọng và được xem như là một trong các nhiệm vụ then chốt và được thể hiện trong kế hoạch năm học, được rà soát, bổ sung Hàng năm dựa trên báo cáo về nhu cầu nhân lực của từng BM **[H6.06.01.02]**. .

Trường có văn bản quy định tiêu chuẩn và quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm GV dựa trên nhu cầu nhân lực của từng đơn vị trong Trường. Các văn bản này được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường **[H6.06.01.03]**. Hàng năm, Trường ra thông báo tuyển dụng và tổ chức thi tuyển theo kế hoạch đã được phê duyệt. Kế hoạch và nhu cầu tuyển dụng của BM được báo cáo về đơn vị và trường theo quy trình **[H6.06.01.04]**. Trên cơ sở yêu cầu vị trí việc làm từ các đơn vị **[H6.06.01.05]**, Trường đã tổng hợp và ban hành thông báo tuyển dụng **[H6.06.01.06]**. Quy trình tuyển dụng VC của BM SPTH tuân theo quy trình chung của phòng TCCB Trường ĐHTC **[H6.06.01.07]**. Kết quả tuyển dụng được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và trên các phương tiện thông tin đại chúng **[H6.06.01.08]**. Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV được quy định rõ ràng. Các chế độ và phúc lợi xã hội được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành **[H6.06.01.09]**.

Các chế độ và phúc lợi xã hội cho CBVC được tuyển dụng, bổ nhiệm hay miễn nhiệm được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và theo các chính sách hiện hành của Nhà nước **[H6.06.01.10]**. Ngoài ra để thu hút, khuyến khích và động viên cán bộ, Trường có nhiều chính sách quan tâm đến sự phát triển đội ngũ như tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các cán bộ GV hoàn thành việc bảo vệ luận án TS và được công nhận đạt chuẩn chức danh GS, PGS, cán bộ có bài báo công bố trên tạp chí quốc tế, tạp chí ISI, Scopus **[H6.06.01.11]**. Bên cạnh đó GV còn được tham gia bồi dưỡng thăng hạng GV hạng I, II, III, tham gia tập huấn phát triển năng lực NVSP **[H6.06.01.12]**.

Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, BM SPTH khuyến khích và tạo điều kiện tối đa để GV theo học tập nâng cao trình độ. **Giai đoạn 2015 đến 2018, GV SPTH có sự cải tiến trong học tập nâng cao trình độ với 3 GV hoàn thành TS, 1 GV trúng tuyển NCS. Từ năm 2018 đến tháng 10/2020 BM SPTH có 2 GV được bổ nhiệm GVC. Hiện nay, đội ngũ GV của BM gồm 13 người, trong đó có 06 TS (chiếm 46%) và 07 Ths (chiếm 54%)**

(Bảng 6.1 và 6.2 - Phụ lục 4); với độ tuổi trung bình của GV là 41. Trong những năm gần đây, do chỉ tiêu tuyển sinh ngành SPTH giảm khoảng 20 SV/năm nên giai đoạn 2015 đến 2019 BM SPTH không có chỉ tiêu tuyển dụng GV mới. Đến tháng 09/2020 có 1 GV trúng tuyển thay cho 1 GV về hưu. Tỷ lệ GV có học vị TS là 46%, đáp ứng đầy đủ về số lượng và chất lượng chuyên môn cho công tác đào tạo.

Công tác NCKH cũng là một trong các tiêu chí để lập kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GV. Đến nay các tổ chuyên môn của BM SPTH đều có GV có trình độ TS, đủ năng lực thực hiện các đề tài KHCN các cấp **[H6.06.01.13]**. Ngoài ra, GV ngành SPTH cũng có các công bố khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín hàng đầu thế giới **[H6.06.01.13]**.

Các GV BM SPTH tích cực tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: tham gia chấm thi kỳ thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh phổ thông tại Sở GD TPCT, tham gia tập huấn, bồi dưỡng NVSP cho giáo viên THPT các tỉnh ĐBSCL **[H6.06.01.14]**.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa/BM luôn chú trọng việc quy hoạch và đào tạo đội ngũ GV, chính sách tuyển dụng và quy hoạch GV học tập nâng cao trình độ. Trường luôn có chính sách đãi ngộ đối với GV nhằm khuyến khích GV tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Quy hoạch đội ngũ của Trường được thực hiện nghiêm túc. Kết quả, đội ngũ GV ngành SPTH được quy hoạch, có chuyên môn, nghiệp vụ SP tốt, có khả năng học tập nâng cao trình độ và NCKH.

3. Điểm tồn tại

Do số lượng GV cơ hữu của BM SPTH chỉ dựa vào số lượng SV nên công tác tuyển dụng GV chưa đáp ứng yêu cầu mức độ công việc.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: BM SPTH sẽ tiếp tục làm tốt công tác xây dựng, rà soát, lập kế hoạch bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nguồn cán bộ cơ hữu. Khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ đạt tiến độ phấn đấu được quy định cho GV bậc ĐH. BM khuyến khích GV học tập nâng cao trình độ và kỹ năng NCKH nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, từ đó thu hút ngày càng nhiều SV SPTH.

Khắc phục tồn tại: Nhà Trường sẽ xem xét lại cơ chế phát triển đội ngũ GV cho BM SPTH để đảm bảo đủ về số lượng, trình độ đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH, đảm

bảo tính kế thừa và liên tục.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ GV/SV và khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Tổng số GV tham gia giảng dạy tại ngành SPTH tính đến 12/2020 là 13 với độ tuổi bình quân là 41 tuổi; Số GV có trình độ TS là 06 (chiếm tỷ lệ 46%), ThS là 07 (chiếm tỷ lệ 54%), trong đó có 2 GV đang làm NCS **[H6.06.02.01]**. Tỷ lệ GV/SV của ngành SPTH luôn đảm bảo theo quy định của BGDDT **[H6.06.02.01]**. Trong năm học 2019-2020 tỷ lệ GV quy đổi/SV là 1/9.89 (Bảng 6.3 – Phụ lục 4). Đây là một trong các căn cứ cho việc xây dựng, rà soát, bổ sung, bồi dưỡng GV cho ngành.

Trường đã ban hành định mức giờ chuẩn cho GV bao gồm giờ giảng dạy, giờ NCKH và giờ hoạt động chuyên môn, có quy định và hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc các loại hình hoạt động của GV (Bảng 6.4 – Phụ lục 4) **[H6.06.01.10]**, **[H6.06.01.11]**. Việc thực hiện miễn giảm giờ chuẩn theo chức danh, vị trí công tác và cho GV được cử đi học cũng được quy định rõ ràng **[H6.06.02.02]**. Để giám sát đảm bảo GV hoàn thành giờ nghĩa vụ của năm, đầu năm học Trường yêu cầu GV đăng ký khối lượng công tác bao gồm giờ đứng lớp, giờ NCKH và các công việc khác. Các công tác này được quy ra giờ chuẩn (G) theo qui định tối thiểu phải thực hiện trong một năm (Bảng 6.5 – Phụ lục 4). Trường BM SPTH giám sát giờ nghĩa vụ cũng như độ chênh lệch giờ đăng ký và phân công của mỗi GV (GV nhiều nhất và GV có giờ ít nhất) trên cơ sở giờ chuẩn quy định của Trường. Sau đó, bản đăng ký khối lượng công tác hàng năm của từng GV được trình lên cấp trên phê duyệt và thực hiện **[H6.06.02.03]**. Vào cuối mỗi năm học, các GV ngành SPTH đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xây dựng kế hoạch cho năm học mới. Căn cứ theo chức danh, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, sau đó việc đánh giá được tiến hành ở BM, hội đồng Khoa và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Qua đánh giá, xếp loại, những GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao được hưởng các hình thức khen thưởng theo quy định **[H6.06.02.04]**.

Không những giám sát và quản lý về khối lượng công việc của GV thông qua đánh

giá viên chức cuối năm. Trường cũng có biện pháp giám sát, quản lý chất lượng công việc của GV thông qua việc lấy ý kiến đánh giá của NH về chất lượng giảng dạy của GV **[H5.05.03.08], [H5.05.03.09]**. Trong 4 năm gần đây, tất cả các GV ngành SPTH đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn **[H6.06.02.05]**. Việc này không chỉ giúp từng GV ngành Tin học đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ; mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy.

Về hoạt động cộng đồng, ngoài giảng dạy và NCKH, các GV cũng tham gia vào các phong trào tổ chức kỷ niệm, văn nghệ, thể thao được tổ chức bởi KSP và công đoàn khoa **[H6.06.02.06]**. Cán bộ viên chức được khuyến khích tham gia nhiều hoạt động cộng đồng như tham gia họp mặt kỷ niệm ngày thành lập hội LHPNVN 20/10, tổ chức ngày phụ nữ VN, tổ chức vui tết trung thu, tổ chức quốc tế thiếu nhi cho con em CBVC, hưởng ứng ngày GDVN, tăng cường công tác tuyên truyền cho phong trào hiến máu tình nguyện **[H6.06.02.07]**.

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ GV/người học của ngành SPTH vượt mức cao so với yêu cầu của BGDĐT. Tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ cao và tiếp tục tăng lên trong những năm tiếp theo. Các GV đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của GV còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục làm tốt công tác cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của GV dựa trên việc đo lường, giám sát tỷ lệ GV/SV và khối lượng công việc.

Khắc phục tồn tại: Đến 07/2021, Nhà Trường sẽ có cơ chế định lượng để đánh giá các hoạt động phục vụ cộng đồng.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Trường ĐHCT có các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển. Các tiêu chí này được quy định rõ ràng, cụ thể, trong đó trọng tâm là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ theo Thông tư 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV- ngày 28/11/2014.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội, tiêu chí tuyển dụng vị trí của GV trong trường ĐH ngày càng nâng cao. Trước kia, Trường chỉ yêu cầu ứng viên có trình độ thạc sĩ, những năm gần đây đòi hỏi ứng viên phải có trình độ từ TS trở lên mới được ưu tiên. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV, kế hoạch tuyển chọn, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường (Phòng TCCB) và các phương tiện thông tin đại chúng **[H6.06.03.01]**.

Công tác tuyển dụng GV được thực hiện thông qua Hội đồng tuyển dụng viên chức Trường với sự giúp việc của PTCCB và các đơn vị trực tiếp tuyển dụng viên chức. Quy trình tuyển dụng GV được tổ chức chặt chẽ, khoa học và được trình bày tóm tắt qua 12 bước như sau: (1) Các đơn vị lập kế hoạch tuyển dụng gửi Trường phê duyệt; (2) Trường phê duyệt kế hoạch tuyển dụng; (3) Thông báo kết quả phê duyệt kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị; (4) Các đơn vị lập kế hoạch tuyển dụng gửi Phòng TCCB ra thông báo tuyển dụng; (5) PTCCB phát hành thông báo tuyển dụng; (6) PTCCB thu nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển; (7) Lập danh sách ứng viên đủ điều kiện dự tuyển; (8) Đơn vị có nhu cầu tuyển dụng thành lập Ban đánh giá năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của ứng viên (tổ chức thi giảng, phỏng vấn...); (9) Tổng hợp hồ sơ liên quan đến kết quả đánh giá ứng viên để chuẩn bị họp Hội đồng tuyển dụng; (10) Họp Hội đồng xét tuyển viên chức; (11) Thông báo kết quả trúng tuyển đến các ứng viên; (12) Ký kết hợp đồng lao động với ứng viên được tuyển chọn **[H6.06.01.07]**. Sau khi có quyết định tuyển dụng, các GV tập sự đều phải tham gia dự giờ chuyên môn, biên soạn và trình bày đề cương bài giảng cũng như giảng thử trước khi được lên lớp chính thức. Trong 01 năm thử việc, GV tập sự thường được Khoa phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ **[H6.06.03.02]**.

Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Ngoài ra Trường cũng xây dựng tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như trưởng Khoa/Viện, phó trưởng Khoa, trưởng và phó trưởng BM **[H6.06.03.03]**, các tiêu chuẩn để bổ nhiệm GS, PGS, GVC cũng được cụ thể hóa và cải tiến theo quy định của BGDĐT **[H6.06.03.04]**.

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm GV.

3. Điểm tồn tại

Chưa phát hiện.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng và bồi dưỡng GV thông qua xác định tốt các tiêu chí tuyển dụng và công khai hóa các tiêu chí này, đồng thời cập nhật và bổ sung các tiêu chí mới khi cần thiết.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được tuyển dụng được xác định và đánh giá

1. Mô tả

Trên cơ sở quy định của nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức GV theo Thông tư số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV- ngày 28/11/2014 và Thông tư số 47/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014, Trường ĐHCT có xác định rõ ràng về năng lực của GV thông qua quy định về tuyển dụng viên chức **[H6.06.03.01(2)]** và quy định về chế độ làm việc của GV **[H6.06.02.02]**. Trong đó, GV ngoài nhiệm vụ giảng dạy và đánh giá SV. GV phải có năng lực về CNTT, năng lực ngoại ngữ, bồi dưỡng theo chức danh nghề nghiệp GV hạng I, hạng II, hạng III. Cụ thể GV phải có chứng chỉ NVSP, chứng chỉ CNTT, chứng chỉ An ninh quốc phòng đạt chuẩn quy định. Theo đó, GV phải có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, nội dung CTĐT và không ngừng đổi mới chất lượng dạy và học. Ngoài ra, GV cần phải tham gia NCKH, biên soạn tài liệu học tập, tham gia HTQT và đảm nhiệm công tác CVHT. Các công việc này được quy thành giờ chuẩn theo quy định chế độ làm việc của GV Trường ĐHCT **[H6.06.02.02]**. Năng lực GV giảng dạy ngành SPTH cũng được xác định và đánh giá theo các quy định chung của

Trường.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ GV, Trường cũng có quy định cụ thể về tiến trình phấn đấu nâng cao trình độ của cán bộ giảng dạy, trong đó các GV phải không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và bồi dưỡng ngoại ngữ **[H6.06.04.01]**. GV hoàn thành tiến trình phấn đấu trước thời hạn yêu cầu của quy định sẽ được xem xét cộng điểm trong đánh giá thi đua khen thưởng hàng năm. Đối với GV được tuyển dụng trong 5 năm gần đây (từ năm 2014 về sau), khi đến thời hạn yêu cầu của quy định, nếu GV không hoàn thành các yêu cầu theo quy định mà không có lý do chính đáng sẽ có thể bị chấm dứt hợp đồng lao động. Hình thức xử lý này có mức độ nghiêm ngặt ngày càng cao. Cụ thể, đối với các GV được tuyển dụng từ năm 2013 trở về trước nếu chưa hoàn thành chương trình cao học có thể được xem xét chuyển sang vị trí việc làm khác.

Mỗi GV có nghĩa vụ hoàn thành khối lượng giờ chuẩn bắt buộc theo quy định về chế độ làm việc đối với GV ĐHCT **[H6.06.02.02]**. Số giờ chuẩn bắt buộc được xây dựng căn cứ vào chức danh, trình độ và hệ số lương của các GV. Trong đó, có quy định cụ thể giờ nghĩa vụ dành cho giảng dạy và NCKH. Những đơn vị, BM, cá nhân không hoàn thành giờ nghĩa vụ phải làm báo cáo giải trình và gửi về Trường thông qua Phòng Tổ chức cán bộ **[H6.06.04.02]**.

Căn cứ vào Nghị định của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức viên chức (NĐ số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015), Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 56/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức (NĐ số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/07/2017), Trường cũng có quy định rõ ràng về các tiêu chí và quy trình đánh giá xếp loại cán bộ viên chức **[H6.06.04.03]**. Vào cuối mỗi năm học, các GV đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới. Việc tự đánh giá căn cứ theo chức danh, nhiệm vụ được giao, sau đó được tiến hành ở BM và Lãnh đạo Khoa, cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Từ đó, Trường quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học **[H6.06.02.04(2)]**. Từ năm 2015 đến 2020, đa phần các GV ngành SPTH đều hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đề ra trong năm (Bảng 6.6 – Phụ lục 4) **[H6.06.04.04(1-5)]**.

Việc đánh năng lực của GV còn được thể hiện thông qua ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV. Vào cuối mỗi học kỳ Trường đều tiến hành lấy ý kiến

phản hồi trực tuyến của SV về hoạt động giảng dạy của GV **[H5.05.03.08]**. Các thông tin thu thập được là một kênh thông tin phản hồi cần thiết giúp GV điều chỉnh lại PPGD phù hợp hơn. Tuy nhiên tỉ lệ SV tham gia khảo sát thấp nên kết quả khảo sát thu được không mang tính đại diện cho đa số SV đang theo học ngành SPTH **[H5.05.03.09]**. Vai trò của GV là CVHT cũng được khảo sát thông qua kiểm tra giờ sinh hoạt để qua đó nắm bắt tình hình học tập và sinh hoạt cho SV, từ đó có các biện pháp hỗ trợ cần thiết cho SV trong học tập và đời sống **[H2.02.03.06]**.

Năng lực của GV còn được thể hiện thông qua năng lực NCKH. Cán bộ BM SPTH có năng lực tham gia nhiều đề tài NCKH cấp Bộ, đề tài hợp tác, đề tài cấp cơ sở, hướng dẫn đề tài NCKH của SV **[H6.06.04.05]**, **[H3.03.01.02]**, **[H6.06.01.13]**. Công tác đánh giá NCKH của GV cũng được thực hiện theo quy trình nghiêm túc, khách quan, khoa học theo quy định và hướng dẫn cụ thể. Quy trình đăng ký, thuyết minh, thực hiện, nghiệm thu và quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ KHCN cũng được hướng dẫn và quy định rõ ràng **[H6.06.01.11]**. Ngoài ra, BM cũng tổ chức sinh hoạt học thuật dưới dạng báo cáo seminar ở mỗi học kỳ với các chủ đề về khoa học chuyên môn lẫn phương pháp SP, trong đó các thành viên tham dự trao đổi, chia sẻ thông tin và đóng góp ý kiến và đánh giá cho các nghiên cứu được trình bày **[H6.06.04.06]**.

Về hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu học tập, trường cũng có quy định và yêu cầu cụ thể đối với nội dung giáo trình và chức danh, trình độ của ban biên soạn giáo trình. Cụ thể, chủ biên hoặc đồng chủ biên phải có chức danh GS, phó GS hoặc trình độ TS đúng chuyên ngành với giáo trình biên soạn, thành viên tham gia biên soạn giáo trình phải là GV có kinh nghiệm giảng dạy nội dung biên soạn trên 3 năm. GV được tham gia biên soạn TLHT liên quan đến HP đang giảng dạy, đối với các sách chuyên khảo, chủ biên hoặc đồng chủ biên phải có chức danh GS, PGS, GVC hoặc có trình độ TS. Giáo trình và TLHT phải được thông qua sau quy trình thẩm định của hội đồng **[H6.06.04.07]**.

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Năng lực này được đánh giá hàng năm qua quy trình tự đánh giá, có góp ý của GV cùng BM và sau đó trình lên Khoa và Trường. Khoa và Trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của GV còn hạn chế nên chưa đủ thông tin để đánh giá năng lực giảng dạy của GV từ SV.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Hàng năm, Trường tiếp tục đẩy mạnh việc xác định rõ năng lực giảng dạy của GV và tiến hành đánh giá với nhiều hình thức đa dạng và nhiều cấp độ khác nhau.

Khắc phục tồn tại: Từ 07/2021, Trường sẽ có quy chế cụ thể để SV tích cực tham gia cho ý kiến phản hồi về hoạt động giảng dạy của GV ở mỗi môn học sau mỗi học kì

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Trường ĐHCT luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ. Hàng năm, Nhà trường có khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của các CBVC toàn Trường **[H6.06.05.01]** để làm cơ sở dự trù kinh phí cho hoạt động đào tạo CB Hàng năm **[H6.06.05.02]**. **Trên cơ sở tổng kết nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ GV BM (Bảng 6.7 – Phụ lục 4) [H6.06.05.03(1-5)]**, Trường tổng hợp danh sách số lượng GV của các đơn vị toàn Trường cần được đào tạo cho từng khoa học ngắn hạn hoặc dài hạn, trong nước hoặc ngoài nước **[H6.06.05.04(1-5)]**.

Trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác **[H6.06.02.02]**. Cán bộ đáp ứng đủ điều kiện học tập nâng cao trình độ sẽ được Trường ra quyết định cử đi học và thu nhận sau khi hoàn thành khóa đào tạo **[H6.06.05.05]**. **Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả (Bảng 6.8 - Phụ lục 4), từ năm 2015 đến nay ngành SPTH đã có thêm 03 TS, nâng tỷ lệ GV có trình độ TS trong ngành lên 46% [H6.06.05.06]**. Trong 7 GV còn lại của ngành có 2 GV đang trong quá trình làm luận án TS và 5 GV là thạc sĩ **[H6.06.05.06]**. **Kế hoạch quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của nhà Trường và kết quả thực hiện ở BM SPTH được trình bày ở Bảng 6.2 - Phụ lục 4**. Các GV trong ngành đều tích cực tham gia tập huấn các khóa về phát triển năng lực nghiệp vụ SP (Bảng 6.9

- Phụ lục 4) [H6.06.01.12]. Qua đó cho thấy GV của ngành SPTH đáp ứng (trên 75%) nhu cầu đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch của Trường. **Ví dụ cụ thể, mức độ đáp ứng yêu cầu về trình độ tiến sĩ ở BM SPTH/quy hoạch của Trường là 46%/56% (đáp ứng 82% nhu cầu đào tạo tiến sĩ của Trường) và thạc sĩ là 54%/40% %.**

Quá trình thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của GV được giám sát ở nhiều mức độ. **Thông qua hoạt động đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình nâng cao trình độ của CB được giám sát và ghi nhận (Bảng 6.6 – Phụ lục 4) [H6.06.02.04(2)].** BM thường xuyên theo dõi tiến trình phấn đấu của mỗi GV. Nhà trường cũng tổ chức rà soát định kỳ tiến trình phấn đấu của các đơn vị [H6.06.04.01(2)]. Việc học tập nâng cao trình độ của GV cũng được quản lý thường xuyên. Trong quá trình đi học thì GV có trách nhiệm báo cáo tiến độ học tập sau mỗi 6 tháng về cho Khoa và Trường. Những trường về chậm tiến độ, kéo dài thời gian học tập phải trình bày lý do hợp lý [H6.06.05.07].

2. Điểm mạnh

Trường và BM SPTH đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ GV. BM SPTH có đội ngũ GV với tỷ lệ TS đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Do hoàn cảnh gia đình, BM SPTH có 2 GV chưa hoàn thành tiến trình phấn đấu được quy định cho GV Trường ĐHCT.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: BM SPTH có kế hoạch hàng năm để khuyến khích các GV học tập nâng cao trình độ và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ giảng dạy.

Khắc phục tồn tại: Đến 07/2022, BM SPTH tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và điều kiện giảng dạy để 2 GV chưa hoàn thành tiến trình phấn đấu được tiếp tục học tập nâng cao trình độ đáp ứng quy định của Trường ĐHCT.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường có quy trình, tiêu chí để đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn được quy định rõ ràng trong các văn bản của Trường như Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHCT **[H6.06.01.10]**, Quy định quản lý KHCN **[H6.06.01.11]**, Quy định về chế độ làm việc của GV **[H6.06.02.02]**, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCT **[H6.06.06.01]**. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, Trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV cũng như chính sách và chế độ ưu đãi đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHCT **[H6.06.01.10]**; quy định về chế độ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường ĐHCT **[H6.06.03.04]**. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN **[H6.06.01.11]**. Hàng năm Trường có hướng dẫn cụ thể về công tác tổng kết năm học, kê khai các hoạt động của GV, đánh giá GV và bình xét danh hiệu thi đua, theo đó việc đánh giá kết quả công việc phải được thực hiện công khai từ cấp cơ sở **[H6.06.04.03]**.

Vào đầu năm học, Khoa xây dựng kế hoạch năm học cho toàn đơn vị, cụ thể đến từng GV để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động **[H6.06.06.02]**. Việc đánh giá kết quả hoạt động của GV được tiến hành một cách công khai theo từng BM. Kết quả giảng dạy và NCKH của các GV được kê khai minh bạch và quản lý online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học, ... **[H6.06.06.03]**. Kết quả NCKH công bố trên các tạp chí quốc tế được Trường khen thưởng. Những trường hợp không hoàn thành định mức giảng dạy và NCKH được đánh giá ở mức không hoàn thành nhiệm vụ và không được hưởng chế độ thu nhập tăng thêm **[H6.06.01.10]**, **[H6.06.02.02]**. Cuối năm học, BM tổng hợp khối lượng giảng dạy, NCKH, công tác khác kèm theo minh chứng để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó là đánh giá ở cấp Khoa **[H6.06.06.04]**. Căn cứ trên kết quả đánh giá từ Khoa, Trường sẽ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện

nhiệm vụ hàng năm đối với cán bộ, viên chức và có các quyết định công nhận các danh hiệu thi đua. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm. Bên cạnh đó, những cá nhân có thành tích cao, đột xuất, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn **[H6.06.06.05]** hoặc bổ nhiệm vào vị trí chuyên môn hoặc hành chính. Nhà trường còn có quy định khen thưởng với các công trình khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín **[H6.06.01.10]**. Các GV mới hoàn thành TS được tặng máy tính và được ưu tiên xét duyệt đề tài nghiên cứu cấp trường. Mỗi cán bộ, GV đều có bộ hồ sơ năng lực được bổ sung tích lũy hàng năm **[H6.06.06.06]** do Phòng TCCB quản lý.

Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp GV ngành SPTH nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và Trường. Trong các năm qua, GV của ngành luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy và NCKH (Bảng 6.5 - Phụ lục 4) **[H6.06.02.05]**. Kết quả xét thi đua khen thưởng hàng năm, tất cả các GV trong BM SPTH đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến **[H6.06.02.04(2)]**.

Kết quả thi đua khen thưởng được công bố công khai, minh bạch đến toàn thể GV qua email, cũng như được lưu trữ tại bộ phận chuyên trách của Khoa, Trường. Trước khi ra quyết định chính thức về kết quả đánh giá phân loại CCVC, Nhà Trường gửi thông báo kết quả đến các cá nhân, đơn vị. Trong thông báo có ghi rõ thời hạn gửi ý kiến thắc mắc đến phòng Tổ chức-Cán bộ để trình Hiệu trưởng xem xét, giải đáp **[H6.06.06.07]**. Kết quả phân loại này là căn cứ để thực hiện công tác xét thi đua khen thưởng. Nhờ quy trình đánh giá, phân loại, xét thi đua khen thưởng được thực hiện có trình tự và minh bạch, tất cả các GV trong Trường, Khoa nói chung và BM SPTH nói riêng đều hài lòng về kết quả thi đua khen thưởng hàng năm, minh chứng là không có trường hợp khiếu nại, phản đối nào về kết quả được xét duyệt trong giai đoạn từ 2015 đến 2020.

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống quy định, quy chế quy trình để đánh giá hoạt động của GV được triển khai đồng bộ từ cấp BM đến cấp trường nên tạo động lực và hỗ trợ cho GV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Quy trình đo lường kết quả công việc của GV được định lượng qua giờ chuẩn nhưng tỷ trọng quy đổi của công việc khác nhau chưa sát thực tế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Khắc phục tồn tại: Từ 07/2021, Trường sẽ có cải tiến quy đổi giờ chuẩn cho các công việc phù hợp với yêu cầu thực tế.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Cùng với đào tạo, hoạt động NCKH và phát triển công nghệ được Trường coi là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện MT và sứ mạng xây dựng Trường ĐHCT trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu chất lượng cao. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ gắn kết với quá trình đào tạo của Trường, hỗ trợ cho quá trình đào tạo. Trường có quy định cụ thể về các loại hình và định mức hoạt động KHCN mà mỗi GV phải đảm nhận tùy theo chức danh và vị trí công tác trong Quy định chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHCT **[H6.06.02.02]**, Quy chế chi tiêu nội bộ **[H6.06.01.10]**. Các loại hình hoạt động và định mức NCKH mà GV tham gia bao gồm: thực hiện các đề tài, dự án KHCN các cấp; công bố bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo, tham khảo; hướng dẫn SV NCKH; tổ chức các seminar chuyên môn. Trường cũng có quy định tính giờ chuẩn NCKH cho các loại hình hoạt động KHCN cụ thể này **[H6.06.01.11]**.

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPTH, GV BM luôn coi trọng công tác NCKH. Trong kế hoạch năm học Hàng năm, các GV ngành SPTH luôn đề ra những MT NCKH cụ thể đảm bảo số giờ nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh đã quy định **[H6.06.07.01]**, **[H6.06.02.03]**. Trường và Khoa có hệ thống giám sát, đánh giá nhằm đảm bảo về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV. Phòng QLKH là đơn vị có chức năng quản lý, giám sát các hoạt động KHCN, đồng thời Khoa phân công một lãnh đạo phụ trách trực tiếp hoạt động này **[H6.06.07.02]**. Khối lượng các hoạt động NCKH của GV được quản lý trên phần mềm của trường **[H6.06.07.03]**. Các seminar khoa học được thông báo qua website của trường và có biên bản ở BM **[H6.06.04.06]**. Đối với các đề tài NCKH, việc đăng ký, xét duyệt và nghiệm thu đề tài phải dựa theo

thuyết minh đã được phê duyệt. Căn cứ vào thời gian, tiến độ hoàn thành đề tài, sản phẩm đạt được (bao gồm sản phẩm khoa học, sản phẩm đào tạo, sản phẩm ứng dụng và các sản phẩm cụ thể khác) sẽ là căn cứ cho công tác ĐG nghiệm thu **[H6.06.07.01]**.

Đầu năm học, Nhà trường gửi thông báo kế hoạch triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của công tác khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến của năm học tới đến các đơn vị trong toàn Trường. Khoa sẽ thông báo đến toàn thể GV để đăng kí đề tài, bài báo chuyên ngành, bài báo cáo cho hội thảo/hội nghị khoa học.... để đảm bảo GV thực hiện đủ khối lượng NCKH theo đúng quy trình, quy định của Nhà Trường. Nhà Trường đã ban hành văn bản quy định về tổ chức và hoạt động của các nhóm nghiên cứu nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH và CN **[H6.06.07.04]**. Hàng năm, Khoa tiến hành tổng kết hoạt động NCKH của GV và toàn Khoa để đối sánh giờ NCKH của từng GV và tổng số giờ NCKH của từng BM phải thực hiện so sánh với tổng số giờ thực tế đã thực hiện nhằm cải tiến chất lượng **[H6.06.07.05]**. Kết quả các công trình và đề tài NCKH cũng được tổng hợp và cập nhật hàng năm cho từng GV và được công khai trên hệ thống quản lý của của phòng Quản lý khoa học và website của BM **[H6.06.07.06]**. Kết quả cho thấy hoạt động NCKH với hiệu quả cao quay trở lại có tác động mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển của hoạt động đào tạo. Gần đây Trường đã có chính sách tăng mức thưởng cho các bài báo được đăng trên các tạp chí có uy tín và GV ngành Tin học đã có nhiều công trình được nhận thưởng.

Trong giai đoạn 2015 đến 2020, các GV ngành Tin học đã thực hiện 05 đề tài NCKH cấp cơ sở, công bố 28 bài báo trong nước, 16 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI và Scopus, xuất bản 04 giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác giảng dạy và đào tạo (Bảng 6.10 – 6.14 – Phụ lục 4) **[H6.06.01.13]**. Năng lực công bố khoa học của GV ngành SPTH được khẳng định qua chất lượng các công trình công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hàng đầu thế giới như Journal of The American Chemical Society (IF = 14,612; Q1 = 6,976) và Angewandte Chemie – International Edition (IF = 12,959; Q1 = 5,438) (Bảng 6.13 – Phụ lục 4). Số lượng đề tài NCKH của GV ngành SPTH còn thấp do hạn chế trong việc sử dụng thiết bị phân tích hiện đại để xin các đề tài cấp bộ và cấp quốc tế. Tuy nhiên, GV ngành SPTH luôn chú trọng hướng dẫn SV thực hiện các đề tài NCKH cấp trường. **Kết quả là số lượng đề tài NCKH cấp trường của SV ngành SPTH đứng thứ hai (sau ngành SPTH) trong KSP trong giai đoạn 2016 - 2020 [H6.06.07.07].** Chất lượng nghiên cứu của các đề tài NCKH của SV cũng được

khẳng định qua nhiều giải thưởng cao trong các cuộc thi NCKH của cấp trường và cấp Bộ [H3.03.01.02]. Các đề tài NCKH của GV đều thu hút nhiều SV tham gia, góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng CDR. Để nâng cao năng lực NCKH ở các đề tài cấp bộ và nâng cao số lượng công trình công bố quốc tế, GV trong ngành đã tham gia vào các nhóm nghiên cứu khác trong ngành cùng cộng tác, giúp đỡ lẫn nhau [H6.06.07.08].

2. Điểm mạnh

Hoạt động NCKH của GV ngành SPTH phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế. Chất lượng hoạt động NCKH của GV ngành Hóa được cải thiện theo từng năm.

3. Điểm tồn tại

Số lượng các loại hình NCKH của GV ngành SPTH còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Khuyến khích cán bộ tham gia NCKH qua nhiều hình thức như: cộng tác với các nhóm nghiên cứu cùng chuyên môn ở các Khoa khác như KHTN để học tập kinh nghiệm xin đề tài, cũng như có cơ là hội đồng tác giả trong các công bố khoa học; xin đề tài cấp trường; hướng dẫn đề tài NCKH của SV; báo cáo seminar.

Khắc phục tồn tại: Năm 2021, Trường ĐHCT sẽ điều chỉnh, bổ sung quyết định chi tiêu nội bộ trong đó khuyến khích được GV tích cực tham gia các loại hình NCKH.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Ngành SPTH có đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, hoạt động NCKH với chất lượng tốt đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong công tác đào tạo SV SPTH. Hoạt động bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ luôn được mỗi GV xem là nhiệm vụ then chốt, được sự quan tâm và tạo điều kiện của Trường. Việc đánh giá GV được Trường và ngành thực hiện qua nhiều hình thức, Hàng năm để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

○ Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHCT đảm bảo về số lượng, có trình độ chuyên

môn, nghiệp vụ vững vàng, có khả năng hỗ trợ, đồng thời tư vấn tốt cho GV và SV cho tất cả các ngành trong trường nói chung và cho ngành SPTH nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Trong quá trình công tác, đội ngũ nhân viên được tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời, hàng năm Trường đều có kế hoạch đánh giá năng lực và xếp loại mức độ hoàn thành công việc đối với đội ngũ nhân viên, kèm theo đó là những hình thức khen thưởng hợp lý.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Công tác phân tích, dự báo và quy hoạch nguồn nhân lực được Trường ĐHCT rất xem trọng, Nhà trường có Đề án quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT trọng điểm đến năm 2022 (ban hành tháng 03/2014) và Đề án Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT đến 2022 (ban hành tháng 11/2014), sau đó đã rà soát thực trạng và có Đề án điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT đến 2022, tầm nhìn 2030 (ban hành tháng 8/2019). Trong đề án này Trường ĐHCT có nội dung quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, có dự báo nhu cầu về số lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các phòng ban chức năng trực thuộc trường, dự kiến chỉ tiêu về kế hoạch phát triển đội ngũ NV đến năm 2022 là 399 người (trong đó 119 NV hỗ trợ giảng dạy, 280 NV hành chính), và đến năm 2030 là 420 người (trong đó 140 NV hỗ trợ giảng dạy, 280 NV hành chính) **[H4.04.01.01]**.

Trường có chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ NV thể hiện thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ Trường. Theo đó, hàng tháng, ngoài thu nhập từ tiền lương theo ngạch bậc, mỗi NV còn được hưởng thêm một khoản thu nhập tăng thêm theo từng vị trí công tác; những NV làm việc trong môi trường độc hại như PTN, thư viện, ... còn được hưởng phụ cấp độc hại; và được nhận thêm khoản tiền hỗ trợ vào các dịp lễ, Tết. Hàng năm, Trường duy trì một khoản kinh phí nhằm thực hiện việc khám sức khỏe thường xuyên cho viên chức toàn trường. Sau khi được tuyển dụng, NV được xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ phù hợp vị trí công việc **[H6.06.01.10]**.

Hàng năm, Phòng Tổ chức cán bộ gửi văn bản đến các đơn vị trong Trường hướng

dẫn việc xác định nhu cầu về đội ngũ nhân viên, chuyên viên, kỹ thuật viên làm việc tại các phòng, thư viện, phòng thực hành. Các đơn vị họp để xác định nhu cầu tuyển dụng về số lượng nhân viên, chuyên viên của đơn vị và gửi về Phòng Tổ chức cán bộ. Trên cơ sở đề nghị của các đơn vị, Hội đồng tuyển dụng viên chức trường phân tích và đánh giá nhu cầu phát triển ngành nghề, quy mô đào tạo đồng thời đối chiếu tổng số viên chức hiện có với khối lượng công việc chung của Trường từ đó xem xét và thống nhất số lượng viên chức cần tuyển trong năm **[H6.06.01.04]**. Quyết định số 2346/QĐ-ĐHCT ngày 21/7/2014 quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của đội ngũ NV làm việc tại Trường ĐHCT, năm 2016 Nhà trường ban hành Quyết định về việc công bố quy trình công tác tại Trường ĐHCT, đến năm 2020 Nhà Trường ban hành tờ trình về việc phê duyệt đề án vị trí việc làm tại Trường ĐHCT kèm theo đường link trang website thể hiện các chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban chức năng nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH **[H7.07.01.01], [H6.06.03.02], [H6.06.01.05]**.

CTĐT ngành SPTH được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên đông đảo làm việc tại phòng ban, trung tâm như: Phòng Đào tạo, Phòng Công tác SV, Phòng CTCT, Phòng Quản lý khoa học, Phòng Tài chính, TTHL, Trung tâm Thông tin và Quản trị mạng, Trung tâm Tư vấn, hỗ trợ và Khởi nghiệp SV, Trung tâm QLCL, văn phòng KSP, thư viện KSP, phòng máy tính của KSP (Bảng 7.1, 7.2, 7.3 - Phụ lục 4), ... Đội ngũ nhân viên được tuyển chọn theo các tiêu chí của trường, đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng **[H7.07.01.02]**.

Theo báo cáo của Nhà trường, tính đến tháng 03/2020, đội ngũ nhân viên của Trường là 423, trong đó nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác là 244 nhân viên (trong đó có 20 TS, 56 ThS, 109 ĐH và 72 trình độ khác); mỗi Khoa có đội ngũ nhân viên hỗ trợ các hoạt động đào tạo của Khoa. Đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và dịch vụ khác của Trường đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. **Tính đến tháng 11 /2020, Khoa Sư phạm hiện có 117 viên chức gồm 102 GV và 15 nhân viên. Tổ Văn phòng Khoa Sư phạm gồm có 07 nhân viên có trình độ cử nhân và 03 nhân viên có trình độ khác, trong đó có 05 nhân viên hành chính, 01 nhân viên thư viện, 01 nhân phòng máy tính, 01 nhân viên phòng học, 01 bảo vệ, 01 nhân viên vệ sinh.** Văn phòng Khoa Sư phạm phụ trách công tác văn phòng, tham mưu và trợ lý BCN Khoa xử lý các công tác của Khoa về đào

tạo, hợp tác quốc tế, NCKH, công tác sinh viên, tài chính, CSVC **[H7.07.01.02]**.

Riêng tại BM SPTH, bên cạnh một GV kiêm nhiệm thư ký của BM, quản lý công việc văn thư và SV **[H7.07.01.03]**, có 5 GV kiêm nhiệm CVHT để hỗ trợ cho việc học tập của SV **[H5.05.04.02]**. Tại các PTN của BM, có 4 GV kiêm nhiệm trưởng PTN, phòng thực hành hỗ trợ quản lý các PTN và bố trí giảng dạy thực hành **[H7.07.01.04]**. BM hiện không có nhân viên phòng thực hành phục vụ giảng dạy, tuy nhiên BM có hợp đồng giao khoán công việc với 2 HV cao học để làm nhiệm vụ quản lý PTN, chuẩn bị hóa chất, dụng cụ, dọn vệ sinh cũng như bảo dưỡng tài sản thiết bị tại các PTN **[H7.07.01.05]**.

Các nhân viên luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, thái độ phục vụ tốt, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH của SV và GV qua kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động của Trường, theo đó SV có đóng góp ý kiến về thái độ phục vụ của NV trong toàn trường. Đây là kênh thông tin giúp cho các buổi tiếp xúc giữa BGH, BCN Khoa, BM với SV nhằm giải đáp ý kiến và nguyện vọng của SV, nâng cao hiệu quả công tác đào tạo trong đó có hoạt động hỗ trợ của đội ngũ NV trong trường **[H7.07.01.06]**. Kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên SPTH cho thấy trên 85% sinh viên hài lòng với công tác tư vấn và trợ giúp của Nhà trường trong suốt quá trình học tập và sinh hoạt tại trường **[H7.07.01.07]**, trên 80% sinh viên hài lòng về thái độ phục vụ sinh viên của đội ngũ NV trong toàn trường **[H1.01.01.06]**. Kết quả khảo sát ý kiến giảng viên cho thấy trên 90% giảng viên hài lòng về các hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo tại Nhà trường **[H7.07.01.08]**.

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện thường xuyên và đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Quy hoạch về số lượng NV còn mang tính tương đối, dựa theo số lượng SV, GV và giờ giảng, chưa chú ý đến tính đặc thù của từng chuyên ngành.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục quy hoạch đội ngũ nhân viên hợp lý, vai trò nhiệm vụ được xác định rõ ràng để hỗ trợ thật tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động cộng đồng.

Khắc phục tồn tại: Trường đã lên kế hoạch tinh gọn bộ máy hành chính, theo hướng viên chức phục vụ giảng dạy – hỗ trợ và viên chức hành chính – quản lý được xác định theo tỷ lệ giảm dần từ 40% tính theo tổng số GV hiện nay (trong đó viên chức phục vụ giảng dạy – hỗ trợ chiếm 23% và viên chức hành chính – quản lý chiếm 17%) để đến năm 2022, số lượng viên chức phục vụ giảng dạy – hỗ trợ và viên chức hành chính – quản lý chiếm tối đa 30% , trong đó viên chức phục vụ giảng dạy – hỗ trợ chiếm 17,5% và viên chức hành chính – quản lý chiếm 12,5% (theo Đề án phát triển Trường ĐHCT đến 2022), bên cạnh đó cần chú ý đến mức độ phức tạp về vị trí việc làm đặc thù khác nhau của từng ngành.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả

Trường đã ban hành QĐ 4673/QĐ-ĐHCT ngày 27/12/2012 quy định về tuyển dụng đội ngũ nhân viên rõ ràng, cụ thể với các tiêu chí quan trọng về phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ và tin học của ứng viên **[H6.06.03.01]**. Trường cũng đã ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường ĐHCT theo quyết định 598/QĐ-ĐHCT **[H6.06.03.03]**.

Các tiêu chí tuyển chọn, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên được xác định rõ ràng dựa theo Quyết định số 1052/QĐ-ĐHCT ngày 25/03/2013 của Trường ĐHCT về việc ban hành chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của Văn phòng Khoa, Viện, Trung tâm, BM trực thuộc Trường ĐHCT **[H7.07.02.01]**; Quyết định số 598/QĐ-ĐHCT và Quyết định số 773/QĐ-ĐHCT về ban hành quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc thẩm quyền của Trường ĐHCT **[H6.06.03.04]**. Hàng năm, Nhà trường đều làm việc với các đơn vị để khảo sát nhu cầu nhân sự và thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ về mức độ đáp ứng của NV **[H7.07.02.02]**, **[H7.07.02.03]**. Trên cơ sở đó, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên trong toàn Trường và ra Thông báo về việc lập kế hoạch tuyển dụng viên chức; các đơn vị căn cứ vào nhu cầu công việc tiến hành đăng ký nhu cầu tuyển dụng viên chức, kèm theo thuyết minh yêu cầu tiêu chí tuyển dụng như vị trí việc làm, trình độ, ngành

được đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học, tóm tắt công việc được phân công, lý do yêu cầu tuyển dụng, và những ghi chú đặc biệt cho yêu cầu tuyển dụng như có thâm niên công tác, đào tạo ở nước ngoài...[H7.07.02.04]. Nhà trường tham khảo ý kiến đóng góp của đơn vị tuyển dụng và căn cứ vào tình hình thực tế của Nhà trường để phê duyệt các chỉ tiêu tuyển dụng cho các đơn vị trực thuộc Trường với các tiêu chí được xác định rõ ràng thể hiện cụ thể trong kế hoạch tuyển dụng viên chức và trong thông báo tuyển dụng viên chức [H7.07.02.05].

Kế hoạch tuyển dụng, các tiêu chí tuyển dụng, chỉ tiêu tuyển dụng được phổ biến công khai, rộng rãi đến với toàn thể cán bộ nhân viên trong trường bằng văn bản và cả trên trang web của Trường cùng các phương tiện truyền thông đại chúng [H6.06.01.06]. Kết quả tuyển dụng cũng được công bố công khai cho toàn thể nhân viên Trường [H6.06.01.08].

Từ năm 2015 đến tháng 11/2020, Nhà trường đã tuyển dụng tổng cộng 61 NV, trong đó KSP tuyển dụng 02 NV [H7.07.02.06] và tiếp nhận 01 NV điều chuyển từ bộ phận khác trong Trường [H7.07.02.07]. Tính đến nay, Nhà trường và các đơn vị chưa ghi nhận trường hợp khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển NV.

2. Điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên được xác định rõ ràng và được phổ biến công khai minh bạch nên đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT ngành SPTH đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Chưa phát hiện.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Năm 2021, Trường tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên đúng quy trình dựa trên các tiêu chí rõ ràng và công khai minh bạch căn cứ theo Chính phủ đã ban hành Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý VC thay thế cho Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ban hành ngày 12/4/2012.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả

Bên cạnh đội ngũ GV, đội ngũ NV hỗ trợ đóng vai trò quan trọng trong công tác đào tạo, đội ngũ NV có phẩm chất và năng lực tốt sẽ là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng đào tạo của Trường ĐHCT. Để đánh giá năng lực của đội ngũ NV, Nhà trường có thông báo Kế hoạch thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua khen thưởng hàng năm **[H6.06.04.03]**. Kế hoạch này nêu rõ quy trình, phương pháp, công cụ và tiêu chí đánh giá VC của trường trong đó bao gồm cả đội ngũ chuyên viên, nhân viên không trực tiếp giảng dạy, thông qua các quy định rõ ràng về đánh giá xếp loại cho đội ngũ cán bộ không trực tiếp giảng dạy này. Kế hoạch này được phổ biến công khai đến các đơn vị bằng văn bản và trên website của Trường ĐHCT.

Các tiêu chí đánh giá NV bao gồm các nội dung như sau: Kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết; Việc thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp; Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và thực hiện quy tắc ứng xử của VC; Việc thực hiện nghĩa vụ khác của VC **[H6.06.04.03]**.

Quy trình đánh giá NV **[H6.06.04.03]** bao gồm việc NV TĐG, đánh giá đồng cấp của đồng nghiệp và đánh giá của cấp trên được thực hiện thông qua 7 bước như sau: NV tự đánh giá theo mẫu Phiếu đánh giá VC; Tổ chức họp đơn vị để mỗi NV trình bày báo cáo tự đánh giá và các thành viên tham dự đóng góp ý kiến; Trưởng BM (hoặc tổ trưởng tổ chuyên môn) tham khảo các ý kiến đóng góp ở bước 2 để đề xuất ý kiến đánh giá, phân loại viên chức do mình quản lý; Thủ trưởng đơn vị tham khảo các ý kiến đóng góp và đề xuất để thực hiện đánh giá và phân loại VC theo thẩm quyền; Thủ trưởng đơn vị thông báo kết quả đánh giá, phân loại VC đến toàn thể VC thuộc đơn vị, đồng thời hoàn chỉnh hồ sơ gửi về Phòng Tổ chức - Cán bộ; Hiệu trưởng tham khảo các ý kiến đóng góp của các bên liên quan để quyết định đánh giá và phân loại VC giữ chức vụ quản lý (trưởng, phó đơn vị thuộc Trường); Hiệu trưởng thông báo quyết định đánh giá và phân loại VC giữ chức vụ quản lý (trưởng, phó đơn vị thuộc Trường).

Dựa trên thông báo của Nhà trường về kế hoạch thực hiện đánh giá, KSP lên kế hoạch đánh giá ở đơn vị. Quá trình đánh giá được thực hiện công khai, minh bạch để đảm bảo tính công bằng dân chủ tại đơn vị và theo đúng các bước như kế hoạch đánh giá viên chức. Theo đó NV của KSP tiến hành TĐG, sau đó VP KSP tổ chức họp đánh

giá NV trong tổ VP KSP và được ghi thành biên bản [H7.07.03.01], tiếp theo lãnh đạo KSP sẽ đánh giá phân loại NV tại cuộc họp đánh giá viên chức, người lao động để đưa ra kết luận đánh giá từng viên chức và gửi kết quả về Trường [H6.06.04.04], [H6.06.06.04].

Kết quả đánh giá NV hàng năm từ năm 2016 đến 2020, tất cả 100% NV của KSP được đánh giá đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ, trên 73% NV được đánh giá hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thể hiện chi tiết trong Bảng 7.4 Tổng hợp kết quả đánh giá của NV hỗ trợ tại KSP – Phụ lục 4 [H6.06.04.04].

Kết quả khảo sát ý kiến giảng viên cho thấy 78% giảng viên đánh giá tốt về đội ngũ NV của Trường có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu về đào tạo và NCKH. Ngoài ra kết quả khảo sát ý kiến sinh viên cho thấy trên 80% sinh viên hài lòng về đội ngũ NV có chuyên môn nghiệp vụ và hỗ trợ cho sinh viên một cách hiệu quả về học tập, NCKH và phục vụ cộng đồng [H1.01.01.06], kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên tốt nghiệp ngành SPTH cho thấy trên 85% sinh viên hài lòng với công tác tư vấn và trợ giúp của Nhà trường trong suốt quá trình học tập và sinh hoạt tại trường [H7.07.01.07].

2. Điểm mạnh

Quy trình đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên được công khai minh bạch và đảm bảo được tính công bằng khách quan trong việc đánh giá viên chức.

Hàng năm, 100% nhân viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên tạo động lực cho đội ngũ nhân viên phấn đấu để đáp ứng yêu cầu công việc.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù có các phương pháp đánh giá công khai theo nhiều kênh khác nhau về ý kiến của SV và GV liên quan đến các hoạt động hỗ trợ của nhân viên nhưng ý kiến phản hồi nhận được còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của NV theo năng lực, và công khai minh bạch các tiêu chí đánh giá cũng như kết quả đánh giá.

Khắc phục tồn tại: Trường tiếp tục thu thập ý kiến phản hồi của SV, GV đối với đội ngũ nhân viên ít nhất mỗi năm một lần vào cuối năm học. Triển khai tăng cường giám sát đội ngũ nhân viên bằng nhiều hình thức phản hồi khác nhau (khảo sát trực tuyến, lắp đặt thêm hệ thống camera...).

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả

Dựa trên kế hoạch phát triển tổng thể Trường ĐHCT đến năm 2022, định hướng đến năm 2030 [H4.04.01.01], cũng như Kế hoạch phát triển đơn vị giai đoạn 2018-2022, định hướng đến năm 2030 của KSP [H6.06.01.02], các đơn vị trực thuộc trường bao gồm KSP đã khảo sát, phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên để đáp ứng nhu cầu phục vụ CTĐT toàn trường nói chung, của KSP nói riêng. Hàng năm vào khoảng tháng 11-12, Nhà trường có văn bản thông báo về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động gửi đến các đơn vị. Dựa theo tình hình thực tế và nhu cầu của NV, đơn vị chủ động lập danh sách tổng hợp nhu cầu bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho NV và gửi về Phòng Tổ chức-Cán bộ [H7.07.04.01].

Qua việc khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho NV, Trường lập Dự toán kinh phí hàng năm với bảng thuyết minh chi tiết chi phí tổ chức các lớp bồi dưỡng, hỗ trợ chi phí ôn thi dự tuyển, và chi phí học tập nâng cao trình độ cho NV [H7.07.04.02]. Nhà trường tạo điều kiện để các cán bộ nhân viên của Khoa, BM, Phòng ban và các Trung tâm được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, học lên bậc thạc sĩ hay TS, tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn, các hội thảo do các cơ sở ở ngoài trường tổ chức cũng như tạo điều kiện cho nhân viên học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, tổ chức các khóa bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước, lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh ... để đáp ứng đủ các yêu cầu về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí công tác qua đó nâng cao chất lượng hoạt động của các đơn vị trong trường [H7.07.04.03], [H7.07.04.04].

Dựa trên nhu cầu và nguyện vọng đăng ký học tập nâng cao trình độ của nhân viên, Trường sẽ phê duyệt và tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên học tập, đồng thời có dự trù hỗ trợ kinh phí cho các khoa học này [H7.07.04.05], [H7.07.04.06], [H7.07.04.02].

Từ năm 2015 đến năm 2020, Trường ĐHCT đã cử 701 lượt NV tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng, tập huấn trong nước và nước ngoài, riêng KSP đã cử đi 14 lượt NV [H7.07.04.07], ngoài ra Nhà trường cũng đã cử 105 lượt NV đi đào tạo chuyên môn

(gồm 73 ThS và 33 TS) trong đó KSP cử 1 NV học ThS **[H7.07.04.08]**. Trong giai đoạn này, Trường ĐHCT đã thu nhận lại làm việc đối với 07 NV đã hoàn thành CTĐT TS và 48 NV đã hoàn thành CTĐT ThS (Bảng 7.5 – Phụ lục 4) **[H7.07.04.09]**.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT quy định rõ ràng việc xác định, đánh giá nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; có kế hoạch triển khai thực hiện trên cơ sở tổng hợp nhu cầu từ các Khoa, BM cũng như có cơ chế kiểm tra giám sát.

3. Điểm tồn tại

Số lượt NV KSP được cử đi bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ còn hạn chế do khó khăn về việc thu xếp thời gian, công việc.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Trường ĐHCT, KSP tiếp tục khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của NV, và tạo điều kiện cho NV tham gia học tập theo nguyện vọng.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2021, KSP phối hợp với Phòng Tổ chức – Cán bộ có kế hoạch hỗ trợ, sắp xếp thời gian hợp lý tạo điều kiện cho NV KSP có thể tham dự đầy đủ các khóa bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả

Trường ĐHCT luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ, rõ ràng kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho cán bộ trong quá trình làm việc và hỗ trợ đắc lực cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Để việc quản trị tốt kết quả công việc của nhân viên, Trường đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm, đồng thời công bố rõ ràng quy trình công tác tại Trường ĐHCT của từ phòng ban, trung tâm **[H7.07.01.01]**, **[H6.06.03.02]**. KSP cũng có công văn về phân công nhiệm vụ rõ ràng đối với từng cá nhân tổ văn phòng khoa và NV KSP, có sự điều chỉnh hợp lý khi có sự thay đổi về số lượng NV trong KSP

[H7.07.01.02], đồng thời phổ biến công khai chức năng, nhiệm vụ của các chuyên viên, nhân viên trên trang web của các đơn vị **[H7.07.05.01]**. Bên cạnh đó, Nhà trường có quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV kể cả quy định thi đua khen thưởng thông qua kế hoạch thực hiện công tác đánh giá, phân loại viên chức và xét thi đua khen thưởng hàng năm **[H6.06.04.03]**.

Hàng năm, Nhà trường có thông báo về việc đăng ký khối lượng công tác chuyên môn và đăng ký thi đua đến từng NV, NV tự đăng ký theo mẫu **[H7.07.05.02]**, **[H7.07.05.03]** gửi về đơn vị, đơn vị sẽ tổng hợp và gửi về trường. Cuối năm học, Nhà trường thực hiện công tác đánh giá, phân loại VC và xét thi đua khen thưởng đối với toàn bộ cán bộ viên chức trong trường bao gồm nhân viên hỗ trợ. Hội đồng thi đua khen thưởng của Khoa làm việc định kỳ hàng năm theo quy chế thi đua khen thưởng và kỷ luật của Trường **[H6.06.04.03]**, **[H7.07.03.01]**, **[H6.06.04.04]**. Bên cạnh đó, việc theo dõi, giám sát và đánh giá việc hoàn thành khối lượng công việc của đội ngũ NV được thực hiện thường xuyên thông qua điểm danh mỗi ngày bảng chấm công hàng tháng, qua các cuộc họp giao ban của đơn vị ... **[H7.07.05.04]**, **[H7.07.05.05]**.

Mỗi năm học, tất cả các nhân viên có kế hoạch cụ thể thể hiện rõ khối lượng, tiến độ công tác, và đăng ký danh hiệu thi đua hàng năm tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi và đánh giá thi đua cho nhân viên **[H7.07.05.02]**, **[H7.07.05.03]**.

Tất cả các nhân viên được tham gia xây dựng đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng đánh giá hiệu quả công việc, thể hiện rõ qua các biên bản họp đánh giá công chức hàng năm **[H7.07.03.01]**.

Những chuyên viên, nhân viên, Cán bộ phục vụ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao được Trường công nhận và xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Các danh hiệu và khen thưởng theo Quy định về thi đua khen thưởng bao gồm: Lao động tiên, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Bộ, Ngành, Trung ương, ...**[H6.06.06.04]**, **[H6.06.02.04]**, **[H7.07.05.06]**, từ đó có cơ sở xét nâng bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung **[H6.06.06.05]** đây chính là động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác. **Kết quả bình bầu thi đua đối với NV KSP năm 2014-2015 có 02 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 15 LĐTT; năm 2015-2016 có 02 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 14 LĐTT; năm 2016-2017 có 02 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 14 LĐTT; năm 2017-2018 có 01 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 12 LĐTT; năm 2018-2019 không có chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 08 LĐTT; năm 2019-2020 có 01 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 13 LĐTT (Bảng 7.6 – Phụ lục**

4) [H6.06.02.04], [H7.07.05.06].

Đội ngũ nhân viên đa số đều hài lòng với kết quả đánh giá hiệu quả công việc của Nhà trường, chưa có bất kỳ trường hợp nào khiếu nại về kết quả đánh giá, bình xét thi đua khen thưởng của Nhà trường. **Kết quả khảo sát ý kiến cán bộ hỗ trợ về điều kiện việc làm tại Trường ĐHCT năm 2020 cho thấy 57,8% NV được khảo sát hài lòng và rất hài lòng về việc tổ chức đánh giá, khen thưởng đối với cán bộ phục vụ, 30% NV được khảo sát không có ý kiến gì về vấn đề này [H7.07.05.07].**

2. Điểm mạnh

Trường, Khoa, BM luôn có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ. Các hình thức khen thưởng, kỷ luật hợp lý và kịp thời tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa cụ thể hóa các tiêu chí theo dõi, đánh giá chất lượng công việc đối với nhân viên hỗ trợ theo từng vị trí công việc, chưa xây dựng hệ thống KPIs để quản trị hoạt động của các phòng ban chức năng.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Hàng năm, Trường, Khoa và BM tiếp tục có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ.

Khắc phục tồn tại: Từ 07/2021, Trường cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, nên xây dựng hệ thống KPIs để quản trị hoạt động của các phòng ban chức năng.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ NV hỗ trợ cho CTĐT ngành SPTH có chuyên môn cao, nhiệt tình trong công việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu công tác, được tuyển dụng theo các tiêu chí và kế hoạch rõ ràng. Trường, khoa, BM luôn được quan tâm, tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc đánh giá kết quả công việc của NV được thực hiện Hàng năm, công khai, minh bạch để tạo động lực cho NV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

○ Tiêu chuẩn 8. Sinh viên và hoạt động hỗ trợ sinh viên

Mở đầu

Với truyền thống 54 năm hình thành và phát triển, Trường ĐHCT là một trường ĐH đa ngành đa lĩnh vực; đồng thời là trung tâm đào tạo và NCKH trọng điểm ở ĐBSCL. Với sự nỗ lực không ngừng cải tiến năng lực nghiên cứu, giảng dạy, hoạt động chuyển giao công nghệ phấn đấu trở thành một trường ĐH đạt tiêu chuẩn quốc tế. Trường ĐHCT luôn là sự lựa chọn hàng đầu cho của các học sinh THPT ở vùng ĐBSCL nhờ vào chất lượng tuyển sinh đầu vào; hệ thống hỗ trợ học tập; sự hỗ trợ của GV, CVHT, BM, Khoa và Nhà trường. Ngoài ra, Trường ĐHCT có môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan xanh sạch và CSVC luôn được đầu tư cũng đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐHCT đối với ngành SPTH được xây dựng, xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Trường ĐHCT bám sát quy chế tuyển sinh của BGDĐT. Tuân thủ sự hướng dẫn của BGDĐT, Trường ĐHCT lập kế hoạch tuyển sinh các ngành, ban hành thông tin tuyển sinh và đề án tuyển sinh của Nhà trường **[H8.08.01.01], [H8.08.01.02]**. Trong thông tin tuyển sinh và đề án tuyển sinh của trường, cung cấp các thông tin về đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, mã tổ hợp xét tuyển, điểm trúng tuyển của các năm trước, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển, các thông tin cần biết để thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên theo khu vực và đối tượng (tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển), lệ phí xét tuyển và học phí. SV khi trúng tuyển ngành SPTH được miễn học phí đối với những HP trong CTĐT. Đối với các HP không thuộc CTĐT và SV tham gia học cải thiện điểm phải đóng học phí theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Kế hoạch tuyển sinh được công bố trên website thông tin tuyển sinh của Nhà trường sau khi được BGDĐT xét duyệt **[H8.08.01.03]**. Các thí sinh theo học ngành SPTH đều phải trải qua kỳ thi tuyển do BGDĐT tổ chức. Các chỉ tiêu tuyển sinh cũng như mã tổ hợp môn xét tuyển ngành SPTH được xác định rõ ràng theo chỉ tiêu và quy định của

BGDĐT gồm các môn thi như Toán, Vật lý, Tin học, Tin học, Tiếng Anh và Tiếng Pháp tùy thuộc vào tổ hợp xét tuyển. Việc xét tuyển được xây dựng một cách đầy đủ và chi tiết từ quy định, nguyên tắc xét tuyển đến hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển.

Trường ĐHCT sử dụng website để thông báo công khai kế hoạch tuyển sinh đến các thí sinh bao gồm mốc thời gian bắt đầu nhận hồ sơ xét tuyển các nguyện vọng; cập nhật thông tin xét tuyển; đối tượng ưu tiên; công bố và gửi kết quả trúng tuyển; thời hạn kết thúc việc xét tuyển và thời gian bắt đầu nhập học chính thức **[H8.08.01.04]**. Ngoài ra, Trường ĐHCT công khai các chính sách tuyển sinh trên các phương tiện truyền thông, kết hợp tổ chức Ngày hội Tư vấn Tuyển sinh–Hướng nghiệp để thí sinh có thể tiếp cận các thông tin về ngành học của Nhà trường như điểm trúng tuyển, các tổ hợp xét tuyển và điểm ưu tiên xét tuyển **[H8.08.01.05], [H8.08.01.06]**. Các thông tin về Nhà trường, Khoa, BM, CTĐT và cơ hội việc của ngành SPTH làm được giới thiệu ở website của BM, giúp cho các em học sinh THPT định hướng cho việc chọn ngành cũng như cơ hội việc làm **[H8.08.01.07]**.

Chính sách tuyển sinh ngành SPTH được cập nhật dựa trên cơ sở hướng dẫn tuyển sinh của BGDĐT. Ngoài ra, BM đã tiến hành gửi phiếu khảo sát nhu cầu tuyển dụng của bên liên quan thông qua phiếu khảo sát ý kiến từ lãnh đạo, tổ trưởng/tổ phó chuyên môn các Trường THPT thuộc các tỉnh trong khu vực ĐBSCL về nhu cầu tuyển dụng giáo viên SPTH trong 5 năm từ 2018-2023 **[H1.01.01.06(3)]**. Theo kết quả khảo sát, có 63,6% có nhu cầu tuyển dụng từ 1 đến 2 nhân viên/giáo viên chuyên ngành SPTH ở các tỉnh ĐBSCL và con số không có nhu cầu tuyển dụng chiếm 27,4%. Riêng đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên chính quy, BGDĐT có sự hướng dẫn cụ thể về chỉ tiêu tuyển sinh. Trên cơ sở đó, Nhà trường tiến hành điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh ngành SPTH **[H8.08.01.08], [H8.08.01.09]**. Tuy nhiên, đối tượng được khảo sát ý kiến về chính sách tuyển sinh ngành SPTH chỉ tập trung khảo sát về nhu cầu tuyển dụng giáo viên từ các Trường THPT. Nhà trường chưa thực hiện khảo sát thêm ý kiến từ các công ty tuyển dụng ngoài lĩnh vực giáo dục. SV ngành SPTH khi tốt nghiệp ngoài việc giảng dạy và công tác tại các cơ sở giáo dục còn có thể làm việc tại các công ty, trung tâm nghiên cứu có liên quan đến chuyên ngành đào tạo. Vì thế, trong thời gian tới việc mở rộng đối tượng lấy ý kiến khảo sát cần được tiến hành thực hiện.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển sinh ngành SPTH được xác định rõ ràng và công bố công khai, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học.

3. Điểm tồn tại

Chưa nhận thấy.

4. Kế hoạch hành động

KSP sẽ phối hợp chặt chẽ với Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường, Đoàn thanh niên và Chi hội SV để tăng cường quảng bá công tác tuyển sinh ở các Trường THPT nhằm đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV ngành SPTH được KSP và Trường ĐHCT xây dựng từ quy chế tuyển sinh của BGDĐT, thông tin tuyển sinh và đề án tuyển sinh của Trường ĐHCT [H8.08.01.01], [H8.08.01.02]. Trường ĐHCT thực hiện tuyển sinh dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia, lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của ngành và điểm chuẩn không thấp hơn ngưỡng ĐBCL đầu vào của ngành SP do BGDĐT quy định. Trường ĐHCT thông báo đến các SV đủ điều kiện trúng tuyển các thông tin cần thiết như mốc thời gian bắt đầu nhận hồ sơ xét tuyển; cập nhật thông tin xét tuyển; công bố và gửi kết quả trúng tuyển; thời hạn kết thúc việc xét tuyển; thời gian bắt đầu nhập học chính thức để các tân SV thuận lợi cho việc hoàn thành thủ tục nhập học tại Nhà trường.

Công tác thu nhận SV hệ chính quy được tổng kết qua từng năm tuyển sinh thông qua các báo cáo tổng kết về công tác tuyển sinh của Trường ĐHCT [H8.08.02.01], [H8.08.02.02]. Từ năm 2015–2017, không có sự thay đổi trong tổ hợp xét tuyển cho ngành SPTH với khối A00 (Toán–Lý–Hóa) và B00 (Toán–Hóa–Sinh). Từ năm 2018, Trường ĐHCT đã bổ sung 2 tổ hợp xét tuyển D07 (Toán–Hóa–Tiếng Anh) và D24 (Toán–Hóa–Tiếng Pháp) cho ngành SPTH. Việc bổ sung tổ hợp xét tuyển giúp cho các thí sinh có nhiều sự lựa chọn các tổ hợp thi tuyển vào ngành SPTH.

Điểm trúng tuyển của ngành SPTH được duy trì ở mức khá cao dao động từ khoảng 20-23 điểm (Bảng 8.1 – Phụ lục 4). Điểm trúng tuyển trung bình của SV ngành SPTH theo phương thức xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT từ năm 2015-2020 là 21,92 trên thang điểm 30. Cụ thể, điểm trúng tuyển đợt 1 ngành SPTH qua các năm 2015 (22,75/30), 2016 (21,25/30), 2017 (23,25/30), 2018 (19,75/30), 2019 (22,25/30) và 2020 (22,75/30 theo phương thức xét tuyển bằng điểm học bạ THPT và 22,25/30 theo phương thức xét tuyển bằng điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT) [H8.08.02.03]. Ngoài ra, số lượng và cơ cấu chỉ tiêu tuyển sinh ngành SPTH được BGDDĐT quy định. Chỉ tiêu tuyển sinh ngành SPTH do BGDDĐT cho phép đào tạo giảm trong năm 2018 với 20 chỉ tiêu và năm 2019 với 10 chỉ tiêu, dẫn đến số lượng SV ngành SPTH giảm (Bảng 8.2 – Phụ lục 4). Đây cũng là tình hình khó khăn chung của KSP trong việc tuyển và đào tạo giáo viên. Tuy nhiên, trong năm 2020 chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đã được BGDDĐT cho phép là 90 chỉ tiêu. Qua đó, cho thấy rằng việc giảm số lượng tuyển sinh là do nguyên nhân khách quan như yêu cầu của BGDDĐT và nhu cầu xã hội.

2. Điểm mạnh

Chính sách tuyển chọn SV của Nhà trường là cơ sở tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển một cách nghiêm túc, công bằng và khách quan.

3. Điểm tồn tại

Trường ĐHCT chưa tổ chức tuyển sinh theo hình thức thi tuyển theo hình thức kiểm tra và đánh giá năng lực thí sinh cho ngành SPTH.

4. Kế hoạch hành động

KSP sẽ phối hợp chặt chẽ với Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường trong việc xác định tiêu chí và phương pháp tuyển sinh phù hợp với đặc thù của ngành SPTH.

KSP cần có chiến lược và kế hoạch tuyển sinh phù hợp; tiến tới xây dựng và công bố phương thức tuyển sinh cho ngành SPTH theo phương thức đánh giá năng lực thí sinh.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV

1. Mô tả

Nhà trường phân công cán bộ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện đối với SV ngành SPTH. Ở cấp Trường, Phòng Đào tạo và Phòng CTSV phụ trách quản lý sự tiến bộ trong học tập, KQHT và khối lượng học tập của SV. Phòng CTSV và Đoàn Thanh niên có nhiệm vụ trực tiếp giám sát và đánh giá điểm rèn luyện của SV theo các học kỳ chính **[H7.07.01.01]**. Ở cấp Khoa, có Phó Trưởng Khoa phụ trách quản lý về đào tạo ĐH; Bên cạnh đó, Trợ lý Đào tạo ĐH ở Khoa hỗ trợ quản lý và giải quyết các vấn đề liên quan đến đăng ký học phần, kết quả học tập và thông tin tốt nghiệp của SV. Ở cấp BM, có Phó Trưởng BM phụ trách quản lý đề đào tạo và CTSV **[H8.08.03.01]**, **[H7.07.01.02(6)]**. Ở các lớp chuyên ngành SPTH, BM và KSP đề cử GV làm công tác CVHT cho Nhà Trường để phân công GV đảm nhiệm vai trò CVHT để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV trong từng học kỳ và suốt quá trình đào tạo **[H5.05.04.02]**. CVHT được cấp quyền truy cập vào chức năng quản lý KHHT và kết quả tốt nghiệp của SV; đồng thời CVHT có nhiệm vụ theo dõi, chấm điểm rèn luyện cho SV vào cuối mỗi học kỳ chính. Đầu khoa học, CVHT hỗ trợ cho SV lập KHHT toàn khóa và giám sát việc SV điều chỉnh, đăng ký HP.

Từ năm 2007, BGDĐT ban hành quy chế đào tạo ĐH và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Nhà trường ban hành quy định và hướng dẫn chi tiết thực hiện chương trình tín chỉ hóa để thống nhất áp dụng trong đào tạo các ngành học, trong đó có ngành SPTH **[H8.08.03.02]**. Việc quản lý, giám sát sự tiến bộ trong học tập, KQHT và khối lượng học tập của SV ngành SPTH được thực hiện theo quy định công tác học vụ dành cho SV trình độ đại học hệ chính quy **[H5.05.01.01]**. Khối lượng học tập được quy định và kiểm soát chặt chẽ cho mỗi học kỳ và toàn bộ khoa học. Đối với học kỳ chính, SV đăng ký học tối đa 20 tín chỉ. Đối với trường hợp chỉ còn lại ≤ 25 tín chỉ của CTĐT, SV được đăng ký tối đa 25 tín chỉ. Đối với học kỳ 3, SV đăng ký tối đa 08 tín chỉ. Tổng số tín chỉ bắt buộc mỗi SV cần tích lũy toàn khoa học được quy định trong CTĐT ngành SPTH đối với K40, K41, K42, K43 và K44 là 140 tín chỉ: 115 tín chỉ bắt buộc và 25 tín chỉ tự chọn; K45 và K46 là 141 tín chỉ: 114 tín chỉ bắt buộc và 27 tín chỉ tự chọn **[H1.01.01.02]**.

Nhà trường có Hệ thống Quản lý để theo dõi sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, tình trạng chậm tiến độ và thôi học của SV **[H8.08.03.03]**. Ở góc phải của cửa sổ Hệ thống Quản lý của Nhà trường có các thông báo cập nhật về kế hoạch đăng ký và giảng dạy HP; điều chỉnh kế hoạch giảng dạy; học phí; công tác học vụ; kế hoạch xét tốt nghiệp. Ngoài ra, hệ thống là nơi lưu trữ toàn bộ dữ liệu như thông tin liên lạc; kết quả học tập và rèn luyện theo từng học kỳ và năm học; thông tin về khen thưởng và kỷ luật; tình trạng chậm tiến độ, tạm nghỉ học, thôi học và tốt nghiệp của SV. Khi SV đăng ký HP, hệ thống tự động kiểm tra điều kiện tiên quyết của HP đăng ký; cảnh báo SV đăng ký trùng thời khóa biểu, đăng ký ít hơn hoặc vượt mức tín chỉ quy định theo từng học kỳ. Mặt khác, hệ thống cho phép phân quyền chức năng cho đơn vị chịu trách nhiệm quản lý SV. CVHT thực hiện giám sát, kiểm tra tiến bộ học tập và rèn luyện của SV. CVHT xem được kết quả học tập và rèn luyện của SV của lớp cố vấn. Ở các học kỳ chính, Nhà trường thông báo về các mốc thời gian đánh giá điểm rèn luyện để Đoàn thanh niên, SV và CVHT các đơn vị dưới sự hỗ trợ của phòng CTSV **[H8.08.03.04]**. Về cảnh cáo học vụ, Nhà trường thông báo nhắc nhở và kèm hình thức xử lý. Đối với các trường hợp quy phạm vi chế học vụ và chưa hoàn thành hồ sơ nhập học, Nhà trường ra thông báo và hình thức kỷ luật kèm theo **[H8.08.03.05]**, **[H8.08.03.06]**, **[H8.08.03.07]**. Đồng thời, Nhà trường thực hiện tổng kết, khen thưởng cho SV có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện theo từng năm học **[H8.08.03.08]**. Bên cạnh đó, Nhà trường còn khen thưởng cho SV tốt nghiệp các chuyên ngành đào tạo của KSP **[H8.08.03.09]**.

2. Điểm mạnh

Hệ thống giám sát sự tiến bộ của SV về học tập và rèn luyện được thực hiện trên phần mềm quản lý dưới nhiều mức độ quản lý khác nhau. Sự tiến bộ của SV được giám sát bởi một hệ thống gồm GV, CVHT, trợ lý đào tạo, các tổ chức đoàn thể và các đơn vị liên quan đã tạo ra sự hiệu quả trong hoạt động cải tiến chất lượng học tập của SV.

3. Điểm tồn tại

GV vừa đảm nhận công việc giảng dạy và NCKH vừa làm CVHT do đó GV chưa phát huy hết vai trò cố vấn đối với SV.

4. Kế hoạch hành động

BM và KSP xem xét về tiêu chí để đề cử GV làm công tác CVHT sao cho phù hợp với công tác CVHT.

Phòng Công tác Sinh viên tổ chức buổi tập huấn cho GV về công tác cố vấn và quản lý thông tin SV của lớp cố vấn trên hệ thống quản lý của Nhà trường nhằm phát huy tốt nhất vai trò của CVHT.

5. Tự đánh giá:

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV

1. Mô tả

CVHT nắm vững CTĐT, quy định công tác CVHT, chế độ chính sách đối với SV để tư vấn, hỗ trợ giúp đỡ cho SV trong quá trình học tập, rèn luyện và các vấn đề khác có liên quan **[H8.08.04.01]**. Phòng Công tác Sinh viên, Phòng Thanh tra Pháp chế và Văn phòng Đoàn trường có nhiệm vụ kiểm tra việc thực hiện công việc CVHT của CB trong từng học kỳ theo thời khóa biểu của Nhà trường đã phân công **[H8.08.04.02]**. Công việc hỗ trợ cho các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ khác cho SV đều có vai trò hỗ trợ SV đạt kết quả học tập và rèn luyện tốt.

- Hỗ trợ về học tập

Đặc trưng của các ngành SP là HP KTSP và TTSP cho SV năm thứ 3 và thứ 4. Hàng năm, Trường ĐHCT và KSP liên hệ với các sở GDĐT Cần Thơ, Vĩnh Long, Hậu Giang và Sóc Trăng lên kế hoạch để xin chỉ tiêu KTSP và TTSP để phân bố SV SPTH về các Trường THPT cho phù hợp với số lượng SV và đội ngũ giáo viên hướng dẫn của các Trường THPT **[H5.05.01.08]**, **[H5.05.01.09]**. Công việc tiếp theo, bố trí CB hướng dẫn đoàn xuống các Trường THPT để thống nhất lịch đưa rước, lo chỗ ăn ở cho và nội dung công việc SV sẽ thực hiện tại các Trường THPT. SV kiến tập sẽ có thời gian 4 tuần và SV thực tập sẽ có thời gian 8 tuần xuống Trường THPT để hoàn thành HP KTSP và TTSP ở các cơ sở tổ chức kiến tập và thực tập **[H8.08.04.03]**, **[H8.08.04.04]**. Để HP KTSP và TTSP đạt hiệu quả đồng thời hỗ trợ cho SV yêu thích môn học và bước đầu làm quen với công việc sau khi ra trường, Khoa và Trường ĐHCT tổ chức buổi sinh hoạt KTSP và TTSP để hướng dẫn SV các kỹ năng giao tiếp, ứng xử, hồ sơ cũng như giải đáp các thắc mắc của các em trước khi xuống các trường để tiếp xúc thực tế với công việc chủ nhiệm và giảng dạy cho học sinh. Nhà trường cũng mời các Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng ở các Trường THPT để tiếp xúc trao đổi, tư vấn và giải đáp thắc mắc

cho SV **[H8.08.04.05]**, **[H8.08.04.06]**. Kết thúc mỗi đợt KTSP, KSP đều có báo cáo tổng kết về tình hình KTSP của SV trong suốt quá trình kiến tập ở các cơ sở KTSP. Riêng đối với công tác TTSP, KSP còn tổ chức lễ tổng kết để rút kinh nghiệm và khen thưởng cho cá nhân SV đạt thành tích tốt trong quá trình TTSP ở các cơ sở thực tập **[H5.05.01.11]**, **[H5.05.01.11]**, **[H8.08.04.07]**.

Để khuyến khích SV học tốt, bên cạnh học bổng khuyến khích học tập cho các SV xuất sắc, giỏi chiếm khoảng 10% số lượng SV mỗi lớp, Nhà trường còn kết hợp với các tổ chức để trao học bổng cho SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh khó khăn và SV dân tộc thiểu số có thành tích học tập tốt **[H8.08.04.08]**. Bên cạnh đó, trao đổi học thuật với các Trường ĐH đào tạo tin chỉ trong khối ASEAN là một hoạt động thường niên ở các BM của KSP. BM, KSP và Trường ĐHCT rất chú trọng đến việc trao đổi học thuật để tạo cơ hội học tập và tìm việc làm cho SV có chuyên môn giỏi và vốn ngoại ngữ tốt **[H8.08.04.09]**. Nhà trường cũng có những quy định cụ thể về quyền lợi và nghĩa vụ của các BLQ trong việc cử SV học tập nước ngoài **[H4.04.03.10]**.

Ngoài ra, BM SPTH còn thực hiện được việc lấy ý kiến phản hồi từ SV về hoạt động tư vấn học tập cho SV **[H1.01.01.06(1)]**. Trung bình khoảng 89,4% số NH được khảo sát đánh giá tốt và rất tốt cho 10 tiêu chí liên quan đến hoạt động tư vấn học tập cho SV ngành SPTH. Từ kết quả khảo sát cho thấy rằng, SV ngành SPTH có sự hài lòng cao về hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm của BM.

- Hỗ trợ về các hoạt động ngoại khóa

Bên cạnh các hoạt động học tập, BM, Khoa, Trường ĐHCT cũng tổ chức các hoạt động ngoại khóa lành mạnh, bổ ích, mang tính giáo dục cho SV ngành SP của Chi Đoàn các lớp, Đoàn Khoa và Đoàn Trường **[H8.08.04.11]**. Các sân chơi nhằm khơi dậy tình đoàn kết, tinh thần tập thể và ý thức cộng đồng trong SV ngành SP. Ngoài ra, Nhà trường tổ chức sân chơi hùng biện Tiếng Anh cho SV thông qua hội thi Tiếng Anh SV, nhằm giúp SV thể hiện được sự tự tin, trao dồi vốn ngoại ngữ để hỗ trợ cho chuyên môn và hội nhập Quốc tế **[H8.08.04.12]**.

- Hỗ trợ tuyển dụng và việc làm

Một quan tâm của hầu hết các SV khi ra trường là vấn đề việc làm. BM SPTH cung cấp những thông tin tuyển dụng của các sở GDĐT các tỉnh về nhu cầu tuyển dụng SV ngành SPTH ở các tỉnh ĐBSCL. Ngoài ra, trên website thông tin việc làm của Nhà trường có danh mục các thông báo tuyển dụng cho nhóm ngành Sư phạm - Xã hội

[H8.08.04.13]. Bên cạnh đó, KSP còn tổ chức công tác khảo sát việc làm đối với các SV sau 1 năm tốt nghiệp, nhằm nắm bắt thông tin phản hồi từ xã hội để điều chỉnh công tác giảng dạy, chuyên môn và nghiệp vụ sao cho phù hợp với nhu cầu của xã hội **[H8.08.04.14].**

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập và hoạt động ngoại khoá được Nhà trường, Khoa triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học tập của SV nhằm giúp SV phát huy được các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong quá trình rèn luyện và học tập tại Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Chưa nhận thấy.

4. Kế hoạch hành động

Đoàn thanh niên tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa gắn với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6/7.

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân SV

1. Mô tả

Cơ sở đào tạo của Trường ĐHCT tọa lạc trên 4 địa điểm: khu I, khu II, khu III thuộc thành phố Cần Thơ và khu Hòa An thuộc tỉnh Hậu Giang; giảng đường và ký túc xá. Trong Nhà trường, có sự bố trí sơ đồ nhà học và ký hiệu phòng học để thuận tiện cho việc học tập của SV; hệ thống camera để giám sát và đảm bảo an ninh trong Nhà trường **[H8.08.05.01]**. Công tác y tế, sức khỏe cũng được Nhà trường quan tâm chu đáo cho SV trong quá trình học tập tại Nhà trường. Phòng Công tác Sinh viên cung cấp những quy trình chăm sóc sức khỏe, thông tin y tế mới nhất và thông tin về bảo hiểm y tế cần thiết cho SV trên website của Nhà trường. Ngoài ra, các thông báo tư vấn chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh ban đầu tại Trạm Y tế Trường và khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm cũng được phổ biến đến SV **[H8.08.05.02]**. Khi bắt đầu năm học mới, Trường ĐHCT đều có kế hoạch tổ chức khám sức khỏe cho tất cả các SV vừa trúng tuyển vào Trường **[H8.08.05.03]**.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành các quy định về thực hiện nếp sống văn minh trong giao tiếp ứng xử, trang phục, an toàn giao thông, an ninh trật tự, giữ gìn cảnh

quan môi trường nơi sinh sống và học tập của SV [H8.08.05.04]. Công tác PCCC được xem là công tác không thể thiếu của Nhà trường. Trường ĐHCT ban hành những quy định về PCCC; thành lập các tổ PCCC ở các đơn vị và đội PCCC trong Nhà Trường tổ chức các hoạt động tuần tra, giám sát; tổ chức tập huấn và kiểm tra công tác PCCC nhằm nâng cao ý thức an toàn PCCC [H8.08.05.05], [H8.08.05.06]. Song song với công tác PCCC, vấn đề an toàn thực phẩm ở các căn tin của Nhà trường phục vụ cho SV cũng được quan tâm. Hàng năm, chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm thành phố Cần Thơ kiểm tra, đánh giá an toàn thực phẩm và chống ngộ độc thực phẩm ở các căn tin của Nhà trường [H8.08.05.07].

Hàng năm, Trường ĐHCT đều có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến SV về học tập, rèn luyện, cảnh quan, sinh hoạt và môi trường tâm lý thông qua buổi tiếp xúc SV của BGH, Đảng ủy và đại diện lãnh đạo các đơn vị Nhà trường với sự hiện diện của các em sinh viên là đại diện Ban cán sự lớp, Ban chấp hành Đoàn, Hội các cấp trong Trường và các đoàn viên thanh niên [H8.08.05.08]. Đây được xem là kênh thông tin phản hồi khá hữu hiệu của SV về tổ chức và hoạt động của Nhà Trường. Ngoài ra, Nhà trường tiến hành khảo sát trực tuyến GV và cựu SV về môi trường làm việc và cảnh quan của Nhà trường [H8.08.05.09]. Bên cạnh đó, BM cũng tiến hành khảo sát cựu SV SPTH sự hài lòng về môi trường xã hội và cảnh quan [H1.01.01.06(1)]. Qua kết quả khảo sát, cho thấy có sự hài lòng của GV (85,5%), cựu SV (96,4%) và cựu SV SPTH (90,5%) đối với môi trường làm việc, môi trường xã hội và cảnh quan của Nhà trường. Với đặc trưng là một chuyên ngành thực nghiệm, câu lạc bộ học thuật của SV ngành SPTH được tổ chức mỗi năm hai lần. Câu lạc bộ Tin học không chỉ đem lại sự yêu thích môn học mà còn là môi trường học thuật bổ ích để SV trao đổi kiến thức và chuyên môn nghề nghiệp [H8.08.04.10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không tệ nạn xã hội, thân thiện, tích cực đảm bảo phục vụ các hoạt động học tập và NCKH của SV trong suốt quá trình học tập.

3. Điểm tồn tại

Chưa nhận thấy.

4. Kế hoạch hành động

Hàng năm, Phòng Quản trị Thiết bị tiếp tục hoàn thiện đề án quy hoạch tổng thể Trường ĐHCT. Ngoài ra, Nhà trường, Khoa và BM phổ biến đầy đủ các quy định về PCCC cũng như tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC theo định kỳ.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 6/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

Với sự tổ chức có hệ thống, chuyên nghiệp từ khâu tuyển sinh cho đến các hoạt động học tập, văn hóa, văn nghệ, thể thao cho SV, Trường ĐHCT cho thấy được vai trò quan trọng đối với việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của xã hội. Riêng đối với KSP Trường ĐHCT cho thấy được vai trò then chốt trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ tốt, năng động, sáng tạo trong công việc trồng người, đáp ứng yêu cầu giảng dạy cho khu vực ĐBSCL. Trong đó, BM SPTH luôn tạo môi trường học tập tốt cho SV, giúp SV tiếp cận với những PPDH tích cực, tạo điều kiện tốt nhất để SV có thể phát huy được năng lực, phẩm chất SP.

○ **Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị**

Mở đầu

Cùng với sự hỗ trợ từ nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước, ĐHCT và KSP luôn đảm bảo các điều kiện về CSVC và trang thiết bị học tập tốt nhất để triển khai các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được MT và nhiệm vụ đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện (TTHL và các nguồn học liệu mở) đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có PTN và phòng thực hành với trang thiết bị phù hợp với yêu cầu chuẩn chất lượng của BGD-ĐT, hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) được cập nhật định kỳ. Bên cạnh đó, ĐHCT và KSP luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho SV ngành SPTH.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

ĐHCT có đầy đủ phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng phù hợp theo

quy định hiện hành đáp ứng được yêu cầu đào tạo và NCKH của SV ngành SPTH.

Tổng diện tích cơ sở giáo dục 2.249.773,47 m², diện tích sàn phục vụ cho nơi làm việc: 20.487,98 m² và nơi học bao gồm giảng dạy và NCKH của Trường là 127.882,01 m², bình quân 3,63m²/SV (tổng số sinh viên chính quy toàn Trường tính đến quý IV/2020 là 35.262 SV), đáp ứng tiêu chuẩn thông tư 24/2015/TT-BGDĐT). Toàn trường có 57 hội trường và phòng học lớn trên 200 chỗ ngồi, 258 phòng học từ 50 đến 100 chỗ ngồi; 63 phòng học dưới 50 chỗ ngồi; 15 phòng học đa phương tiện, multimedia [H9.09.01.01-07].

Trong đó KSP có diện tích là 14.593m² bao gồm: Văn phòng, thư viện, giảng đường lớn 3.345m², nhà học lý thuyết C₂ 5.235m², nhà thí nghiệm Sinh Hóa 2.912m², trường THPT Thực Hành SP 1.712m², Trung tâm Kỹ năng Thực hành SP 1.389m². Năm 2020, tổng số phòng học của KSP quản lý có sức chứa dưới 50 chỗ là 10 phòng; phòng học từ 50 - 100 chỗ có 26 phòng; phòng học có sức chứa là 100 - 200 chỗ là 6 phòng và 1 hội trường 200 chỗ ngồi. Diện tích phòng học lý thuyết bình quân ở KSP đạt 2,52m²/SV (tổng số SV Sư phạm tính đến quý IV/2020 là 1449 SV) [H9.09.01.08-11].

Các phòng học cũng được trang bị máy tăng âm, micro, máy chiếu projector, bảng chống lóa, máy móc, phương tiện dạy học trực tuyến và phòng máy tính trực thuộc KSP được nối mạng, máy chiếu Projector phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành SPTH được cung cấp, bổ sung, sửa chữa hàng năm [H9.09.01.12-13].

Trường ban hành biểu quản lý, sử dụng phòng học, hội trường, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT ngành SPTH. KSP có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ đào tạo và NCKH. Nhà học C₂ và Trung tâm Kỹ năng Thực hành SP được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, hệ thống loa; một số phòng chất lượng cao được trang bị điều hòa không khí, máy tính, máy in... [H9.09.01.14-19].

KSP đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi GV về hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành SPTH. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành SPTH cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của GV, SV. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ SV về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 11,3% ý kiến đánh giá đáp ứng được CTĐT và 67,9% đánh giá tốt và 22,6% ý kiến đánh giá rất tốt về CSVN về

phòng học và PTN, PTH [H1.01.01.06(1)].

Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ GV về hệ thống phòng học và các trang thiết bị phục vụ CTĐT có 18,4% ý kiến đánh giá đáp ứng được CTĐT và 50% đánh giá tốt và 23,7% ý kiến đánh giá rất tốt về CSVC về phòng học và PTN, PTH [H1.01.01.06(2)].

2. Điểm mạnh

Có đủ phòng làm việc, phòng học, giảng đường, ... với trang thiết bị hiện đại được bố trí hợp lý đáp ứng yêu cầu đào tạo của Trường. Hệ thống thiết bị thí nghiệm thực hành phục vụ giảng dạy phong phú và chuyên sâu đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Trường có nhiều nỗ lực trong việc trang bị các điều kiện CSVC cho GV và SV làm việc và học tập, việc sử dụng chung thiết bị thí nghiệm và thực hành chung giữa các đơn vị đào tạo làm hạn chế tính linh động trong việc bố trí giảng dạy và nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Phòng Quản Trị Thiết Bị ĐHCT sẽ tối ưu hóa việc được bố trí hợp lý và đáp ứng yêu cầu đào tạo của Trường trong năm 2020.

Khắc phục tồn tại: Phòng Quản Trị Thiết Bị ĐHCT và Phòng Đạo Tạo cần có sự thống nhất chung về kế hoạch sử dụng phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng học giữa các đơn vị bằng hệ thống phần mềm máy tính linh hoạt hơn.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

ĐHCT trang bị hệ thống thư viện (thư viện truyền thống và thư viện điện tử) với đầy đủ các tài liệu được cập nhật phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu ngành SPTH.

Hệ thống thư viện ĐHCT có diện tích 11.795 m². Trong đó, TTHL do tổ chức từ thiện Atlantic Philanthropies (Mỹ) tài trợ xây dựng cùng với hệ thống thư viện phục vụ chuyên môn tại từng Khoa chuyên ngành (14 thư viện trực thuộc các đơn vị). TTHL xây dựng 4 tầng với tổng diện tích sàn xây dựng 7560 m² bao gồm: 257 máy tính hiện đại

được nối mạng Internet phục vụ sinh viên; 23 phòng đọc ở TTHL và 15 phòng đọc ở các đơn vị; 1000 chỗ ngồi ở TTHL và 821 chỗ ngồi ở các đơn vị; tầng 4 có các phòng hội trường và hội nghị hiện đại là nơi tổ chức các hội nghị, hội thảo [H9.09.01.05], [H9.09.02.01-02].

SV ĐHCT khi nhập học đều được hướng dẫn về: nội quy sử dụng TTHL, nội quy thư viện ở các đơn vị, khai thác cơ sở dữ liệu trực tuyến, tra cứu tài liệu học tập [H9.09.02.03-07].

Thư viện được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho SV khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác và cơ sở dữ liệu được cập nhật thường xuyên hàng năm. Hoạt động ra vào TTHL, mượn trả sách của người được được sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý thư viện Ilib [H9.09.02.08-15].

Thư viện trường cung cấp đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, GV và SV ngành SPTH và đủ các tài liệu đã ghi trong đề cương chi tiết học phần [H9.09.02.16-17]. Hiện tại, TTHL có 1.947 đầu sách chuyên ngành phục vụ cho CTĐT ngành SPTH [H2.02.02.01], [H9.09.02.18-19]. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của GV và SV [H9.09.02.08-10]. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý tự động hóa thông qua truy cập website thay cho giải pháp sử dụng thư viện truyền thống.

Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với CTĐT ngành SPTH: SV về cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện, có 60,4% ý kiến đánh giá tốt và 30,2% ý kiến đánh giá rất tốt, đối với GV 52,6% đánh giá tốt và 31,6% rất tốt [H1.01.01.06(1)], [H1.01.01.06(2)].

2. Điểm mạnh

Thư viện của Trường hiện nay có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng nhu cầu cho SV và GV ngành SPTH. Thư viện điện tử Trường cho phép GV và SV thuận lợi tra cứu tài liệu trực tuyến và sử dụng cơ sở dữ liệu quốc tế.

3. Điểm tồn tại

Số lượng cơ sở dữ liệu quốc tế, tạp chí khoa học quốc tế phục vụ đào tạo và nghiên cứu của ngành SPTH vẫn còn hạn chế do phụ thuộc vào nguồn kinh phí duy trì hoạt

động.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: TTHL tiếp tục đầu tư kinh phí cập nhật nguồn sách và tài liệu phục vụ cho đào tạo và NCKH cho SV ngành Hóa nói chung, SPTH nói riêng, HV cao học và GV của Trường.

Khắc phục tồn tại: Trường ĐHCT tiếp tục đầu tư kinh phí phân giao cho TTHL, TTHL cần liên kết với các trường đại học khác trong khu vực để mua bản quyền và chia sẻ dữ liệu khoa học quốc tế, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu đào tạo và NCKH cho SV và GV.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.3. PTN, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

ĐHCT cung cấp một hệ thống các PTH, PTN, phòng máy tính với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH cho ngành SPTH **[H9.09.03.01], [H9.09.03.02]**.

BM SPTH trực tiếp quản lý một văn phòng BM SPTH dùng tổ chức các cuộc họp, báo cáo chuyên đề, trao đổi NCKH giữa cán bộ với SV và bốn phòng thực hành và một PTN với các trang thiết bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu học tập và NCKH của cán bộ, SV. Ngoài ra, GV và SV có thể sử dụng được hệ thống các PTH, PTN ở các đơn vị bạn trong Trường ĐHCT như: Khoa khoa học Tự nhiên, Khoa Công Nghệ, PTN Chuyên Sâu, ...**[H9.09.01.11], [H9.09.03.03]**.

Hệ thống các phòng thực hành Tin học đã được trang bị đầy đủ các trang thiết bị máy móc, dụng cụ đặc thù cho ngành SPTH. Với 4 PTH và 1 PTN trực thuộc BM SPTH với các trang thiết bị đáp ứng nhu cầu học tập cơ bản cho SV và học sinh cấp 3 (thuộc trường THSP) **[H9.09.03.04]**. Ở mỗi PTH, PTN đều có nội quy PTN **[H9.09.03.05]**, và có hệ thống tủ y tế, hệ thống chữa cháy, hệ thống nhà vệ sinh để xử lý các tình huống cháy nổ, bị thương khi thực hành của SV, học sinh. Đặc biệt, do bản chất ĐHCT là ĐH đa ngành, BGH và các Phòng chức năng tạo điều kiện thuận lợi cho SV và GV các chuyên ngành có thể sử dụng các thiết bị thí nghiệm chuyên sâu ở các đơn vị có liên quan như các PTN Tin học thuộc Khoa khoa học Tự nhiên, Khoa Công Nghệ

[H9.09.01.11], [H9.09.03.06-08].

Các thiết bị ở PTN, PTH đều có nhật ký sử dụng cho từng thiết bị **[H9.09.03.09]** và nhân viên quản lý thiết bị, phụ trách PTN, PTH **[H9.09.03.10]**. Hàng năm, Trường ĐHCT đều phân giao kinh phí mua sắm và sửa chữa thiết bị nhằm phục vụ tốt công tác đào tạo ngành SPTH **[H9.09.03.11-18]**.

Hệ thống nước thải trong quá trình giảng dạy được phân loại tại PTH, PTN và được thu tập trung về kho chứa của Phòng Quản Trị Thiết Bị ĐHCT. Các hóa chất thông thường được xử lý trước khi thải ra môi trường, riêng hóa chất độc hại, nguy hiểm thì được ký hợp đồng với công ty xử lý môi trường bên ngoài **[H9.09.03.19-23]**. Hiện nay, các PTN, PTH đều có hệ thống bồn rửa thiết bị, hóa chất xả vào bồn xử lý hóa chất trước khi thải loại ra môi trường **[H9.09.03.24]**.

KSP đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi GV, SV về hệ thống PTH, PTN phục vụ CTĐT ngành SPTH. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành và các trang thiết bị phục vụ CTĐT, NCKH: từ SV có 64,2% ý kiến đánh giá tốt và 22,6% đánh giá rất tốt, từ GV có 47,4% đánh giá tốt và 7,9% đánh giá rất tốt về CSVC về PTN, PTH **[H1.01.01.06(1)], [H1.01.01.06(2)]**.

2. Điểm mạnh

ĐHCT có hệ thống phòng học thực hành, thí nghiệm với nhiều máy móc, thiết bị đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của SV ngành SPTH.

3. Điểm tồn tại

Kinh phí bảo trì, sửa chữa và mua sắm trang thiết mới phục vụ thực hành cho SV còn hạn chế nên các thiết bị thường không được đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Đẩy mạnh khai thác PTH phục vụ học tập, đào tạo và NCKH của GV, SV ngành SPTH. Tiếp tục phát huy thế mạnh của các PTN, PTH trong ĐHCT của các đơn vị khác để đẩy mạnh công tác giảng dạy và NCKH của SV, HV cao học, GV Trường ĐHCT.

Khắc phục tồn tại: Năm 2020, KSP phối hợp với Phòng Quản Trị Thiết Bị lập khảo sát để bảo trì, sửa chữa, mua sắm các thiết bị mới phục vụ TH, TN theo sát yêu cầu thực tế và mở gói thầu cung cấp thiết bị, dụng cụ phòng thí nghiệm Tin học phục vụ giảng dạy thực tập cho sinh viên Khoa Sư phạm và Khoa khoa học Tự Nhiên với kinh phí 1.118.450.000 triệu đồng **[H9.09.03.18]**.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.4. Hệ thống CNTT (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả

Trường ĐHCT có 3.947 bộ máy tính tính đến ngày 30/09/2020 trong đó có 197 bộ dùng cho hệ thống văn phòng và 3.750 bộ dùng cho người học [H9.09.01.02]. Trường có hệ thống CNTT (bao gồm hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, trang thông tin điện tử, phòng họp trực tuyến, ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.04.01], [H9.09.04.02], [H9.09.04.03]. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu và học tập của GV và NH [H9.09.04.04], [H9.09.04.05], [H9.09.04.06].

Trường sử dụng hệ thống phần mềm tích hợp giúp trường tin học hóa hầu hết các hoạt động quản lý và hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu có ứng dụng CNTT. Hệ thống phần mềm tích hợp được cập nhật thường xuyên hàng năm [H9.09.04.07].

SV, cán bộ, viên chức của trường đều được cấp một tài khoản về email và một tài khoản trên hệ thống phần mềm tích hợp để quản lý công việc giảng dạy, học tập. Cán bộ và SV của trường phải thực hiện đúng quy định của trường về tài khoản được phân giao [H9.09.04.08], [H9.09.04.09], [H9.09.04.10], [H9.09.04.11], [H9.09.04.12].

Trường trang bị máy tính xách tay cho đội ngũ cán bộ quản lý và GV có trình độ TS trở lên để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu [H9.09.04.13].

Hệ thống đào tạo trực tuyến giữa GV và SV đã và đang được xây dựng, đáp ứng nhu cầu đổi mới PPDH [H9.09.04.14], [H9.09.04.15].

Việc đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống phần mềm được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Hệ thống CNTT của Trường được đầu tư và nâng cấp hàng năm, việc đăng ký học của SV trên hệ thống được thuận lợi hơn [H9.09.04.16-21].

KSP đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi SV, GV về hệ thống công nghệ thông tin phục vụ CTĐT ngành SPTH. Kết quả thu được từ SV đánh giá 62,3% đánh giá tốt và 26,4% đánh giá rất tốt, từ GV 50% đánh giá tốt và 23,7% đánh giá rất [H1.01.01.06(1)], [H1.01.01.06(2)].

2. Điểm mạnh

Chất lượng hệ thống thông tin và CSDL của Trường tốt, được đầu tư hiện đại, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ quá trình đào tạo và NCKH của GV và SV.

3. Điểm tồn tại

Do số lượng người dùng và số lượng giao dịch lớn nên một số thời điểm việc truy cập internet và hệ thống intranet của trường bị chậm.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: KSP cần đẩy mạnh tin học hóa trong hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH theo công nghệ 4.0.

Khắc phục tồn tại: Trung tâm thông tin và quản trị mạng cần phân luồng đăng ký học trực tuyến hợp lý theo khóa để giảm thiểu sự cố nghẽn mạng đầu mỗi học kì, đồng thời nâng cấp hạ tầng cơ sở viễn thông và phần mềm quản lý Trường.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả

ĐHCT gồm 4 khu với diện tích tổng cộng khoảng 200 ha, luôn được duy trì xanh, sạch đẹp và an toàn. Môi trường cảnh quan của ĐHCT, KSP và BM SPTH đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội.

Trường ban hành các văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn thông qua quy chế đào tạo và quy chế chi tiêu nội bộ nhằm điều chỉnh các hoạt động đảm bảo an ninh trật tự; quy định về công tác SV tự quản (nội trú và ngoại trú) **[H8.08.05.04], [H9.09.05.01]**. Trường có tổ chức các cuộc tập huấn diễn tập ứng phó khẩn cấp, triển khai công tác an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội, phòng chống cháy nổ **[H8.08.05.06], [H9.09.05.02], [H9.09.05.03], [H9.09.05.04], [H9.09.05.05]**.

Hệ thống ký túc xá được xây dựng theo phương thức địa phương và Trường cùng đầu tư có tổng diện tích 73.020,60 m² và 1.330 phòng, số lượng sinh viên bố trí chỗ ở là 9.876. Hệ thống ký túc xá này được trang bị tốt đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho SV (2,07 m²/SV); có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, TDTT theo quy định **[H9.09.01.02]**. Trường có khuôn viên đẹp, có căn-tin, nhà ăn; nhà

thi đấu đa năng với các phòng tập bóng chuyên, cầu lông, bóng bàn, bóng đá và đặc biệt dự án hồ bơi đạt tiêu chuẩn đã được duyệt, đáp ứng các hoạt động TDTT và văn hóa, văn nghệ... của SV **[H9.09.05.06-07]**.

Về môi trường, Trường chú trọng đến việc trồng cây xanh, tạo không gian thoáng mát cho SV. Trường thường xuyên kiểm tra giám sát công tác vệ sinh môi trường đảm bảo vệ sinh cho GV và SV nói chung, và GV và SV ngành SPTH nói riêng **[H9.09.05.08-11]**.

Trường có trạm Y tế riêng ở khu II đối diện nhà học B1, đảm bảo về CSVN, thiết bị y tế, nhân lực cho việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho học sinh, SV và cán bộ trong trường **[H9.09.05.12-15]**.

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được BGH quan tâm. Trường có đội Bảo vệ thường xuyên được bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn để bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh cho Trường. Nhân viên bảo vệ được trang bị phương tiện và trang phục đáp ứng yêu cầu của công việc. Đội ngũ chuyên trách bảo vệ làm việc theo đúng quy định và yêu cầu của Trường, thường trực 24/24 giờ trong ngày. Ngoài ra, Trường đã lắp đặt hệ thống camera giám sát ở các vị trí then chốt trong toàn trường nhằm tăng cường đảm bảo an ninh trật tự và kịp thời giải quyết khi phát hiện sự cố. GV, SV hài lòng về mức độ đáp ứng của tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe, an toàn của Trường **[H9.09.05.16], [H9.09.05.17]**.

KSP đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi GV, SV về dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ GV về dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe kết quả thu được là 47,4% đánh giá tốt và 18,4% đánh giá rất tốt, từ SV 69,8% đánh giá tốt và 24,5% đánh giá rất tốt. Kết quả khảo sát GV, SV về môi trường làm việc được đảm bảo an toàn kết quả thu được từ GV: 47,4% đánh giá tốt và 34,2% đánh giá rất tốt, từ SV 67,9% đánh giá tốt và 22,6% đánh giá rất tốt **[H1.01.01.06(1)], [H1.01.01.06(2)]**.

2. Điểm mạnh

Trường diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo quy định tiêu chuẩn xây dựng trường ĐH hiện hành. Đối với trường hợp lớp học có người khuyết tật sẽ được ưu tiên bố trí lớp học thuận lợi nhất cho người khuyết tật. Hệ thống cây xanh hợp lý tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp cho Trường.

Hệ thống ký túc xá khang trang, hiện đại đáp ứng nhu cầu ăn ở của SV và khách

đến trường để hợp tác nghiên cứu.

Trường có đội Bảo vệ được trang bị đầy đủ để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Trường.

Trường có phòng Y tế đảm bảo về CSVC, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho GV và SV ngành SPTH.

3. Điểm tồn tại

Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cần được xác định và triển khai, hệ thống các nhà học cần được thiết kế thêm các công trình phụ dành cho người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Phòng quản trị thiết bị và phòng công tác SV, Đoàn Thanh niên tiếp tục đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe trong khuôn viên Trường ĐHCT.

Khắc phục tồn tại: Từ 01/2021, Trường cần có kế hoạch xác định và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Nhìn chung, ĐHCT luôn đảm bảo các điều kiện về CSVC và trang thiết bị học tập bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị, thư viện và các nguồn học liệu, phòng thực hành và các trang thiết bị thực hành, hệ thống CNTT... Hệ thống CSVC và trang thiết bị phục vụ học tập và NCKH luôn phù hợp và được cập nhật thường xuyên. Môi trường học tập, vui chơi, giải trí, an toàn sức khỏe luôn được đảm bảo nhằm góp phần các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng nhu cầu của GV và SV.

○ Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Trường, ĐHCT, KSP và BM SPTH rất chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện thông qua việc xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ từ đó thiết kế, phát triển CTDH đảm bảo được chất lượng trong kiểm tra, đánh giá. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học cũng

như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho SV.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH

1. Mô tả

Trường đã có văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các BLQ trong quá trình thiết kế và phát triển CTDH. Theo Quyết định số 1640/QĐ-ĐHCT ngày 20 tháng 8 năm 2015, TT QLCL được Trường giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện việc thu nhận ý kiến của các BLQ; các đơn vị đào tạo thực hiện khảo sát các BLQ theo kế hoạch của Trường; một số đơn vị (Phòng Đào tạo, Khoa Sau đại học, phòng Tổ chức cán bộ, ...) phối hợp công tác. Quyết định cũng xác định đầy đủ các BLQ cần lấy ý kiến và đối tượng thực hiện (đại học và sau đại học) **[H10.10.01.01]**. Trường đã ban hành quy trình lấy ý kiến các BLQ: quy trình lấy ý kiến trực tuyến về hoạt động giảng dạy của GV theo CV số 13/QLCL ngày 4/5/2020 **[H10.10.01.02]** và quy trình khảo sát tình hình việc làm của NH đã tốt nghiệp theo QĐ số 833/QĐ-ĐHCT ngày 29/4/2020 **[H10.10.01.03]**.

Trường xây dựng công cụ khảo sát cho từng đối tượng cụ thể thông qua các hình thức như: khảo sát online và phát phiếu khảo sát **[H10.10.01.04]** đảm bảo tính đại diện và khách quan. Trường định kỳ khảo sát các BLQ: khảo sát SV trước khi tốt nghiệp **[H10.10.01.05]**, hoạt động giảng dạy của GV từng học kỳ **[H10.10.01.06]**, khảo sát SV về cố vấn học tập **[H10.10.01.07]**, lấy ý kiến cựu SV **[H10.10.01.08]**, lấy ý kiến nhà tuyển dụng **[H10.10.01.09]**.

Vào cuối mỗi học kỳ, đối với từng HP, NH được lấy ý kiến ĐG lớp HP thông qua hệ thống lấy ý kiến online. Trường ra thông báo về nghĩa vụ và quyền lợi của SV trong việc trả lời khảo sát để đảm bảo độ tin cậy của kết quả phản hồi từ NH. Thông qua đó, Trường có thể thu thập được các ý kiến của NH về nội dung DH, PPDH, cách thức ĐG... của từng HP và ý kiến phản hồi từ SV trước khi tốt nghiệp về CTDH mình đã học. Kết quả khảo sát các BLQ thể hiện tỉ lệ hài lòng với CTDH từ 2016 – 2020 đều trên 95% **[H10.10.01.10(1,2)]**.

Các kết quả từ việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi được gửi về cho cán bộ quản lý và GV để làm căn cứ thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển CTDH. TTQLCL báo cáo tổng kết hàng năm về công tác ĐBCL nhằm điều chỉnh CTĐT ở cấp trường **[H10.10.01.11(1-4)]**. Sau đó, thông qua các cuộc họp của hội đồng Khoa và BM, các ý kiến được lựa chọn để điều chỉnh CDR, khung CTDH đối với ngành đào tạo SPTH ở năm 2014 và 2019 **[H10.10.01.12(1-6)]**. Ngoài ra, thông qua kết quả ĐG GV của NH đối với từng HP, GV có những điều chỉnh thích hợp HP mình đảm nhiệm cho phù hợp về PPGD, đánh giá KQHT SV. Bên cạnh đó, nhận xét từ các trường THPT đối với SV

TTSP được sử dụng để điều chỉnh CTDH. Chẳng hạn, môn anh văn chuyên ngành - SP Hóa là môn tự chọn thì trở thành môn bắt buộc, bổ sung thêm HP kỹ năng mềm, tăng số TC cho HP Tập giảng từ năm học 2014 - 2015 từ 1 TC lên 2 TC nhằm rèn luyện NVSP cho NH sau khi nhận được ý kiến phản hồi từ NTD về đoàn SV là kiến thức chuyên môn vững nhưng NVSP còn hạn chế **[H10.10.01.13], [H3.03.03.03]**.

2. Điểm mạnh

Sử dụng nhiều hình thức khác nhau để lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ. Có sử dụng thông tin phản hồi để điều chỉnh CTDH.

3. Điểm tồn tại

Chưa tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ NTD và cựu SV một cách thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, Trường sẽ tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ NTD và cựu SV hai năm một lần; kết quả khảo sát sẽ được chọn lọc và sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Chương trình dạy học của ngành SPTH được xác lập bởi quy trình chuẩn của Trường ĐHCT dựa trên các quy định của BGDĐT, thông qua quy trình xây dựng CTĐT 8 bước quy định trong thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ký ngày 16/04/2015 **[H10.10.02.01]** và được trình bày ở Bảng 10.1 – Phụ lục 4. Trong đó, quy trình tập trung được thiết kế theo mô hình Plan – Do – Check – Act với các bước cơ bản gồm (1) Khảo sát nhu cầu; (2) Thiết lập mục tiêu và CDR; (3) Xây dựng cấu trúc, khối lượng; (4) Đối chiếu, đối sánh với chương trình khác; (5) Thiết kế CTĐT; (6) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến; (7) Hoàn thiện theo góp ý và (8) đánh giá định kỳ và thường xuyên.

Trường tiến hành ĐG CTĐT (có CTDH), ĐG quy trình thiết kế, phát triển CTDH đã sử dụng và nhận thấy cần có sự thay đổi trong quy trình phát triển CTDH. Điều này được thể hiện trong các văn bản chỉ đạo của Trường về quy trình phát triển CTDH, nhằm thực hiện tốt các quy định của Bộ về phát triển CTDH **[H10.10.01.11(1-4)]**. Sự thay đổi lớn trong quy trình thiết kế và phát triển CTDH của Trường trong giai đoạn này là bổ sung mục tiêu cụ thể sau khi đã xác định mục tiêu chung của CTĐT, xác định lại CDR của CTĐT dựa trên việc xác định các mức độ tối thiểu trong Chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

Theo quy trình được miêu tả ở Bảng 10.1 (phụ lục 4), **tổ điều chỉnh CTDH đã tổ chức rà soát, ĐG và đề xuất nội dung CTDH cần điều chỉnh**, dựa trên kết quả tổng hợp ý kiến phản hồi của các BLQ về CTDH K40-44 (về MT đào tạo, CDR, CTDH,...), chuẩn nghề nghiệp GV và ý kiến của các GV khác của BM. Nội dung đề xuất điều chỉnh CTDH được xem xét, rà soát, ĐG, thẩm định bởi Hội đồng Khoa và Tiểu ban chuyên môn. Tổ điều chỉnh CTDH điều chỉnh CTDH theo đề nghị của Hội đồng thẩm định. Việc điều chỉnh được KT và xác nhận; CTDH mới điều chỉnh được phê duyệt, công bố. Các ĐCCT HP được biên soạn theo mẫu mới, thẩm định, phê duyệt và công bố **[H10.10.02.02(1-7)], [H2.02.02.01(1-3)]**.

Sự cải tiến của Trường được triển khai thực hiện, kết quả là có sự khác biệt đáng kể về sự có mặt và logic thiết kế các thành tố của CTDH năm 2019 do với năm 2014 (các mốc thời gian ký duyệt CTDH cũ và mới), thể hiện trong các CTDH mới và cũ các ĐCCT HP mới và cũ **[H2.02.02.01(1-3)], [H4.04.01.04(1-3)]** thể hiện trong Bảng 10.2 (phụ lục 4). Việc thiết kế và phát triển CTDH dựa vào các văn bản qui định của Bộ GD&ĐT, các kế hoạch điều chỉnh CTĐT của Trường và tham khảo các CTDH ngành đào tạo SPTH của các trường khác và tham khảo ý kiến các BLQ **[H3.03.01.03(1-3)], [H1.01.01.06(1-3)]**.

Quy trình này được cải tiến căn cứ theo hướng dẫn điều chỉnh CTĐT số 2223/ĐHCT ngày 19/10/2018 và CV số 2979/ĐHCT-QLCL ngày 18/12/2019 **[H10.10.01.11(2,4)]** tuy nhiên chưa tham khảo ý kiến các BLQ.

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, quy trình được đánh giá và cải tiến định kỳ phù hợp với Nhà trường với sự tham gia góp ý của các chuyên gia, CB quản lý, GV, NTD, cựu SV và SV.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa lấy ý kiến của các BLQ về quy trình thiết kế và phát triển CTDH.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, định kỳ hai năm một lần, Trường sẽ tiến hành tổ chức khảo sát ý kiến của các bên có liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH

5. Tự đánh giá:

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của SV được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR

1. Mô tả

Trường ĐHCT có những quy định, kế hoạch thực hiện và kiểm tra xuyên suốt trong các học kỳ học tập nhằm đảm bảo cho chất lượng quá trình dạy và học tương thích và phù hợp với CĐR. Quá trình dạy và học của GV và NH được giám sát chặt chẽ bởi toàn bộ hệ thống làm việc của Trường, được quy định và kiểm soát qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHCT [H10.10.03.01]. Trong đó, hoạt động ĐBCL được quản lý bởi hội đồng ĐBCL với Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng phụ trách ĐBCL quản lý, TTQLCL điều phối. Các tổ ĐBCL ở các đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá thường xuyên sự tương thích và phù hợp của CTDH với CĐR [H10.10.03.02]. Trường BM chịu trách nhiệm chính trong việc phân công, kiểm tra hoạt động dạy và học của GV được quy định trong quy chế về công tác học vụ [H10.10.03.03] và quy chế tổ chức hoạt động của Trường [H10.10.03.04]. Hoạt động học của SV thì được kiểm soát bởi đội ngũ CVHT, hệ thống máy tính, phòng đạo tạo và phòng công tác sinh viên. Ngoài ra, KSP và quản lý nhà học cùng tham gia kiểm soát việc dạy học của GV [H10.10.03.05]. GV phải tuân thủ ĐCCT HP đã công bố, nếu muốn thay đổi, phải đề xuất, phải được đối chiếu để thực hiện CĐR, phải được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải được công bố trên trang web của Trường.

Việc kiểm tra rà soát, đánh giá KQHT của NH thể hiện rất rõ trong đề cương môn học [H2.02.02.01] và trong Quy định về công tác học vụ dành cho SV (quy định về ĐG KQHT) [H10.10.03.03] với hình thức, thời gian và trọng số của các điểm thành phần cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Trong đó, theo quy chế này và ĐCCT mẫu do trường phát hành [H10.10.03.06] thì điểm thi cuối môn tối thiểu là 50%; phần còn lại là quá trình đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua các hình thức khác nhau để đánh giá kỹ năng, thái độ và kiến thức của NH. Hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá được thực hiện theo kế hoạch của năm học [H10.10.03.07] và theo thời khóa biểu cụ thể cho từng GV và SV [H10.10.03.08]. Việc coi thi ở cuối mỗi học kỳ được giám sát bởi khoa [H10.10.03.09] và cũng có tổng kết, rút kinh nghiệm cho các hoạt động này [H10.10.03.10].

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, đảm bảo tính khách quan, chính xác và được quy định cụ thể trong quy định về công tác học vụ của Nhà trường [H10.10.03.03] và các văn bản về việc giám sát hoạt động ra đề, coi thi [H10.10.03.07-09]. Đồng thời, trưởng BM SPTH và KSP chịu trách nhiệm giám sát hoạt động này thông qua việc nộp bảng điểm, ma trận đề, đề thi, đáp án theo đúng theo yêu cầu của nhà trường với các công cụ đo lường mà nhà trường ấn định [H10.10.03.10].

Hoạt động thi cuối học kỳ cũng được nhà trường quan tâm, kiểm soát nhằm ĐBCL cho các kỳ thi cũng như hướng dẫn đảm bảo sự tương thích và phù hợp của quá trình dạy-học, đánh giá KQHT với CĐR [H10.10.03.11]. Từng GV có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động đánh giá NH của mình, đảm bảo các đề thi, KTĐG của từng HP đáp ứng đủ CĐR đã được công bố trong ĐCCT HP. Ngoài ra, BM cũng thành lập Tổ KT nhằm KT xem các đề thi, KTĐG của từng HP có đảm bảo đáp ứng đủ các CĐR được công bố trong ĐCCT HP hay không [H10.10.03.12(1,2)].

2. Điểm mạnh

Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của NH được thực hiện theo quy trình và được kiểm soát bởi nhiều BLQ nhằm đảm bảo phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại

Trường trao toàn quyền giảng dạy và kiểm tra đánh giá SV cho GV từ những năm 2010 nên một số quy trình hành chính về việc kiểm tra, đánh giá chưa được thực hiện chặt chẽ.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2021, phòng Đào tạo trường ĐHCT nghiên cứu thiết kế quy trình kiểm soát việc ra đề thi, chấm thi và đảm bảo sự tương thích giữa các CĐR của HP với các hình thức và nội dung đánh giá việc học tập của NH.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy và đào tạo, NCKH là một nhiệm vụ quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. NCKH trong GV và SV không những tạo ra tri thức mới, góp phần xây dựng vị thế và tầm vóc của trường ĐHCT mà còn được ứng dụng vào thực tế giảng dạy, từ đó làm tăng chất lượng giảng dạy.

Trong giai đoạn 2015-2020, số lượng đề tài và bài báo trong và ngoài nước của CB và SV ngày càng nhiều, trong đó có 21 đề tài nghiên cứu cấp cơ sở [H4.04.03.03(1,2)]. Các nghiên cứu này được đúc kết để hình thành các giáo trình giảng dạy trong CTĐT [H10.10.04.02], 50 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước [H10.10.04.03], [H10.10.04.04]... Các công trình, tài liệu và ấn phẩm của GV và SV được công bố trên website của BM. Các nghiên cứu cũng được tổng hợp báo cáo dưới dạng các seminar học thuật [H10.10.04.05] với chất lượng được đánh giá theo tiêu chí rõ ràng [H10.10.04.06] được nhà trường quy định cụ thể [H10.10.04.07]. Các sản phẩm và kết quả nghiên cứu được sử dụng để xây dựng bài giảng cho hoạt động giảng dạy thực tập hoặc làm tư liệu cho các sách chuyên khảo được

soạn thảo bởi GV của BM (Bảng 10.3 – Phụ lục 4). Thông qua kết quả của các dự án nghiên cứu, sản phẩm nghiên cứu và quy trình đúc kết được trong các hoạt động nghiên cứu được GV BM SPTH ứng dụng trong việc giảng dạy ở các mức độ khác nhau. Trong đó, các mẫu vật thu thập được chủ yếu được sử dụng trong hoạt động giảng dạy. Các đề tài nghiên cứu về khoa học giáo dục, PPGD được sử dụng trực tiếp và các HP về phương pháp và ứng dụng trong hoạt động kiến tập, thực tập và giảng dạy của sinh viên.

Đa phần các nghiên cứu mà BMSP thực hiện thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, những nghiên cứu về khoa học giáo dục tuy có thực hiện nhưng vẫn còn hạn chế. Trong số các nghiên cứu thành công, nhiều nghiên cứu đã được công nhận của BGDDT, của Trường và của xã hội thông qua một số thành tích **[H10.10.04.08]**.

2. Điểm mạnh

Các kết quả của các đề tài NCKH được áp dụng vào việc dạy học, bổ sung nội dung bài dạy, cải tiến hoạt động dạy và học.

3. Điểm tồn tại

Chưa đồng đều giữa việc nghiên cứu về khoa học giáo dục và chuyên ngành Tin học.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2021 đẩy mạnh NCHK nhất là trong lĩnh vực khoa học giáo dục và tiếp tục vận dụng kết quả NCKH trong công tác giảng dạy.

5. Tự đánh giá:

Đạt, mức 4/7.

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện Khoa, TTHL của trường, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trường ĐHCT, một đơn vị đã được công nhận là đạt chuẩn **[H10.10.05.01]**, các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho ngành SPTH đã được tổ chức bài bản, đa dạng, phong phú, có ý nghĩa thiết thực; định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu NH, phù hợp với thực tiễn của xã hội được thể hiện trong quyết định về việc công bố quy trình công tác tại Trường ĐHCT. Tất cả các hoạt động hỗ trợ và tiện ích đều được quy định trong các quy trình làm việc của trường trong đó, tiêu chuẩn chất lượng của các hoạt động này được quy định bằng thời gian phục vụ hoặc nội dung, chất lượng và thái độ phục vụ **[H10.10.05.02]**.

Nhà trường đã thành lập đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho NH như Trung tâm Chuyển giao Công nghệ và Dịch vụ, TTHL, Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ, Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp SV, Không gian

sáng chế **[H10.10.05.03(1,2)]**. Nhà trường tổ chức nhiều chương trình hỗ trợ cho NH như hỗ trợ vốn, hỗ trợ khởi nghiệp, việc làm... góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường nói chung, đáp ứng yêu cầu của xã hội về chất lượng nguồn nhân lực, trong đó có ngành SPTH. Các chương trình hỗ trợ SV ngày càng đa dạng và phong phú **[H10.10.05.03(1,2)]**, và hoạt động hỗ trợ được quy định đánh giá thông qua các phiếu khảo sát cho người dùng **[H10.10.05.04]**, các nghiên cứu khảo sát ý kiến người dùng **[H10.10.05.05]**, điều tra sự hài lòng của người dùng với dịch vụ công **[H10.10.05.06]** và qua các báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị **[H10.10.05.07(1,2)]**. Kết quả khảo sát SV trước khi tốt nghiệp cho thấy sự hài lòng, rất hài lòng và xuất sắc về các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích năm 2015 – 2020 trên 85%, được chi cụ thể trong Bảng 10.4.

Nhà trường chú trọng đầu tư hệ thống CNTT phục vụ hoạt động đào tạo. Hiện nay, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet, hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV và NH **[H10.10.05.03(2)]**. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Việc nâng cấp và bảo trì các hệ thống phần mềm phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, theo dõi phản hồi NH và các BLQ về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống CNTT. Bên cạnh đó, BM có phân công CVHT và Khoa cũng có cố vấn trợ lý quản lý SV là nguồn nhân lực đặc lực hỗ trợ SV ngành SPTH **[H10.10.05.08]**, **[H10.10.05.09]**. Mỗi SV hay học viên cao học/nghiên cứu Tin học tập ở ĐHCT đều được cung cấp email [@student.ctu.edu.vn và @gstudent.ctu.edu.vn], bao gồm cả hệ thống học tập trực tuyến và lưu trữ đám mây miễn phí. SV và học viên được sử dụng đến tháng thứ 3 sau khi ra trường **[H10.10.05.10]**.

Tất cả các quy trình công tác đều được quy định cụ thể thực hiện các bước (giai đoạn), thời gian cho mỗi giai đoạn, đơn vị thực hiện giai đoạn tương ứng và có chú thích, sơ đồ hóa cụ thể. Các quy trình này được tiếp cận dễ dàng ở trang chủ website của Trường ĐHCT. Mặc dù các BLQ có thể phản hồi đến Nhà trường trực tiếp thông qua thư góp ý hoặc gián tiếp qua hệ thống CVHT nhưng việc phản hồi thực hiện các thủ tục hành chính hoặc các quy trình chưa được nhanh chóng đến NH và giảng viên.

Thông qua việc khảo sát lấy ý kiến người dùng gồm cả GV và SV, các dịch vụ hỗ trợ được đánh giá và cải tiến liên tục. Năm 2015, Trường ĐHCT thực hiện việc CNTT hóa toàn Trường với internet được phủ rộng bởi dự án 1.000 máy tính **[H10.10.05.11]**. Hệ thống thư viện Trường được bổ sung thường xuyên về số lượng đầu sách và nâng cao chất lượng sách, sách còn được TTHL bổ sung theo yêu cầu của GV **[H10.10.05.12]**. Căn cứ vào những điểm mạnh và hạn chế, những năm về sau, công tác ĐBCL được đẩy

mạnh, khắc phục những điểm hạn chế và đạt các chuẩn GDĐH Việt Nam và Quốc tế **[H10.10.05.13]**. Trường ĐHCT đã phát triển nhiều dự án nhằm phát triển hệ thống các PTN, các trung tâm hỗ trợ hoạt động cho NH từ các nguồn vốn khác nhau, đặc biệt là từ nguồn vốn vay ODA Nhật Bản thực hiện dự án nâng cấp Trường ĐHCT **[H10.10.05.14]**.

2. Điểm mạnh

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, PTN, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến thường xuyên. Các dịch vụ hỗ trợ NH đa dạng. Dự án nâng cấp trường ĐHCT từ nguồn ODA Nhật Bản hiện đại hóa hệ thống PTN và các trung tâm hỗ trợ NH phục vụ tốt cho công tác đào tạo.

3. Điểm tồn tại

Chưa có công cụ, phương tiện thuận lợi cho việc phản hồi hoặc đánh giá việc thực hiện theo các quy trình chuẩn.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, BM SPTH lên kế hoạch đề nghị các đơn vị dịch vụ của trường bổ sung các công cụ (như máy tính bảng) để đưa phản hồi trực tiếp tại vị trí làm việc hoặc cung cấp đường dẫn ([QRcode](#)) để đưa phản hồi gián tiếp cho các tiện ích, dịch vụ hỗ trợ NH.

5. Tự đánh giá:

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các BLQ có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả

Trường đã sớm xây dựng cơ chế phản hồi của các BLQ từ năm 2016 và thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi của các BLQ một cách hệ thống. Quyết định 1640/QĐ-ĐHCT ngày 20 tháng 8 năm 2015 **[H10.10.06.01]**, xác định 8 BLQ cần lấy ý kiến. Quyết định số 2346/QĐ-ĐHCT ngày 21 tháng 7 năm 2014 **[H10.10.06.02]**, giao cho TT QLCL xây dựng công cụ và phối hợp thực hiện việc lấy ý kiến các BLQ nhằm phục vụ công tác ĐBCL đại học, phát triển CTĐT của Trường. TT đã từng bước triển khai công tác lấy ý kiến các BLQ và xây dựng (1) Quy trình lấy ý kiến các BLQ trực tiếp và trực tuyến **[H10.10.06.01]** và Quy trình khảo sát tình hình việc làm SVTN **[H10.10.01.03]**. Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát theo QĐ số 1640/QĐ-ĐHCT ngày 20 tháng 8 năm 2015.

Cơ chế phản hồi các BLQ được đánh giá. TT QLCL xây dựng bộ công cụ cho từng đối tượng khảo sát, từng mục tiêu khảo sát, đưa ra quy trình thực hiện khảo sát tương ứng nhằm thu được thông tin phục vụ, cải tiến chất lượng. Ví dụ như Quy trình lấy ý kiến phản hồi NH về hoạt động giảng dạy của GV **[H10.10.06.01]** được thực hiện hoàn

toàn trực tuyến gồm các bước sau: (1) The thập thông tin, (2) Tổng hợp và phân tích dữ liệu, (3) Phân tích kết quả, (4) Lập kế hoạch cải tiến, (5) Đánh giá kết quả cải tiến. Khảo sát này thực hiện ở mỗi kỳ học theo một bảng câu hỏi **[H10.10.01.04(3)]**. Nhà trường tiến hành thống kê phân tích kết quả, chuyển kết quả về Khoa, chuyển cho từng cá nhân GV. Cuối cùng, BCN Khoa và Bộ môn và cán bộ phụ trách chịu trách nhiệm việc triển khai, phân tích, đánh giá kết quả khảo sát. Cách thức này đã được TT QLCL đánh giá hàng năm thông qua Báo cáo tổng kết công tác đảm bảo chất lượng và phương hướng công tác hàng năm **[H10.10.06.03]**. Một số vấn đề được TT QLCL ghi nhận và cải tiến trong thời gian qua, đơn cử như: trước năm 2015, Trường thực hiện khảo sát trên giấy; từ năm 2015, Trường đã tiến hành khảo sát trực tuyến. Ngoài ra, tỷ lệ phản hồi của các bên liên quan trong nhiều đợt khảo sát chưa cao như kỳ vọng do nhận thức và cam kết chưa cao; việc cập nhật thông tin của bên liên quan ngoài còn hạn chế do kênh thông tin hoạt động chưa hiệu quả; chưa thực hiện các biện pháp ràng buộc, chế tài đối với các đơn vị và cá nhân có kết quả phản hồi chưa tích cực **[H10.10.06.03]**. Năm 2020, Trường đã ràng buộc SV phải đánh giá hoạt động giảng dạy của GV mới được xem kết quả học tập của HP **[H10.10.06.04]**, Trước đây, các mẫu phiếu khảo sát được thiết kế với 4 thang đánh giá, từ năm 2020, mẫu phiếu khảo sát được cải tiến thành 5 thang đánh giá **[H10.10.01.04(3)]**. Có thể khẳng định là cơ chế phản hồi thông tin các bên liên quan giúp Trường và các đơn vị không ngừng cải thiện chất lượng các khía cạnh chưa được đại diện các bên liên quan đánh giá cao và nâng cao hơn nữa chất lượng các khía cạnh nhận được phản hồi tích cực từ đại diện các bên liên quan, góp phần đáng kể vào các kết quả về đánh giá, kiểm định chất lượng và xếp hạng của Trường trong giai đoạn 2015-2020

2. Điểm mạnh

Trường thiết lập được cơ chế phản hồi của các bên liên quan mang tính hệ thống, tin học hóa, được củng cố, hoàn thiện dần và đánh giá, cải tiến giúp vận hành hiệu quả đáp ứng mục tiêu nâng cao chất lượng các khía cạnh hoạt động của Trường và các đơn vị.

3. Điểm tồn tại

Sự tham gia của các bên liên quan trong nhiều đợt khảo sát chưa đáp ứng kỳ vọng.

Chưa có các ràng buộc, chế tài để chấn chỉnh, xử lý các trường hợp liên quan đến các kết quả phản hồi chưa tích cực.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Trường tổ chức hội nghị giúp các đơn vị thảo luận và thực hiện các giải pháp khuyến khích các bên liên quan tham gia vào cơ chế phản hồi thông tin, qua đó nâng cao dần tỷ lệ phản hồi đáp ứng kỳ vọng.

Trong năm học 2020-2021, Trường rà soát, điều chỉnh cơ chế phản hồi về các quy định giúp đơn vị có thể thực hiện việc chấn chỉnh, xử lý các trường hợp nhận được phản hồi chưa tích cực từ đại diện các bên liên quan.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo ngành SPTH đã được Trường, Khoa và BCN BM xem trọng, định kỳ đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được căn cứ vào CĐR ngành SPTH, Trường ĐHCT và kế hoạch biên soạn, xây dựng CTGD ĐH hệ chính quy của Trường; thông tin phản hồi từ các nhà tuyển dụng, cựu SV, chuyên gia giáo dục tại các trường ĐH là căn cứ để Trường tiến hành điều chỉnh lại CTĐT, có ứng dụng các kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. Bên cạnh đó, quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của SV ở từng HP theo CĐR. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của SV, đảm bảo cho việc học tập của SV đạt kết quả tốt nhất. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về CTDH và việc phát triển CTDH chưa được thực hiện định kỳ Hàng năm. Kết quả phản hồi từ cựu SV đôi khi chưa đảm bảo độ tin cậy do một số cựu SV làm việc không đúng với chuyên ngành SPTH

○ **Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra**

Mở đầu

BM SPTH - Trường ĐHCT là cơ sở đào tạo ngành cử nhân SPTH với kinh nghiệm trên 50 năm và uy tín hàng đầu ở ĐBSCL. Điểm trúng tuyển của SV hàng năm của ngành luôn thuộc nhóm cao trong số các ngành tuyển sinh khối A và B ở Trường ĐHCT nói riêng và khu vực ĐBSCL nói chung. Trong công tác ĐBCL, Trường ĐHCT không những coi trọng đầu vào và quá trình tổ chức thực hiện, mà còn đặc biệt quan tâm đến kết quả đầu ra của SV. Đây được xem là cơ sở quan trọng trong việc cải tiến chất lượng CTĐT và hoạt động ĐBCL ở các ngành học của Trường. Kết quả đầu ra được đánh giá dựa vào mức độ đạt được của CĐR như: tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, mức độ tham gia và kết quả NCKH của SV và mức độ hài lòng của các BLQ.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Từ năm 2015 đến 2020, tỷ lệ SVTN ngành SPTH từng khóa so với số SV nhập học trung bình khoảng 86,00% (trong đó năm 2020 là 60,00% do mới chỉ tính SVTN đúng hạn) **[H11.11.01.01]**. Phần lớn SVTN xếp loại khá, kể đến là xếp loại giỏi, trung bình, tỷ lệ SVTN loại xuất sắc ít hơn và dao động tùy theo từng khoá (Bảng 11.1).

Công tác xác lập, phân tích và đánh giá tỉ lệ NH tốt nghiệp, thôi học Nhà trường được thực hiện tốt, theo đúng quy định, cập nhật hàng năm để cải tiến chất lượng CTĐT. Tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của ngành SPTH nhìn chung thấp hơn các ngành SP khác (Bảng 11.2) **[H11.11.01.02]**. Đối sánh tỷ lệ SVTN với các trường ĐH Đồng Tháp, ĐH Bạc Liêu, nhận thấy tỷ lệ này cũng thấp hơn (riêng ĐH Bạc Liêu chỉ mới tuyển sinh gần đây) (Bảng 11.3) **[H11.11.01.03]**. Có nhiều lý do khác nhau, phần lớn là do các em bỏ học (Bảng 11.4) và có kết quả học tập chưa tốt nên bị buộc thôi học hoặc hiện tại còn chưa tốt nghiệp.

BM SPTH luôn theo dõi tình hình học tập của SV dựa theo kế hoạch học tập cá nhân và thông qua hệ thống quản lý theo dõi kết quả học tập của SV thông qua CVHT **[H11.11.01.04]**. Trong trường hợp SV có kết quả học tập kém nằm trong diện cảnh báo học vụ, P.CTSV sẽ thông báo đến Khoa, BM để báo cho SV và gia đình về tình hình học tập thông qua quyết định cảnh báo học vụ ở mỗi học kỳ **[H8.08.03.06]**, **[H8.08.03.07]**. Bên cạnh đó, CVHT còn là kênh thu thập thông tin tình hình học tập của SV thông qua tài khoản quản lý kết quả học tập SV của CVHT, các tiết sinh hoạt CVHT mỗi tháng 1 lần **[H8.08.04.02]** **[H2.02.01.06]**, và định kì mỗi năm học để nắm bắt các phản hồi từ SV về các vấn đề học tập **[H11.11.01.05]**. Thông tin về tình hình học tập là tín hiệu giúp SV thay đổi thái độ học tập khi cần thiết nhằm cải thiện được kết quả học tập ở các học kỳ tiếp theo để đạt được kết quả học tập mong đợi, qua đó giúp SV hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Mặt khác, BM SPTH còn nắm bắt tình hình về thái độ học tập của SV thông qua GV BM ở các HP có số SV còn nợ để có những chỉ đạo kịp thời.

Về tình hình SV bỏ học, giai đoạn từ 2014 đến năm 2020, tỷ lệ SV thôi học tính trên tổng số nhập học 17,22 % (Bảng 11.2) **[H8.08.03.07]**; tỷ lệ này còn cao hơn so với các ngành sư phạm khác **[H11.11.01.02]** thuộc KSP, và cao hơn ĐH Đồng Tháp (Bảng 11.3) **[H11.11.01.03]**.

BM SPTH luôn xem đây là một trong những chỉ số cần cải thiện, bởi vì SV thôi học đồng nghĩa với việc phải tốn thêm thời gian để lựa chọn và học tiếp ngành khác hoặc lãng phí thời gian và kinh phí đã đào tạo. BM SPTH đã tổ chức các buổi họp BM với các CVHT, đại diện SV các Khóa để phân tích, tìm hiểu nguyên nhân và hướng xử lý **[H10.10.03.01]**. Qua tìm hiểu được biết một số nguyên nhân sau:

- Không phù hợp với nghề sư phạm, vào học SPTH do thi các ngành y, dược không đậu nên chuyển nguyện vọng.
- Cảm thấy không có cơ hội đầu ra vì hiện nay các sở giáo dục tuyển dụng giáo viên ít và không thường xuyên.
- Hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bỏ học đi làm để phụ giúp kinh tế gia đình, không tập trung vào việc học dẫn đến học lực yếu, kém.
- Do sức khỏe không tốt dẫn đến bỏ học.

Thông qua các hoạt động tư vấn, CVHT, BM SPTH đã có nhiều nỗ lực trong việc hỗ trợ SV trong quá trình học tập, cụ thể như sau:

- Tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ phát triển năng lực SP và bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp như: sinh hoạt chuyên đề nâng cao năng lực SP, câu lạc bộ tin học **[H11.11.01.06]**, báo cáo kinh nghiệm học tập, rút kinh nghiệm THSP, phối hợp với Đoàn thanh niên tổ chức các buổi sinh hoạt phù hợp để tìm hiểu tâm tư, hoàn cảnh của SV đặc biệt với các SV có khó khăn về học tập, **[H11.11.01.07]**, ...

- SV có hoàn cảnh khó khăn, vượt khó học tốt được nhận học bổng từ nhiều nguồn khác nhau như: học bổng khuyến khích học tập của Trường mỗi học dành cho SV có kết quả học tập và rèn luyện tốt ở mỗi học kì chính, nguồn quỹ của BM, và nhiều học bổng khuyến học khác như: học bổng Nguyễn Trường Tộ, Viet Hope,... **[H11.01.01.08]** **[H8.08.04.08]**.

- Trường còn hỗ trợ SV làm giấy vay vốn học tập ở địa phương, hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn (hộ nghèo), khó khăn đột xuất,... **[H11.01.01.09]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV thông suốt từ cấp Trường, cấp Khoa đến cấp BM, có các quy định, quy trình cụ thể để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học nhằm mục đích cải tiến chất lượng.

3. Điểm tồn tại

Tỷ lệ thôi học còn ở mức cao, việc hỗ trợ SV có hoàn cảnh khó khăn chưa đáp ứng

được hết các trường hợp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Trường, Khoa và BM SPTH tiếp tục thực hiện các giải pháp hiệu quả việc quản lý, giám sát và hỗ trợ SV SPTH đang học và sau khi tốt nghiệp hàng năm.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2021, BM SPTH tăng cường các hoạt động giáo dục tình cảm nghề nghiệp: tổ chức các buổi trao đổi về chuyên môn nâng cao năng lực SP và lòng yêu nghề cho SV mỗi năm một lần.

5. Tự đánh giá:

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Thực hiện theo quy định của BGDDT và Trường ĐHCT, CTĐT ngành SPTH có thời gian thực hiện một khóa đào tạo là 4 năm (8 học kỳ), SV có tối đa 8 năm để tốt nghiệp theo quy định Thông tư số 17/VBHN-BGDDT ban hành quy chế đào tạo ĐH và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Khi mới nhập học SV được CVHT tư vấn lập kế hoạch học tập riêng cho từng SV [H11.01.02.01]. Trong quá trình học tập, các SV có kết quả học tập không tốt được thông báo đến Khoa, BM và CVHT thông qua danh sách cảnh báo học vụ, đình chỉ học tập và buộc thôi học hàng năm, được quy định cụ thể ở Điều 18, quy chế học vụ Trường ĐHCT [H5.05.01.01].

Bảng 11.1 trình bày số liệu về tỷ lệ SV ngành SPTH tốt nghiệp theo thời gian đào tạo được báo cáo hàng năm, có từ 29,82-60,00% SV hoàn thành chương trình học đúng thời hạn (4 năm) trên tổng SV hiện có [H11.11.01.01] và thời gian tốt nghiệp trung bình là 4,65 (được thống kê trong Bảng 11.5). Tỷ lệ SVTN đúng thời gian đào tạo (4 năm) và thời gian tốt nghiệp trung bình của BM khá thấp so với các ngành đào tạo khác của KSP [H11.11.01.02], và thấp hơn so với Ngành SPTH trường ĐH Đồng Tháp và ĐH Bạc Liêu [H11.11.01.03], có thể giải thích với nhiều lý do khác nhau nhưng phần lớn liên quan đến kết quả học tập, kể đến là vấn đề sức khỏe, vấn đề cá nhân.

BM SPTH thường xuyên chỉ đạo CVHT theo dõi tình hình học tập của các SV bị rớt HP và kế hoạch đăng ký HP ở từng học kỳ của SV năm ba và năm tư để đảm bảo tốt nghiệp đúng hạn [H11.11.02.02]. Trong quá trình học, các SV được hỗ trợ bởi CVHT,

trợ lý giáo vụ của KSP, P.CTSV, P.ĐT [H11.11.02.03] về các vấn đề liên quan đến công tác học vụ: như mở HP, xin học trùng lịch, xét tương đương HP, hỗ trợ mở các HP vào học kì hè để SV có thể trả nợ,... Các trường hợp SV có bị cảnh báo học vụ do có kết quả học tập yếu kém được Trường thông báo định kỳ hàng năm để giúp SV thay đổi thái độ học tập, nhằm cải thiện kết quả học tập và hoàn thành khoa học [H8.08.03.06], [H8.08.03.07]. Mặt khác, CVHT giữ liên lạc với gia đình SV nhằm thông báo tình hình học tập, sinh hoạt và phối hợp với gia đình SV để tìm hiểu nguyên nhân và có những giải pháp tích cực bằng các giải pháp phù hợp hữu hiệu để SV không phải bỏ học hoặc có thể tốt nghiệp đúng hạn.

BM SPTH cũng phân công GV làm CVHT cho các trường hợp SV chưa tốt nghiệp sau 4 năm, nhằm để theo dõi tình hình học tập và hỗ trợ các SV khi gặp khó khăn về tình hình học tập [H11.11.02.04].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT thường xuyên giám sát và có nhiều biện pháp hỗ trợ SV để đảm bảo tiến độ học tập. SV có kế hoạch học tập rõ ràng và luôn có ý thức cố gắng để bảo đảm tiến độ học tập trong 4 năm.

3. Điểm tồn tại

Tỉ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn của SV ngành SPTH còn thấp.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Trường ĐHCT, KSP tiếp tục thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ SV: đăng kí HP, xin mở lớp HP, xét các HP tương đương, ưu tiên đăng kí HP cho các SV còn nợ môn, đăng kí nhiều hơn số tín chỉ cho phép trong học kì đối với SV khóa cuối,...

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2021, BM SPTH có kế hoạch tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ học tập đặc biệt đối với SV bị cảnh báo học vụ, đồng thời tăng cường sự quan tâm của CVHT đối với các SV đã bị chậm tiến độ. GV BM SPTH cần điều chỉnh phương pháp đánh giá một số HP cho phù hợp năng lực của SV đảm bảo CDR của HP để góp phần nâng cao tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn cho SV.

5. Tự đánh giá:

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Để có thông tin phản hồi từ SV sau khi tốt nghiệp, nhằm cải tiến chất lượng, trường ĐHCT đã triển khai thực hiện việc điều tra khảo sát việc làm NH sau tốt nghiệp liên tục hàng năm từ năm 2016 [H11.11.03.01], giao trực tiếp CVHT và BM SPTH thực hiện khảo sát. Trợ lý quản lý SV của KSP được giao nhiệm vụ phân tích và báo cáo kết quả khảo sát đến Trung tâm QLCL [H8.08.04.14], [H11.11.03.01(9)]. Danh sách SV tốt nghiệp có việc làm, vị trí làm việc, đơn vị công tác từ năm 2016 đến nay được thu thập, thống kê và lưu trữ đầy đủ. Riêng thông tin về mức thu nhập trung bình, chỉ được thu thập từ năm 2018 về sau.

Để việc khảo sát đạt kết quả tốt, Trung tâm QLCL đã phối hợp với các đơn vị trong Trường tổ chức tập huấn cho các cán bộ được phân công nhiệm vụ ở các đơn vị [H11.11.03.02], [H11.11.03.03].

Kết quả điều tra những năm vừa qua (từ 2016 đến 2020) đã được báo cáo cho BGDĐT, trong đó tỷ lệ có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp trung bình 5 năm gần đây là 78,39% (Bảng 11.6), tỷ lệ này so với các ngành SP khác của Khoa là khá cao [H8.08.04.14]. Tỷ lệ này có khuynh hướng tăng lên theo từng năm, và có khuynh hướng chuyển làm việc ở khu vực tư nhân. Một trong những nguyên nhân quan trọng, do số lượng chỉ tiêu SV ngành SPTH gần đây giảm, SVTN giảm tỷ lệ cạnh tranh với nhu cầu tuyển dụng giáo viên ngành SPTH ở vùng, và đặc biệt nhiều cơ sở giáo dục tư nhân tăng lên về số lượng. Hiện nay, Nhà trường chưa đối sánh tỉ lệ NH tốt nghiệp có việc làm của ngành SPTH với NH cùng ngành ở các trường khác.

Để nâng cao năng lực nghề nghiệp và khả năng tìm việc làm của SV sau tốt nghiệp, Trường ĐHCT đã có nhiều biện pháp tích cực và thường xuyên như:

- + KSP thường tổ chức sinh hoạt chuyên đề nâng cao năng lực SP với các GV có chuyên môn [H11.11.03.04].

- + KSP đã đưa HP Kỹ năng mềm vào CTĐT cho SV các ngành SP [H1.01.01.02], Trung tâm tư vấn khởi nghiệp và hỗ trợ SV của Trường ĐHCT cũng tổ chức các lớp kỹ năng mềm cho SV và GV [H11.11.03.05].

- + Trường thường xuyên cung cấp thông tin tuyển dụng trên trang website Hội chợ việc làm, Hội cựu SV, thông tin trên các trang mạng xã hội của Trường để giúp SV tiếp

cận dễ dàng và kịp thời. Ngoài ra, thông qua các mối quan hệ cá nhân của GV trong BM cũng giới thiệu việc làm cho nhiều SV có nhu cầu tìm việc.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT và KSP đã có hệ thống và cơ chế để khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV.

3. Điểm tồn tại

Số lượng SV sau tốt nghiệp trả lời khảo sát chưa cao do một số SV sau tốt nghiệp đổi địa chỉ liên lạc làm gián đoạn thông tin, đồng thời một số SV không công tác ở trường THPT nên mặc cảm và không cung cấp thông tin chính xác.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Trung tâm QLCL, KSP, BM SPTH tiếp tục thu thập thông tin phản hồi việc làm của SV sau khi tốt nghiệp hàng năm, nhằm đối sánh để cải tiến chất lượng đào tạo. Trường ĐHCT, KSP, BM SPTH thường xuyên cập nhập thông tin việc làm đến SV thông qua website trường, KSP và BM SPTH.

Khắc phục tồn tại: BM SPTH, CVTH giữ liên hệ với SV và gia đình lớp theo nhiều kênh (số điện thoại, email, mạng xã hội...) để khuyến khích SV tham gia khảo sát ý kiến.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của SV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

NCKH của SV là 1 trong những hoạt động quan trọng ở trường ĐHCT. Nhằm đẩy mạnh các hoạt động NCKH trong SV, Nhà trường đã xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát các loại hình nghiên cứu và hoạt động NCKH của SV như:

- Phòng Quản lý khoa học là đầu mối để tham mưu cho Nhà trường xây dựng Kế hoạch phát triển khoa học và Công nghệ. Trợ lý giáo vụ phụ trách NCKH đầu mối liên hệ giữa đơn vị với Phòng Quản lý khoa học. GV là cán bộ trực tiếp hướng dẫn đề tài (mỗi GV chỉ được hướng dẫn 1 đề tài/ năm) **[H11.11.04.01]**.

- Trường ĐHCT đã ban hành Hướng dẫn thực hiện và quản lý đề tài NCKH của SV **[H6.06.01.11]**, “Sổ tay NCKH” nhằm cung cấp cho GV, SV các văn bản Quy định

về công tác quản lý NCKH của Trường **[H6.06.07.01]**. Hàng năm, Trường ĐHCT đều thông báo cho SV đăng ký đề tài NCKH **[H11.11.04.02]**, các vấn đề trọng tâm cần nghiên cứu đối với đề tài cấp cơ sở do SV thực hiện theo 5 lĩnh vực NCKH ưu tiêu của trường **[H11.11.04.03]**.

- Kinh phí dành cho NCKH nâng cao chất lượng đào tạo của Trường ĐHCT được huy động từ nhiều nguồn như khác nhau: Kinh phí sự nghiệp của nhà nước; kinh phí hợp tác với các địa phương, doanh nghiệp; kinh phí hợp tác quốc tế về NCKH và kinh phí từ hoạt động chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ **[H11.11.01.04]**. Riêng kinh phí đầu tư cho NCKH của NH hàng năm được trích từ nguồn thu học phí, tổng nguồn kinh phí chi cho đề tài NCKH trong của toàn trường trong 5 năm gần đây 9.501.675.000 đồng (*Chín tỉ năm trăm lẻ một triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) **[H10.10.04.05]**.

Hoạt động NCKH của SV ở BM SPTH khá nổi bật so với các Bộ môn khác thuộc KSP bởi số lượng đề tài từ năm 2016 đến nay luôn duy trì ổn định (được thống kê Bảng 11.7) chiếm 19,64% tổng số đề tài của KSP, và là một trong những Bộ môn đi đầu về hoạt động NCKH của SV thuộc KSP về số lượng đề tài **[H11.11.04.05]**. Từ năm 2015 đến 2020, SV BM SPTH đã có 21 đề tài đăng trên các tạp chí trong và quốc tế **[H11.11.04.06]**. Ngoài việc tham gia vào đề tài NCKH của Trường, SV BM SPTH còn tham gia các hội thảo khoa học SV do KSP, Trường ĐHCT hay Hội thảo toàn quốc các trường ĐH SP tổ chức, đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ của Trường ĐHCT, BGDDT, 01 giải nhì (năm 2015), 01 giải nhì (năm 2018), 01 giải khuyến khích (năm 2019), tại hội nghị NCKH Trẻ ĐHCT, giải Khuyến khích SV NCKH 2018 BGDDT **[H3.03.01.02]**. Thông qua hoạt động NCKH, SV có thể trang bị được nhiều kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp sau này.

GV của BM SPTH chủ nhiệm và tham gia nhiều đề tài NCKH các cấp **[H6.06.07.03]**. Chính vì thế, nhiều SV của BM SPTH cũng có cơ hội tham gia hỗ trợ cho GV thực hiện đề tài, góp phần phát triển kỹ năng NCKH cho bản thân. Ngoài ra, mỗi học kỳ BM điều tổ chức từ 2 đến 4 seminar cho GV, có nhiều SV của BM SPTH

tham dự **[H6.06.04.05]**. Thông qua đó SV được tiếp cận với công tác NCKH nhiều hơn, dần dần hình thành lòng say mê NCKH.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT có nhiều loại hình NCKH đa dạng và số lượng đề tài NCKH trong SV phong phú, được xác lập và giám sát cụ thể cùng với chính sách hỗ trợ, tư vấn từ phía lãnh đạo tạo điều kiện thuận lợi cho SV tham gia hoạt động NCKH. Nhiều SV của BM SPTH say mê, thích thú với NCKH, GV trẻ với lòng đam mê NCKH cao.

3. Điểm tồn tại

Số lượng SV đăng ký NCKH về lĩnh vực giáo dục còn hạn chế, nhà trường chưa tổ chức đối sánh loại hình và số lượng NCKH của SV ngành SPTH với ngành này ở các trường đại học khác.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Tiếp tục duy trì các hình thức khen thưởng, động viên SV trong công tác NCKH.

Khắc phục tồn tại: Từ năm 2021, BM SPTH vận động, khuyến khích SV tham gia đăng ký đề tài NCKH cấp cơ sở về lĩnh vực giáo dục.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 5/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các BLQ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả

Sự hài lòng về CTĐT ngành SPTH và chất lượng của SVTN được đánh giá dựa trên kết quả khảo sát 04 BLQ: (1) SV đang học (tương đương khóa 42, 43, 44 và 45), (2) GV (bao gồm cơ hữu và mời giảng), (3) Cựu SV (từ khóa 42 trở về trước) và (4) Nhà sử dụng lao động (BGH, tổ trưởng chuyên môn và chuyên viên sở Giáo dục và Đào tạo).

- Đối với GV

Hàng năm, Trường ĐHCT đều tổ chức hội nghị viên chức tạo điều kiện cho GV đóng góp ý kiến, nhằm nâng cao chất lượng các CTĐT, tạo thế phát triển vững chắc **[H11.11.05.01]**. Bên cạnh đó, mức độ hài lòng của GV được BM SPTH thu thập thông qua các phiếu khảo sát vào tháng 9/2018 **[H1.01.01.06]** (được thống kê trong Bảng 11.8)

Kết quả thống kê khảo sát cho thấy tỷ lệ đánh giá tốt các chỉ số của CTĐT đạt kết quả cao.

- Đối với SV

Hàng năm, Trường ĐHCT đã có kế hoạch chủ động thu thập thông tin phản hồi của SV, HV **[H5.05.03.08]**, đánh giá ở tất cả các HP trong CTĐT vào cuối mỗi học kì chính từ năm 2015 đến nay, thông qua hệ thống lấy ý kiến trực tuyến SV, **[H5.05.03.09]**. Tỷ lệ phản hồi của SV về các HP ở mỗi học kì chưa cao giai đoạn từ 2015 – 2019, tuy nhiên bắt đầu từ 2020, nhà Trường đã có những quy định chặt chẽ để bắt buộc SV trong việc lấy ý kiến phản hồi của người học cho các HP, để từ đó có những đánh giá khách quan về hoạt động giảng dạy của GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo **[H11.11.05.02]**.

Ngoài ra, định kỳ hàng năm Khoa và Trường đều tổ chức các hội nghị dân chủ SV, tạo diễn đàn tiếp xúc đối thoại trực tiếp giữa SV của từng đơn vị đào tạo với các đơn vị chức năng và với Hiệu trưởng Trường về mọi mặt hoạt động liên quan đến SV **[H8.08.05.08]**, nhằm tiếp thu các ý kiến để nâng cao cải tiến chất lượng đào tạo **[H7.07.01.06]**.

- Đối với cựu SV

Trường ĐHCT hàng năm đều tổ chức lấy ý kiến SV vừa tốt nghiệp thông qua hệ thống lấy ý kiến trực tuyến của Trường, kết quả khảo sát phần lớn đều cho kết quả hài lòng về CTĐT, các hoạt động tổ chức giảng dạy của GV, dịch vụ hỗ trợ Trường,...(Bảng 11.9) **[H7.07.01.07]** để từ đó, Trường có những điều chỉnh hợp lý.

Mặt khác, BM SPTH thu thập thông tin qua các phiếu khảo sát vào tháng 9/2018 **[H1.01.01.06]** với kết quả hài lòng về CTĐT được biểu diễn ở các đồ thị Hình 11.1.

- Đối với nhà tuyển dụng

Ngoài ra, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, BM SPTH còn tiến hành lấy ý kiến nhà tuyển dụng là các BGH các trường THPT trên địa bàn và các tỉnh lân cận về CTĐT để nâng cao chất lượng. BM SPTH thu thập thông tin bằng các hình thức phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp thông qua các phiếu khảo sát vào tháng 9/2018 **[H1.01.01.06]**, kết quả khảo sát đa số cho kết quả hài lòng về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành SPTH rõ ràng và phù hợp (Hình 11.2 và 11.3). Tuy nhiên, BM SPTH cũng nhận được nhiều sự đóng góp của nhà tuyển dụng từ phỏng vấn trực tiếp về các kỹ năng, nghiệp vụ SP và các vấn đề về tin học, ngoại ngữ của SV cần bổ sung để hoàn thiện **[H1.01.01.06]**.

Về phía KSP nói chung và BM SPTH nói riêng, việc lấy ý kiến nhà tuyển dụng chủ yếu là những ý kiến qua các cuộc họp mỗi kỳ tổng kết KTSP, TTSP [H5.05.01.11], [H5.05.01.12]. Đa số các ý kiến phản hồi từ các cơ sở giáo dục cho thấy trình độ chuyên môn của SV ngành SPTH đều đạt yêu cầu, tuy nhiên cần tự trang bị thêm nhiều kỹ năng giao tiếp, năng lực SP,... Bên cạnh đó còn tổ chức các hội nghị, hội thảo hay các buổi làm việc giữa Trường với các sở giáo dục và đào tạo các tỉnh trong khu vực ĐBSCL, tuy nhiên chưa có cơ chế thường xuyên và chuyên nghiệp trong việc thu thập và xử lý thông tin để cải tiến chất lượng. Mặc dù vậy, nhiều ý kiến đã được tham khảo để cải tiến CTĐT ngành SPTH, chẳng hạn tăng thời lượng và đổi mới nội dung các môn học lĩnh vực lý luận và PPDH Tin học trong CTĐT [H1.01.01.03], tăng cường năng lực thực hành thí nghiệm dạy học và đầu tư PTN [H9.09.01.07].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHCT và KSP có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ GV, SV và khảo sát SV tốt nghiệp về CTĐT có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích cải tiến chất lượng CTĐT.

3. Điểm tồn tại

KSP và BM SPTH chưa tổ chức Họp mặt với nhà tuyển dụng thường xuyên để khảo sát ý kiến.

4. Kế hoạch hành động

Phát huy điểm mạnh: Hàng năm, Trung tâm QLCL kết hợp với KSP, BM SPTH tiếp tục khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của SV, cựu SV, với nhiều hình thức khác nhau: lấy ý kiến trực tuyến, phỏng vấn.

Khắc phục tồn tại: Từ 07/2021, BM SPTH đề xuất KSP tổ chức Hội thảo, Họp mặt với nhà tuyển dụng để khảo sát ý kiến thường xuyên ít nhất hai năm một lần.

5. Tự đánh giá

Đạt, mức 4/7.

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ SV đến cấp BM, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, có cơ chế và hệ thống thu thập thông tin phản hồi và đã triển khai công tác lấy ý kiến phản hồi từ SV và GV, có quy định rõ ràng về xử lý thông tin phản hồi và sử dụng nhằm mục đích

cải tiến chất lượng CTĐT. Việc khảo sát tình hình việc làm sau tốt nghiệp của SV đã được quan tâm và thực hiện thường xuyên hàng năm và khảo sát lấy ý kiến các BLQ (cựu SV) được thực hiện ít nhất 2 năm/1 lần.

Trường ĐHCT rất chú trọng đến việc tạo điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất và tổ chức nhóm nghiên cứu để SV tham gia các hoạt động NCKH. Cán bộ của BM SPTH luôn làm gương, quan tâm hỗ trợ để thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV.

Việc khảo sát lấy ý kiến các BLQ ở nhóm đối tượng nhà tuyển dụng chưa được thực hiện theo định kỳ.

